BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngữ văn 8

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN KHẮC PHI (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN HOÀNH KHUNG (Chủ biên phần Văn)
NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên phần Tiếng Việt) – TRẦN ĐÌNH SỬ (Chủ biên phần Tập làm văn)
LÊ A – DIỆP QUANG BAN – HỒNG DÂN – ĐỖ KIM HỒI – BÙI MẠNH HÙNG – LÊ QUANG HƯNG
LÊ XUÂN THẠI – LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG – PHÙNG VĂN TỬU

Ngữ văn 8

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ bảy)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

01 - 2011/CXB/79 - 1235/GD

Mã số : 2H812T1

BÀI 18

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được niềm khao khát tự do mãnh liệt và tâm sự yêu nước được diễn tả sâu sắc qua lời con hổ bị nhốt ở vườn bách thú. Thấy được bút pháp lãng mạn đầy truyền cảm của tác giả.*
- *Cảm nhận được tình cảnh tàn tạ của "ông đồ", đồng thời thấy được lòng thương cảm và niềm hoài cổ của nhà thơ được thể hiện qua lối viết bình dị mà gợi cảm.*
- *Củng cố và nâng cao kiến thức về câu nghi vấn đã học ở Tiểu học, nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng chính của câu nghi vấn.*
- *Biết cách viết một đoạn văn thuyết minh.*

VĂN BẢN

NHỚ RỪNG

Lời con hổ ở vườn bách thú [1]

Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt,
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua,
Khinh lũ người kia ngạo mạn[2], ngẩn ngơ,
Giương mắt bé giễu oai linh[3] rừng thẳm.
Nay sa cơ[4], bị nhục nhằn tù hãm,
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi,
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự[5].

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm[6], bóng cả[7], cây già,



Với tiếng gió gào ngàn[8], với giọng nguồn hét núi,
Với khi thét khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng,
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.
Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc,
Là khiến cho mọi vật đều im hơi.
Ta biết ta chúa tể[9] cả muôn loài,
Giữa chốn thảo hoa[10] không tên, không tuổi.

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn[11] ta đổi mới ?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật ?
– Than ôi ! Thời oanh liệt[12] nay còn đâu ?

*

Nay ta ôm niềm uất hận[13] ngàn thâu,
Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,
Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối :
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng ;
Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém ;
Dăm vừng lá hiền lành, không bí hiểm[14],
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu
Của chốn ngàn năm cao cả, âm u.

Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ[15] !
Là nơi giống hầm thiêng[16] ta ngự trị[17],
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa,
Nơi ta không còn được thấy bao giờ !
Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,
Ta đương theo giấc mộng ngàn[18] to lớn
Để hồn ta phảng phất được gần ngươi,
– Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi !

(Thế Lữ[★], trong *Thi nhân Việt Nam*,
Nguyễn Đức Phiên xuất bản, Hà Nội, 1943)

Chú thích

(★) Thế Lữ (1907 – 1989) tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ, quê ở Bắc Ninh (nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội), là nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới (1932 – 1945) buổi đầu. Với một hồn thơ dồi dào, đầy lãng mạn, Thế Lữ

đã góp phần quan trọng vào việc đổi mới thơ ca và đem lại chiến thắng cho thơ mới. Ngoài sáng tác thơ, Thế Lữ còn viết truyện (truyện trinh thám, truyện kinh dị, truyện đường rừng lãng mạn,...). Sau đó, ông chuyển hẳn sang hoạt động sân khấu và là một trong những người có công đầu xây dựng ngành kịch nói ở nước ta. Ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 2000). Tác phẩm chính : *Mấy vần thơ* (thơ, 1935), *Vàng và máu* (truyện, 1934), *Bên đường Thiên lôi* (truyện, 1936), *Lê Phong phóng viên* (truyện, 1937),...

Nhớ rừng là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ và là tác phẩm góp phần mở đường cho sự thắng lợi của thơ mới.

(1) *Vườn bách thú* : công viên có nuôi nhốt các loại chim thú quý hiếm.

(2) *Ngạo mạn* : kiêu ngạo, coi thường người khác.

(3) *Oai linh* (hoặc *uy linh*) : sức mạnh linh thiêng.

(4) *Sa cơ* : lâm vào cảnh không may, phải thất bại.

(5) *Vô tư lự* : không lo nghĩ.

(6) *Sơn lâm* : rừng núi (*sơn* : núi ; *lâm* : rừng).

(7) *Cả* (từ cũ) : lớn.

(8) *Ngàn* : rừng.

(9) *Chúa tể* : kẻ ở ngôi chủ, có quyền lực thống trị tối cao.

(10) *Thảo hoa* : hoa cỏ, cây cối (*thảo* : cỏ ; *hoa* : hoa).

(11) *Giang sơn* : sông núi, chỉ đất đai có chủ quyền.

(12) *Oanh liệt* : (tiếng tăm) lừng lẫy, vang dội.

(13) *Uất hận* : căm giận, uất ức dồn nén trong lòng.

(14) *Bí hiểm* : dường như chứa đựng nguy hiểm khó dò biết.

(15) *Hùng vĩ* : to lớn, mạnh mẽ, toát lên vẻ đẹp gây ấn tượng về sự lớn lao, hùng mạnh (*hùng* : khí thế mạnh mẽ ; *vĩ* : rất to lớn).

(16) *Hầm thiêng* (hoặc *hùm thiêng*) : con hổ tinh khôn và dũng mãnh, được coi là linh thiêng.

(17) *Ngự trị* : chiếm địa vị thống trị cao nhất (thường dành nói về vua chúa).

(18) *Giấc mộng ngàn* : mộng tưởng về chốn rừng núi.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài thơ được tác giả ngắt thành 5 đoạn, hãy cho biết nội dung mỗi đoạn.

2. Trong bài thơ có hai cảnh được miêu tả đầy ấn tượng : cảnh vườn bách thú, nơi con hổ bị nhốt (đoạn 1 và đoạn 4) ; cảnh núi rừng hùng vĩ, nơi con hổ ngự trị những "ngày xưa" (đoạn 2 và đoạn 3).

a) Hãy phân tích từng cảnh tượng.

b) Nhận xét việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu các câu thơ trong đoạn 2 và đoạn 3. Phân tích để làm rõ cái hay của hai đoạn thơ này.

c) Qua sự đối lập sâu sắc giữa hai cảnh tượng nêu trên, tâm sự con hổ ở vườn bách thú được biểu hiện như thế nào ? Tâm sự ấy có gì gần gũi với tâm sự người dân Việt Nam đương thời ?

3. Căn cứ vào nội dung bài thơ, hãy giải thích vì sao tác giả mượn "lời con hổ ở vườn bách thú". Việc mượn lời đó có tác dụng thế nào trong việc thể hiện nội dung cảm xúc của nhà thơ ?

4*. Nhà phê bình văn học Hoài Thanh có nhận xét về thơ Thế Lữ : "Đọc đôi bài, nhất là bài *Nhớ rừng*, ta tưởng chừng thấy những chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt bởi một sức mạnh phi thường. Thế Lữ như một viên tướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể cưỡng được" (*Thi nhân Việt Nam*, Sđd). Em hiểu như thế nào về ý kiến đó ? Qua bài thơ, hãy chứng minh.

Ghi nhớ

Nhớ rừng *của Thế Lữ mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và niềm khao khát tự do mãnh liệt bằng những vần thơ tràn đầy cảm xúc lãng mạn. Bài thơ đã khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy.*

LUYỆN TẬP

Học thuộc và tập đọc diễn cảm bài thơ.

VĂN BẢN (Tự học có hướng dẫn)

ÔNG ĐỒ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ[1] già
Bày mực tàu[2] giấy đỏ
Bên phố đông người qua.



Tranh "Ông đồ" của Bùi Xuân Phái

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc[3] ngợi khen tài
"Hoa tay[4] thảo[5] những nét
Như phượng múa rồng bay".

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu ?
Giấy đỏ buồn không thắm ;
Mực đọng trong nghiên[6] sầu...

Ông đồ vẫn ngồi đấy,
Qua đường không ai hay,
Lá vàng rơi trên giấy ;
Ngoài giời mưa bụi bay.

Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ ?

(Vũ Đình Liên[★], trong *Thi nhân Việt Nam*, Sđd)

Chú thích

(★) Vũ Đình Liên (1913 – 1996) quê gốc ở Hải Dương nhưng chủ yếu sống ở Hà Nội, là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới. Thơ ông thường mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ. Ngoài sáng tác thơ, ông còn nghiên cứu, dịch thuật, giảng dạy văn học.

Ông đồ là bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ giàu thương cảm của Vũ Đình Liên. Tuy sáng tác thơ không nhiều nhưng chỉ với bài *Ông đồ*, Vũ Đình Liên đã có vị trí xứng đáng trong phong trào Thơ mới.

(1) *Ông đồ* : người dạy học chữ nho xưa. Nhà nho xưa nếu không đỗ đạt làm quan thì thường làm nghề dạy học, gọi là *ông đồ, thầy đồ*. Mỗi dịp Tết đến, ông đồ thường được nhiều người thuê viết chữ, câu đối để trang trí trong nhà. Nhưng từ khi chế độ thi cử phong kiến bị bãi bỏ, chữ nho không còn được trọng, ngày Tết không mấy ai sắm câu đối hoặc chơi chữ, ông đồ trở nên thất thế và bị gạt ra lề cuộc đời. Từ đó, hình ảnh ông đồ chỉ còn là "cái di tích tiều tuỵ đáng thương của một thời tàn" (lời Vũ Đình Liên).

(2) *Mực tàu* : thỏi mực đen mài với nước làm mực để viết chữ Hán, chữ Nôm hoặc để vẽ bằng bút lông.

(3) *Tấm tắc* : luôn miệng nói ra những tiếng tỏ ý khen ngợi, khâm phục.

(4) *Hoa tay* : đường vân xoáy tròn ở đầu ngón tay, được coi là dấu hiệu của tài hoa.

(5) *Thảo* : viết tháu, viết nhanh (nghĩa trong văn bản).

(6) *Nghiên* : dụng cụ làm bằng chất liệu cứng và có lòng trũng để mài và đựng mực tàu.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phân tích hình ảnh ông đồ ngồi viết chữ nho ngày Tết trong hai khổ thơ đầu và hình ảnh của chính ông ở khổ 3, 4. Hãy so sánh để làm rõ sự khác nhau giữa hai hình ảnh đó. Sự khác nhau này gợi cho người đọc cảm xúc gì về tình cảnh ông đồ ?

2. Tâm tư nhà thơ thể hiện qua bài thơ như thế nào ?

3. Bài thơ hay ở những điểm nào ? (*Gợi ý* : cách dựng hai cảnh cùng miêu tả ông đồ ngồi viết thuê ngày Tết bên phố nhưng rất khác nhau gợi sự so sánh ; những chi tiết miêu tả đầy gợi cảm ; sử dụng thể thơ năm chữ và ngôn ngữ giản dị mà cô đọng, nhiều dư vị...)

4. Phân tích để làm rõ cái hay của những câu thơ sau :

– Giấy đỏ buồn không thắm ;
Mực đọng trong nghiên sầu...

– Lá vàng rơi trên giấy ;
Ngoài giời mưa bụi bay.

Theo em, những câu thơ đó là tả cảnh hay tả tình ?

Ghi nhớ

***Ông đồ** của Vũ Đình Liên là bài thơ ngũ ngôn bình dị mà cô đọng, đầy gợi cảm. Bài thơ đã thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của "ông đồ", qua đó toát lên niềm cảm thương chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi tiếc nhớ cảnh cũ người xưa của nhà thơ.*

CÂU NGHI VẤN

I – ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC VÀ CHỨC NĂNG CHÍNH

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Vẻ nghi ngại hiện ra sắc mặt, con bé hóm hỉnh hỏi mẹ một cách thiết tha :

– Sáng ngày người ta đấm u có đau lắm không ?

Chị Dậu khẽ gạt nước mắt :

– Không đau con ạ !

– Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai ? Hay là u thương chúng con đói quá ?

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

a) Trong đoạn trích trên, câu nào là câu nghi vấn ? Những đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu nghi vấn ?

b) Câu nghi vấn trong đoạn trích trên dùng để làm gì ?

> ***Ghi nhớ***
>
> • *Câu nghi vấn là câu :*
>
> *– Có những từ nghi vấn (**ai, gì, nào, sao, tại sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu, à, ư, hả, chứ, (có) ... không, (đã) ... chưa,...**) hoặc có từ **hay** (nối các vế có quan hệ lựa chọn).*
>
> *– Có chức năng chính là dùng để hỏi.*
>
> • *Khi viết, câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm hỏi.*

II – LUYỆN TẬP

1. Xác định câu nghi vấn trong những đoạn trích sau. Những đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu nghi vấn ?

a) *Rồi hắn chỉ luôn vào mặt chị Dậu :*

– Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải không ? Đấy ! Chị hãy nói với ông cai, để ông ấy ra đình kêu với quan cho ! Chứ ông lí tôi thì không có quyền dám cho chị khất một giờ nào nữa !

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

b) *Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế ? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la.*

(Theo Lâm Ngữ Đường, *Tinh hoa xử thế*)

c) *Văn là gì ? Văn là vẻ đẹp. Chương là gì ? Chương là vẻ sáng. Nhời (lời) của người ta rực rỡ bóng bẩy, tựa như có vẻ đẹp vẻ sáng, cho nên gọi là văn chương.*

(Theo Phan Kế Bính, *Việt Hán văn khảo*)

d) *Tôi cất tiếng gọi Dế Choắt. Nghe tiếng thưa, tôi hỏi :*

– Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không ?

– Đùa trò gì ? Em đương lên cơn hen đây ! Hừ hừ...

– Đùa chơi một tí.

– Hừ... hừ... cái gì thế ?

– Con mụ Cốc kia kìa.

Dế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi :

– Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả ?

– Ừ.

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

2. Xét các câu sau và trả lời câu hỏi.

a) *Mình đọc hay tôi đọc ?*

(Nam Cao, *Đôi mắt*)

b) Em được thì cho anh xin
Hay là em để làm tin trong nhà ?

(Ca dao)

c) *Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc ?*

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

Câu hỏi :

– Căn cứ vào đâu để xác định những câu trên là câu nghi vấn ?

– Trong các câu đó, có thể thay từ *hay* bằng từ *hoặc* được không ? Vì sao ?

3. Có thể đặt dấu chấm hỏi ở cuối những câu sau được không ? Vì sao ?

a) *Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không.*

(*Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*)

b) *Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão.*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

c) *Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa.*

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*)

d) *Biển nhiều khi rất đẹp, ai cũng thấy như thế.*

(Vũ Tú Nam, *Biển đẹp*)

4. Phân biệt hình thức và ý nghĩa của hai câu sau :

a) *Anh có khoẻ không ?*

b) *Anh đã khoẻ chưa ?*

Xác định câu trả lời thích hợp đối với từng câu. Đặt một số cặp câu khác và phân tích để chứng tỏ sự khác nhau giữa câu nghi vấn theo mô hình *có ... không* với câu nghi vấn theo mô hình *đã ... chưa*.

5. Hãy cho biết sự khác nhau về hình thức và ý nghĩa của hai câu sau :

a) *Bao giờ anh đi Hà Nội ?*

b) *Anh đi Hà Nội bao giờ ?*

6. Cho biết hai câu nghi vấn sau đây đúng hay sai. Vì sao ?

a) *Chiếc xe này bao nhiêu ki-lô-gam mà nặng thế ?*

b) *Chiếc xe này giá bao nhiêu mà rẻ thế ?*

VIẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I – ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

1. Nhận dạng các đoạn văn thuyết minh

Đoạn văn là bộ phận của bài văn. Viết tốt đoạn văn là điều kiện để làm tốt bài văn. Đoạn văn thường gồm hai câu trở lên, được sắp xếp theo thứ tự nhất định.

Đọc các đoạn văn thuyết minh sau. Nêu cách sắp xếp các câu trong đoạn văn (câu chủ đề, từ ngữ chủ đề và các câu giải thích, bổ sung).

a) *Thế giới đang đứng trước nguy cơ thiếu nước sạch nghiêm trọng. Nước ngọt chỉ chiếm 3% tổng lượng nước trên trái đất. Lượng nước ít ỏi ấy đang ngày càng bị ô nhiễm bởi các chất thải công nghiệp. Ở các nước thứ ba, hơn một tỉ người phải uống nước bị ô nhiễm. Đến năm 2025, 2/3 dân số thế giới sẽ thiếu nước.*

(Theo *Hoa học trò*)

b) *Phạm Văn Đồng (1906 – 2000) : Nhà cách mạng nổi tiếng và nhà văn hoá lớn, quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Ông tham gia cách mạng từ năm 1925, đã giữ nhiều cương vị quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, từng là Thủ tướng Chính phủ trên ba mươi năm. Ông là học trò và người cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

(*Ngữ văn 7*, tập hai)

2. Sửa lại các đoạn văn thuyết minh chưa chuẩn

Đọc các đoạn văn sau, nêu nhược điểm của mỗi đoạn và cách sửa chữa.

a) *Bút bi khác bút mực là do nó có hòn bi nhỏ ở đầu ngòi bút, khi viết hòn bi lăn làm mực trong ống nhựa chảy ra, ghi thành chữ. Ngoài ống nhựa có vỏ bút bi. Đầu bút bi có nắp đậy có thể móc vào túi áo. Loại bút bi không có nắp đậy thì có lò xo và nút bấm. Khi viết thì ấn đầu cán bút cho ngòi bút trồi ra, khi thôi viết thì ấn nút bấm cho ngòi bút thụt vào.*

(Bài làm của học sinh)

b) *Nhà em có chiếc đèn bàn. Đèn bàn có một ống thép không gỉ thẳng đứng, trên gắn một cái đui đèn, trên đó lắp một bóng đèn 25 oát. Dưới ống thép là đế đèn, được làm bằng một khối thuỷ tinh vững chãi. Trên bóng đèn có chao đèn làm bằng vải lụa, có khung sắt ở trong và có vòng thép gắn vào bóng đèn. Ống thép rỗng, dây điện luồn ở trong đó, trên đế đèn có công tắc để bật đèn hoặc tắt đèn rất tiện lợi.*

(Bài làm của học sinh)

Ghi nhớ

• *Khi làm bài văn thuyết minh, cần xác định các ý lớn, mỗi ý viết thành một đoạn văn.*

• *Khi viết đoạn văn, cần trình bày rõ ý chủ đề của đoạn, tránh lẫn ý của đoạn văn khác.*

• *Các ý trong đoạn văn nên sắp xếp theo trình tự cấu tạo của sự vật, trình tự nhận thức (từ tổng thể đến bộ phận, từ ngoài vào trong, từ xa đến gần), trình tự diễn biến sự việc trong thời gian trước sau hay theo trình tự chính phụ (cái chính nói trước, cái phụ nói sau).*

II – LUYỆN TẬP

1. Viết đoạn Mở bài và Kết bài cho đề văn : "Giới thiệu trường em".

2. Cho chủ đề : "Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam". Hãy viết thành một đoạn văn thuyết minh.

3. Viết đoạn văn giới thiệu bố cục sách *Ngữ văn 8*, tập một. (*Gợi ý* : Sách có bao nhiêu bài ? Mỗi bài có mấy phần ? Mỗi phần có những nội dung gì ?...)

BÀI 19

Kết quả cần đạt

• *Cảm nhận được vẻ đẹp tươi sáng của bức tranh làng quê vùng biển trong bài* ***Quê hương*** *của Tế Hanh. Thấy được tình cảm quê hương đằm thắm và bút pháp bình dị, giàu cảm xúc của nhà thơ.*

• *Cảm nhận được lòng yêu cuộc sống và niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi trong cảnh tù ngục được diễn tả thiết tha, sôi nổi trong bài* ***Khi con tu hú*** *của Tố Hữu.*

• *Hiểu rõ câu nghi vấn không chỉ dùng để hỏi mà còn dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe doạ, bộc lộ tình cảm, cảm xúc,...*

• *Biết cách làm bài văn thuyết minh một phương pháp (cách làm).*

VĂN BẢN

QUÊ HƯƠNG

Chim bay dọc biển đem tin cá[1]

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới :
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng[2] bơi thuyền đi đánh cá.
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã[3]
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...



Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe[4] về.
"Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe",
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.
Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm ;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !

(Tế Hanh[★], trong *Thi nhân Việt Nam*, Sđd)

Chú thích

(★) Tế Hanh (1921 – 2009) tên khai sinh là Trần Tế Hanh, sinh ra tại một làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi. Ông có mặt trong phong trào Thơ mới ở chặng cuối (1940 – 1945) với những bài thơ mang nặng nỗi buồn và tình yêu quê hương thắm thiết. Sau năm 1945, Tế Hanh bền bỉ sáng tác nhằm phục vụ cách mạng và kháng chiến. Ông được biết đến nhiều nhất với những bài thơ thể hiện nỗi nhớ thương tha thiết quê hương miền Nam và niềm khao khát Tổ quốc được thống nhất. Ông được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996). Tác phẩm chính : các tập thơ *Hoa niên* (1945), *Gửi miền Bắc* (1955), *Tiếng sóng* (1960), *Hai nửa yêu thương* (1963), *Khúc ca mới* (1966),...

Quê hương là nguồn cảm hứng lớn trong suốt đời thơ Tế Hanh mà bài *Quê hương* là sự mở đầu. Bài thơ này rút trong tập *Nghẹn ngào* (1939), sau được in lại trong tập *Hoa niên*, xuất bản năm 1945.

(1) *"Câu thơ của phụ thân tôi"* (chú thích của Tế Hanh).

(2) *Trai tráng* : trai trẻ, khoẻ mạnh.

(3) *Tuấn mã* : ngựa đẹp, khoẻ và phi nhanh.

(4) *Ghe* (phương ngữ) : thuyền.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phân tích cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi (từ câu 3 đến câu 8) và cảnh đón thuyền cá về bến (8 câu tiếp theo). Hình ảnh người dân chài và cuộc sống làng chài được thể hiện trong hai cảnh này có nét gì nổi bật đáng chú ý ?

2. Phân tích các câu thơ sau :

– Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

– Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.

Lối nói ẩn dụ và biện pháp so sánh ở những câu này có hiệu quả nghệ thuật như thế nào ?

3. Hãy nhận xét về tình cảm của tác giả đối với cảnh vật, cuộc sống và con người của quê hương ông.

4. Bài thơ có những đặc sắc nghệ thuật gì nổi bật ? Theo em, bài thơ được viết theo phương thức miêu tả hay biểu cảm, tự sự hay trữ tình ?

Ghi nhớ

Với những vần thơ bình dị mà gợi cảm, bài thơ ***Quê hương*** *của Tế Hanh đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, trong đó nổi bật lên hình ảnh khoẻ khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài. Bài thơ cho thấy tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.*

LUYỆN TẬP

1. Học thuộc và tập đọc diễn cảm bài thơ.

2. Sưu tầm, chép lại một số câu thơ, đoạn thơ về tình cảm quê hương mà em yêu thích nhất.

VĂN BẢN

KHI CON TU HÚ

Khi con tu hú[1] gọi bầy
Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp[2] rây vàng hạt đầy sân nắng đào[3]
Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng[4], hè ôi !
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu !

Huế, tháng 7 – 1939

(Tố Hữu[★], *Từ ấy*, NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

Chú thích

(★) Tố Hữu (1920 – 2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, quê gốc ở làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Ông giác ngộ lí tưởng cách mạng khi đang học ở Trường Quốc học Huế. Tháng 4 – 1939, Tố Hữu bị thực dân Pháp bắt giam vào nhà lao Thừa Phủ (Huế), sau đó chuyển sang nhà tù Lao Bảo (Quảng Trị) và nhiều nhà tù ở Tây Nguyên. Tháng 3 – 1942, Tố Hữu vượt ngục bắt liên lạc với Đảng và đã tham gia lãnh đạo Tổng khởi nghĩa tháng 8 – 1945 ở Huế. Sau Cách mạng, Tố Hữu đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trong Đảng và chính quyền (từng là Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng), đồng thời vẫn sáng tác thơ. Ở Tố Hữu có sự thống nhất đẹp đẽ giữa cuộc đời cách mạng và cuộc đời thơ. Ông được coi là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng và kháng chiến. Tố Hữu được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996). Tác phẩm chính : các tập thơ *Từ ấy* (1937 – 1946), *Việt Bắc* (1946 – 1954), *Gió lộng* (1955 – 1961), *Ra trận* (1962 – 1971), *Máu và hoa* (1972 – 1977), *Một tiếng đờn* (1979 – 1992),...

Bài thơ *Khi con tu hú* được sáng tác trong nhà lao Thừa Phủ, khi tác giả mới bị bắt giam ở đây.

(1) *Tu hú* : loài chim lông màu đen (con mái lông đen có đốm trắng), lớn hơn chim sáo, thường kêu vào đầu mùa hè.

(2) *Bắp* : ngô.

(3) *Nắng đào* : nắng hồng.

(4) *Phòng* : ở đây là phòng giam.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Nên hiểu nhan đề bài thơ như thế nào ? Hãy viết một câu văn có bốn chữ đầu là "Khi con tu hú" để tóm tắt nội dung bài thơ. Vì sao tiếng tu hú kêu lại tác động mạnh mẽ đến tâm hồn nhà thơ như vậy ?

2. Nhận xét về cảnh mùa hè được miêu tả trong 6 câu thơ đầu. Những chi tiết nào khiến em có nhận xét đó ?

3. Phân tích tâm trạng người tù – chiến sĩ được thể hiện ở 4 câu thơ cuối. Mở đầu và kết thúc bài thơ đều có tiếng tu hú kêu, nhưng tâm trạng của người tù khi nghe tiếng tu hú thể hiện ở đoạn thơ đầu và ở đoạn cuối rất khác nhau, vì sao ?

4. Theo em, cái hay của bài thơ được thể hiện nổi bật ở những điểm nào ?

Ghi nhớ

Khi con tu hú *của Tố Hữu là bài thơ lục bát giản dị, thiết tha, thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.*

CÂU NGHI VẤN (tiếp theo)

III – NHỮNG CHỨC NĂNG KHÁC

Xét những đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

a)

Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ ?

(Vũ Đình Liên, *Ông đồ*)

b) *Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hắn quát :*

– Mày định nói cho cha mày nghe đấy à ? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khất !

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

c) *Đê vỡ rồi !... Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày ! Có biết không ?... Lính đâu ? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy ? Không còn phép tắc gì nữa à ?*

(Phạm Duy Tốn, *Sống chết mặc bay*)

d) *Một người hằng ngày chỉ cặm cụi lo lắng vì mình, thế mà khi xem truyện hay ngâm thơ có thể vui, buồn, mừng, giận cùng những người ở đâu đâu, vì những chuyện ở đâu đâu, há chẳng phải là chứng cớ cho cái mãnh lực lạ lùng của văn chương hay sao ?*

(Hoài Thanh, *Ý nghĩa văn chương*)

e) *Đến lượt bố tôi ngây người ra như không tin vào mắt mình.*

– Con gái tôi vẽ đây ư ? Chả lẽ lại đúng là nó, cái con Mèo hay lục lọi ấy !

(Tạ Duy Anh, *Bức tranh của em gái tôi*)

Câu hỏi :

– Trong những đoạn trích trên, câu nào là câu nghi vấn ?

– Câu nghi vấn trong những đoạn trích trên có dùng để hỏi không ? Nếu không dùng để hỏi thì dùng để làm gì ?

– Nhận xét về dấu kết thúc những câu nghi vấn trên. (Có phải bao giờ cũng là dấu chấm hỏi không ?)

Ghi nhớ

• Trong nhiều trường hợp, câu nghi vấn không dùng để hỏi mà dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe doạ, bộc lộ tình cảm, cảm xúc,... và không yêu cầu người đối thoại trả lời.

• Nếu không dùng để hỏi thì trong một số trường hợp, câu nghi vấn có thể kết thúc bằng dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.

IV – LUYỆN TẬP

1. Đọc những đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

a) *Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy !... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó !... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên luỵ đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư ? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

b)

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới ?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật ?
– Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu ?

(Thế Lữ, *Nhớ rừng*)

c) *Mỗi chiếc lá rụng là một cái biểu hiện cho một cảnh biệt li. Vậy thì sự biệt li không chỉ có một nghĩa buồn rầu, khổ sở. Sao ta không ngắm sự biệt li theo tâm hồn một chiếc lá nhẹ nhàng rơi ?*

(Khái Hưng, *Lá rụng*)

d) *Vâng, thử tưởng tượng một quả bong bóng không bao giờ vỡ, không thể bay mất, nó cứ còn mãi như một vật lì lợm... Ôi, nếu thế thì còn đâu là quả bóng bay ?*

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Người ham chơi*)

Câu hỏi :

– Trong những đoạn trích trên, câu nào là câu nghi vấn ?

– Những câu nghi vấn đó được dùng để làm gì ?

2. Xét những đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

a) *– Sao cụ lo xa quá thế ? Cụ còn khoẻ lắm, chưa chết đâu mà sợ ! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay ! Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại ?*

– Không, ông giáo ạ ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu ?

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

b) *Nghe con giục, bà mẹ đến hỏi phú ông. Phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao ?*

(*Sọ Dừa*)

c) *Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng. Măng trồi lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất luỹ mà trỗi dậy, bẹ măng bọc kín thân cây non, ủ kĩ như áo mẹ trùm lần trong lần ngoài cho đứa con non nớt. Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử ?*

(Ngô Văn Phú, *Luỹ làng*)

d) *Vua sai lính điệu em bé vào, phán hỏi :*

– Thằng bé kia, mày có việc gì ? Sao lại đến đây mà khóc ?

(*Em bé thông minh*)

Câu hỏi :

– Trong những đoạn trích trên, câu nào là câu nghi vấn ? Đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu nghi vấn ?

– Những câu nghi vấn đó được dùng để làm gì ?

– Trong những câu nghi vấn đó, câu nào có thể thay thế được bằng một câu không phải là câu nghi vấn mà có ý nghĩa tương đương ? Hãy viết những câu có ý nghĩa tương đương đó.

3. Đặt hai câu nghi vấn không dùng để hỏi mà để :

– Yêu cầu một người bạn kể lại nội dung của một bộ phim vừa được trình chiếu.

– Bộc lộ tình cảm, cảm xúc trước số phận của một nhân vật văn học.

4. Trong giao tiếp, nhiều khi những câu nghi vấn như "*Anh ăn cơm chưa ?*", "*Cậu đọc sách đấy à ?*", "*Em đi đâu đấy ?*" không nhằm để hỏi. Vậy trong những trường hợp đó, câu nghi vấn dùng để làm gì ? Mối quan hệ giữa người nói và người nghe ở đây như thế nào ?

THUYẾT MINH VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP (CÁCH LÀM)

I – GIỚI THIỆU MỘT PHƯƠNG PHÁP (CÁCH LÀM)

Đọc các văn bản sau và trả lời câu hỏi.

a) CÁCH LÀM ĐỒ CHƠI "EM BÉ ĐÁ BÓNG" BẰNG QUẢ KHÔ

(1) Nguyên vật liệu :

– Quả thông ;

– Các loại hạt : nhãn, vải ;

– Cành cây khô ;

– Miếng gỗ nhỏ, tăm tre, keo dán và một số phụ liệu khác.

(2) Cách làm :

– Lấy một quả thông (hình thon hơi dài) để làm thân em bé và dùi một lỗ nhỏ ở đầu cuống quả thông đó.

– Lấy một hạt vải để làm đầu em bé, dùi một lỗ nhỏ ở một đầu hạt vải ; vẽ mắt, mũi, mồm người vào hạt vải. Sau đó dùng tăm tre chắc, dài 2,5 cm cắm vào lỗ vừa dùi ở hạt vải và quả thông (gắn đầu vào thân sao cho chắc) ; phía trên đỉnh đầu, dùng miếng vải nhỏ cuốn làm thành cái mũ cho em bé.

– Lấy cành cây nhỏ có hình dạng cánh tay, dùng keo gắn hai cành cây này vào phía trên quả thông làm thành hai cánh tay em bé. Lấy hai hạt nhãn nhỏ, dùi một lỗ nhỏ trên mỗi hạt nhãn và cắm vào mỗi cánh tay một hạt nhãn để làm bàn tay.

– Lấy hai cành cây nhỏ khác để làm chân (hai cành cây này dài hơn hai cành cây làm cánh tay). Sau đó, dùng keo gắn hai cành cây này vào phía dưới quả thông (gắn một chân đứng thẳng, một chân co) ; lấy hai miếng gỗ nhỏ hình chữ nhật, dùi một lỗ vào một phía của miếng gỗ, cắm mỗi chân vào một miếng gỗ để làm bàn chân ; phía trên miếng gỗ ở chân co gắn một hạt nhãn to để làm quả bóng.

– Sau đó, gắn hình em bé đá bóng lên một miếng ván (gắn bàn chân của chân đứng thẳng vào miếng ván) để em bé đứng chắc chắn trên mặt phẳng.

(3) Yêu cầu thành phẩm :

Các phần thân, đầu và tay chân con người phải có tỉ lệ phù hợp, lại phải ghép các bộ phận sao cho cầu thủ có dáng tâng bóng sinh động thì mới đẹp.

(Theo *Hướng dẫn làm đồ chơi cho trẻ*)

b) **CÁCH NẤU CANH RAU NGÓT VỚI THỊT LỢN NẠC**

(1) Nguyên liệu đủ cho 2 bát :

– Rau ngót : 300 g (2 mớ) ;

– Thịt lợn nạc thăn : 150 g ;

– Nước mắm, mì chính, muối.

(2) Cách làm :

– Rau ngót chọn loại lá nhỏ, tươi, non, tuốt lấy lá, bỏ cọng, rửa sạch, vò hơi giập.

– Thịt lợn nạc rửa sạch, thái miếng mỏng (hoặc băm nhỏ).

– Cho thịt vào nước lã, đun sôi, hớt bọt, nêm nước mắm, muối vừa ăn, cho rau vào đun sôi khoảng 2 phút, cho chút mì chính rồi bắc ra ngay.

(3) Yêu cầu thành phẩm :

– Trạng thái : Rau chín mềm, tỉ lệ nước – cái là 1 – 1 ;

– Màu sắc : Rau xanh, nước trong ;

– Mùi vị : Canh thơm mùi đặc trưng của nguyên liệu, độ ngọt cao, vị vừa ăn.

(Theo *Hai trăm món ăn dân tộc*)

Câu hỏi :

Khi cần thuyết minh cách làm một đồ vật (hay cách nấu món ăn, may áo quần,...), người ta thường nêu những nội dung gì ? Cách làm được trình bày theo trình tự nào ?

Ghi nhớ

- *Khi giới thiệu một phương pháp (cách làm) nào, người viết phải tìm hiểu, nắm chắc phương pháp (cách làm) đó.*
- *Khi thuyết minh, cần trình bày rõ điều kiện, cách thức, trình tự,... làm ra sản phẩm và yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm đó.*
- *Lời văn cần ngắn gọn, rõ ràng.*

II – LUYỆN TẬP

1. Hãy tự chọn một đồ chơi, trò chơi quen thuộc và lập dàn bài thuyết minh cách làm, cách chơi trò chơi đó. Yêu cầu trình bày rõ ràng, mạch lạc.

2*. Đọc bài giới thiệu sau đây. Hãy chỉ ra cách đặt vấn đề, các cách đọc và đặc biệt là nội dung và hiệu quả của phương pháp đọc nhanh được nêu trong bài. Các số liệu trong bài có ý nghĩa gì đối với việc giới thiệu phương pháp đọc nhanh ?

PHƯƠNG PHÁP ĐỌC NHANH

Ngày nay, khoa học đã tiến nhanh, máy tính điện tử và người máy đã giúp con người giải quyết nhiều vấn đề, nhưng nó không thể thay thế con người và con người vẫn là trung gian giữa tự nhiên và máy móc ; con người đã lập chương trình cho máy tính và xử lí các thông tin. Muốn làm công việc này, con người cần phải đọc để hiểu điều người khác viết, tích luỹ kiến thức và tiết kiệm thời gian nghiên cứu. Tính đến nay, trong 500 năm lịch sử của mình, ngành in thế giới đã xuất bản hơn 300 triệu đầu sách, hằng năm cho ra đời 600 triệu trang in. Vậy ta phải đọc như thế nào trước núi tư liệu này ?

Nếu hằng ngày, ta cứ đọc theo kiểu thông thường với tốc độ 150 – 200 từ/phút, thì trong toàn bộ cuộc đời, ta chỉ đọc được 2 – 3 nghìn quyển sách. Con số này là quá ít đối với những người muốn tiến kịp thời đại. Ngày nay, mỗi nhà

nghiên cứu cần phải đọc 50 – 100 nghìn cuốn sách trong cả cuộc đời. Rõ ràng cách đọc cũ không giải quyết được vấn đề.

Có nhiều cách đọc khác nhau : cách đọc thành tiếng và cách đọc thầm. Đọc thành tiếng là từ các chữ ta đọc thành vần, nhiều vần thành từ, nhiều từ thành câu và khi đọc lại phải phát âm.

Có hai phương pháp đọc thầm quan trọng nhất, đó là phương pháp đọc theo dòng và phương pháp đọc ý.

Với phương pháp thứ nhất, các từ được tiếp nhận như một chuỗi liên tục các dòng. Đó là cách đọc của nhiều người với tốc độ đạt từ 150 – 200 từ/phút.

Với cách đọc thứ hai, người đọc không đọc theo từng câu mà thu nhận ý. Họ đọc ý chung chứa trong bài viết qua các từ chủ yếu (từ chủ đề, từ chìa khoá). Đây là phương pháp tiên tiến nhất vì nó cho phép ta thu nhận thông tin cần thiết chứa trong một đoạn văn, một trang sách, lọc bỏ những thông tin không cần thiết.

Cách đọc này gọi là đọc nhanh, tức là cách đọc toàn bộ khối từ, vì người đọc nắm vững nó, chỉ cần một cái nhìn đã bao trùm lên 6 – 7 dòng, và đôi khi cả trang và như thế thu nhận thông tin nhiều mà tốn ít thời gian.

Những người nắm vững cách đọc nhanh không đọc theo đường ngang mà mắt họ luôn luôn chuyển động theo đường dọc từ trên xuống dưới. Với cách đọc này, cơ mắt ít mỏi. Cách đọc nhanh này không giống kiểu đọc đường chéo góc hay kiểu đọc các dòng đầu của một đoạn văn. Với cách đọc mới, ta nhìn toàn bộ thông tin chứa trong trang sách, đọc toàn bộ bài viết và tiếp thu toàn bộ nội dung. Phương pháp này ai cũng học được nhưng phải tập trung cao, có ý chí.

Trong những năm gần đây, các phương pháp đọc nhanh đã được phổ biến khá rộng nhưng nó không phải là điều mới lạ. Trong các thời kì khác nhau trước đây, các nhà chính trị, nhà văn lỗi lạc,... đã phát triển nó và hoàn toàn nắm vững nó. Ví dụ : Na-pô-lê-ông đọc tốc độ 2 000 từ/phút, Ban-dắc đọc tốc độ 4 000 từ/phút, Mác-xim Go-rơ-ki đọc mỗi trang sách chỉ mất vài giây. Còn Lê-nin như lướt qua trang sách nhưng Người nắm chắc được nội dung. Nhận rõ tầm quan trọng của phương pháp đọc nhanh, ở Nga, Mĩ và nhiều nước tiên tiến khác, các lớp dạy đọc nhanh đã được mở ngày càng nhiều. Sau khi dự các lớp này, người đọc có thể đạt tốc độ 1 500 từ/phút, và đối với những bài viết nhẹ nhàng, đơn giản như truyện trinh thám, tốc độ đọc có thể lên tới 12 000 từ/phút.

(Theo *Lịch văn hoá tổng hợp 1987 – 1990*)

BÀI 20

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được niềm vui của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó được diễn tả bằng những vần thơ tứ tuyệt bình dị.*
- *Củng cố và nâng cao kiến thức về câu cầu khiến đã học ở Tiểu học, nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng của câu cầu khiến.*
- *Biết cách quan sát, tìm hiểu, nghiên cứu và viết bài giới thiệu một danh lam thắng cảnh. Hệ thống được kiến thức về văn bản thuyết minh.*

VĂN BẢN

TỨC CẢNH PÁC BÓ(★)

Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ(1) rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng(2),
Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Tháng 2 năm 1941

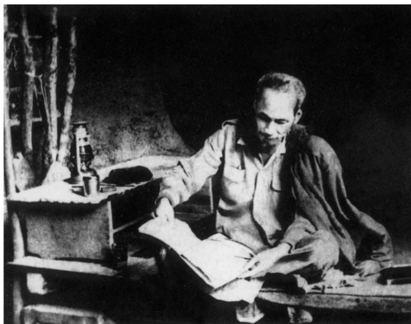
(*Thơ Hồ Chủ tịch*, NXB Văn học, Hà Nội, 1967)

Chú thích

(★) Tháng 2 – 1941, sau ba mươi năm bôn ba hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Bác Hồ trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước. Người sống và làm việc trong hoàn cảnh hết sức gian khổ : ở trong hang Pác Bó, một hang núi nhỏ sát biên giới Việt – Trung (thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng) ; thường phải ăn cháo ngô, măng rừng thay cơm ; bàn làm việc là một phiến đá bên bờ suối cạnh hang (được Người đặt tên là suối Lê-nin).

(1) *Bẹ* : ngô.

(2) *Sử Đảng* : đây là *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô*, được Bác dịch vắn tắt để làm tài liệu học tập cho cán bộ cách mạng khi đó.



Bác Hồ làm việc trong hang núi
ở chiến khu Việt Bắc

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài thơ thuộc thể thơ gì ? Hãy kể tên một số bài thơ cùng thể thơ này mà em đã học.

2. Nhận xét về giọng điệu chung của bài thơ. Tâm trạng của Bác Hồ ở Pác Bó được biểu hiện như thế nào qua bài thơ ? Vì sao Bác lại cảm thấy cuộc sống gian khổ đó "thật là sang" ?

3*. Qua bài thơ, có thể thấy rõ Bác Hồ cảm thấy vui thích, thoải mái khi sống giữa thiên nhiên. Nguyễn Trãi cũng từng ca ngợi "thú lâm tuyền" (niềm vui thú được sống với rừng, suối) trong bài *Côn Sơn ca*. Hãy cho biết "thú lâm tuyền" ở Nguyễn Trãi và ở Bác Hồ có gì giống và khác nhau.

Ghi nhớ

__Tức cảnh Pác Bó__ là bài thơ tứ tuyệt bình dị pha giọng vui đùa, cho thấy tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. Với Người, làm cách mạng và sống hoà hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn.

CÂU CẦU KHIẾN

I – ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC VÀ CHỨC NĂNG

1. Đọc những đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

a) *Ông lão chào con cá và nói :*

– Mụ vợ tôi lại nổi cơn điên rồi. Nó không muốn làm bà nhất phẩm phu nhân nữa, nó muốn làm nữ hoàng.

Con cá trả lời :

– Thôi đừng lo lắng. Cứ về đi. Trời phù hộ lão. Mụ già sẽ là nữ hoàng.

(*Ông lão đánh cá và con cá vàng*)

b) *Tôi khóc nấc lên. Mẹ tôi từ ngoài đi vào. Mẹ vuốt tóc tôi và nhẹ nhàng dắt tay em Thuỷ :*

– Đi thôi con.

(Theo Khánh Hoài, *Cuộc chia tay của những con búp bê*)

Câu hỏi :

– Trong những đoạn trích trên, câu nào là câu cầu khiến ? Đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu cầu khiến ?

– Câu cầu khiến trong những đoạn trích trên dùng để làm gì ?

2. Đọc to những câu sau và trả lời câu hỏi.

a) *– Anh làm gì đấy ?*

– Mở cửa. Hôm nay trời nóng quá.

b) *Đang ngồi viết thư, tôi bỗng nghe tiếng ai đó vọng vào :*

– Mở cửa !

Câu hỏi :

– Cách đọc câu "*Mở cửa !*" trong (b) có khác với cách đọc câu "*Mở cửa.*" trong (a) không ?

– Câu "*Mở cửa !*" trong (b) dùng để làm gì, khác với câu "*Mở cửa.*" trong (a) ở chỗ nào ?

Ghi nhớ

- *Câu cầu khiến là câu có những từ cầu khiến như :* ***hãy, đừng, chớ,... đi, thôi, nào,...*** *hay ngữ điệu cầu khiến ; dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo,...*
- *Khi viết, câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm.*

II – LUYỆN TẬP

1. Xét các câu sau và trả lời câu hỏi.

a) *Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên vương.*

(*Bánh chưng, bánh giầy*)

b) *Ông giáo hút trước đi.*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

c) *Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không.*

(*Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*)

Câu hỏi :

– Đặc điểm hình thức nào cho biết những câu trên là câu cầu khiến ?

– Nhận xét về chủ ngữ trong những câu trên. Thử thêm, bớt hoặc thay đổi chủ ngữ xem ý nghĩa của các câu trên thay đổi như thế nào.

2. Trong những đoạn trích sau, câu nào là câu cầu khiến ? Nhận xét sự khác nhau về hình thức biểu hiện ý nghĩa cầu khiến giữa những câu đó.

a) *Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết !*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

b) *Ông đốc tươi cười nhẫn nại chờ chúng tôi :*

– Các em đừng khóc. Trưa nay các em được về nhà cơ mà. Và ngày mai lại được nghỉ cả ngày nữa.

(Thanh Tịnh, *Tôi đi học*)

c) *Có anh chàng nọ tính tình rất keo kiệt. Một hôm, đi đò qua sông, anh chàng khát nước bèn cúi xuống, lấy tay vục nước sông uống. Chẳng may quá đà, anh ta lộn cổ xuống sông. Một người ngồi cạnh thấy thế, vội giơ tay ra, hét lên :*

– Đưa tay cho tôi mau !

Anh chàng sắp chìm nghỉm nhưng vẫn không chịu nắm tay người kia. Bỗng một người có vẻ quen biết anh chàng chạy lại, nói :

– Cầm lấy tay tôi này !

Tức thì, anh ta cố ngoi lên, nắm chặt lấy tay người nọ và được cứu thoát [...].

(Theo *Ngữ văn 6*, tập một)

3. So sánh hình thức và ý nghĩa của hai câu sau :

a) *Hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột !*

b) *Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

4. Xét đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Dế Choắt nhìn tôi mà rằng :

– Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh, phòng khi tắt lửa tối đèn có đứa nào đến bắt nạt thì em chạy sang...

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

Dế Choắt nói với Dế Mèn câu trên nhằm mục đích gì ? Cho biết vì sao trong lời nói với Dế Mèn, Dế Choắt không dùng những câu như :

– Anh hãy đào giúp em một cái ngách sang bên nhà anh !

– Đào ngay giúp em một cái ngách !

5. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Đêm nay mẹ không ngủ được. Ngày mai là ngày khai trường, con vào lớp Một. Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói : "Đi đi con ! Hãy can đảm lên ! Thế giới này là của con. Bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra.".

(Theo Lý Lan, *Cổng trường mở ra*)

Câu "*Đi đi con !*" trong đoạn trích trên và câu "*Đi thôi con.*" trong đoạn trích ở mục I.1.b (tr. 30) có thể thay thế cho nhau được không ? Vì sao ?

THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH

I – GIỚI THIỆU MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH

Đọc bài giới thiệu sau và trả lời câu hỏi.

HỒ HOÀN KIẾM VÀ ĐỀN NGỌC SƠN

Nếu tính từ khi hồ Hoàn Kiếm còn là một đoạn của dòng cũ sông Hồng để lại sau khi sông chuyển dòng thì tới nay hồ đã có đến vài nghìn tuổi. Nhưng cái tên Hoàn Kiếm thì mới có từ năm thế kỉ nay. Trước đó, hồ có tên là *Lục Thuỷ* vì nước hồ bốn mùa xanh ngắt. Tới thế kỉ XV có tên *Hoàn Kiếm* do sự tích Lê Lợi trả gươm. Truyện kể rằng Lê Lợi khi còn ở Lam Sơn có bắt được một thanh gươm. Gươm ấy luôn ở bên ông trong suốt mười năm chinh chiến. Khi dẹp xong giặc Minh, vua Lê về Thăng Long, một hôm ngự thuyền dạo chơi trên hồ Lục Thuỷ, bỗng có con rùa nổi lên, ông rút gươm ra trỏ thì rùa liền đớp ngay thanh gươm mà lặn xuống. Như vậy là vua trả gươm cho trời. Vì vậy, hồ có tên là Hoàn Kiếm, gọi nôm na là Hồ Gươm. Sau thuỷ quân dùng hồ làm nơi luyện tập nên có thêm tên là hồ *Thuỷ Quân.*

Theo truyền thuyết thì đời Lê Thánh Tông (nửa sau thế kỉ XV) chỗ nay là gò Tháp Rùa từng là Điếu Đài tức là nơi vua đến ngồi câu cá. Đến đời Vĩnh Hựu, chúa Trịnh Giang lập cung Khánh Thuỵ ở đảo Ngọc làm nơi hóng gió ngày hè. Đầu thế kỉ XIX, một ngôi chùa được dựng lên trên nền cung Khánh Thuỵ cũ và có tên là *chùa Ngọc Sơn*. Ít lâu sau, nơi đây không thờ Phật nữa mà thờ thánh

Văn Xương (chủ về văn chương, khoa cử) và Đức thánh Trần (tức anh hùng Trần Quốc Tuấn), do vậy được đổi gọi là *đền Ngọc Sơn*. Năm 1864, Nguyễn Văn Siêu, nhà văn hoá lớn của Hà Nội thời đó, đã đứng ra sửa sang lại toàn cảnh. Trên gò Ngọc Bội, ông xây một ngọn tháp hình bút lông, thân tháp có tạc ba chữ *Tả thanh thiên* (có nghĩa là viết lên trời xanh). Đó là Tháp Bút. Đi qua Tháp Bút tới một cửa cuốn gọi là Đài Nghiên vì trên có đặt một cái nghiên mực bằng đá. Qua Đài Nghiên đến cầu Thê Húc (có nghĩa là nơi ánh mặt trời đậu lại). Cầu dẫn đến cổng đền Ngọc Sơn. Đền có ba nếp, nếp ngoài là bái đường, nếp giữa là nơi thờ Văn Xương và nếp sau thờ Trần Hưng Đạo. Trước mặt bái đường là Trấn Ba Đình (đình chắn sóng). Nhìn thẳng về hướng nam là Tháp Rùa. Tháp chỉ mới có từ cuối thế kỉ XIX nhưng đã trở thành biểu tượng quen thuộc của Hồ Gươm Hà Nội.

Ngày nay khu vực quanh hồ đã thành tên là Bờ Hồ, là nơi nhân dân thủ đô dạo chơi ngày hè, nơi đón giao thừa, lại còn là nơi tổ chức hội hoa đăng – đèn hoa, pháo hoa – trong những dịp lễ tết hằng năm.

(Theo *Lịch văn hoá tổng hợp 1987 – 1990*)

Câu hỏi :

1. Bài giới thiệu đã giúp em hiểu biết những gì về hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn ?

2. Muốn viết bài giới thiệu một danh lam thắng cảnh như vậy, cần có những kiến thức gì ?

3. Làm thế nào để có kiến thức về một danh lam thắng cảnh ?

4. Bài viết được sắp xếp theo bố cục, trình tự nào ? Theo em, bài này có thiếu sót gì về bố cục ?

5. Phương pháp thuyết minh ở đây là gì ?

Ghi nhớ

- *Muốn viết bài giới thiệu về một danh lam thắng cảnh thì tốt nhất phải đến nơi thăm thú, quan sát hoặc tra cứu sách vở, hỏi han những người hiểu biết về nơi ấy.*
- *Bài giới thiệu nên có bố cục đủ ba phần. Lời giới thiệu ít nhiều có kèm theo miêu tả, bình luận thì sẽ hấp dẫn hơn ; tuy nhiên, bài giới thiệu phải dựa trên cơ sở kiến thức đáng tin cậy và có phương pháp thích hợp.*
- *Lời văn cần chính xác và biểu cảm.*

II – LUYỆN TẬP

1. Lập lại bố cục bài giới thiệu *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn* một cách hợp lí.

2. Nếu muốn giới thiệu theo trình tự tham quan hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn từ xa đến gần, từ ngoài vào trong thì nên sắp xếp thứ tự giới thiệu như thế nào ? Hãy ghi ra giấy.

3. Nếu viết lại bài này theo bố cục ba phần, em sẽ chọn những chi tiết tiêu biểu nào để làm nổi bật giá trị lịch sử và văn hoá của di tích, thắng cảnh ?

4. Một nhà thơ nước ngoài gọi Hồ Gươm là "chiếc lẵng hoa xinh đẹp giữa lòng Hà Nội". Em có thể sử dụng câu đó vào phần nào trong bài viết của mình ?

ÔN TẬP VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH

I – ÔN TẬP LÍ THUYẾT

1. Văn bản thuyết minh có vai trò và tác dụng như thế nào trong đời sống ?

2. Văn bản thuyết minh có những tính chất gì khác với văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận ?

3. Muốn làm tốt bài văn thuyết minh, cần phải chuẩn bị những gì ? Bài văn thuyết minh phải làm nổi bật điều gì ?

4. Những phương pháp thuyết minh nào thường được chú ý vận dụng ?

II – LUYỆN TẬP

1. Hãy nêu cách lập ý và lập dàn bài đối với các đề bài sau :

a) Giới thiệu một đồ dùng trong học tập hoặc trong sinh hoạt.

b) Giới thiệu một danh lam thắng cảnh ở quê hương em.

c) Thuyết minh về một văn bản, một thể loại văn học mà em đã học.

d) Giới thiệu cách làm một đồ dùng học tập (một thí nghiệm).

2. Tập viết đoạn văn theo các đề bài sau :

a) Giới thiệu một đồ dùng trong học tập hoặc trong sinh hoạt.

b) Giới thiệu một danh lam thắng cảnh ở quê hương em.

c) Thuyết minh về một văn bản, một thể loại văn học đơn giản (như văn bản đề nghị, báo cáo, thể thơ lục bát,...).

d) Giới thiệu một loài hoa (như hoa đào, hoa mai,...) hoặc một loài cây (như cây chuối, cây na,...).

e) Thuyết minh về một giống vật nuôi.

g) Giới thiệu một sản phẩm, một trò chơi mang bản sắc Việt Nam (như chiếc nón lá, chiếc áo dài, trò chơi thả diều,...).

BÀI 21

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên thắm thiết và phong thái ung dung trong bất kì hoàn cảnh nào của Hồ Chí Minh thể hiện qua bài* ***Ngắm trăng****. Thấy được đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.*

- *Cảm nhận được ý nghĩa tư tưởng sâu sắc của bài* ***Đi đường*** *: từ việc đi đường núi mà gợi ra bài học đường đời. Hiểu được cách dùng biểu tượng có hiệu quả nghệ thuật cao của bài thơ.*

- *Củng cố và nâng cao kiến thức về câu cảm thán và câu trần thuật đã học ở Tiểu học, nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng của hai kiểu câu này.*

- *Vận dụng kiến thức về văn bản thuyết minh để làm tốt bài tập làm văn số 5.*

VĂN BẢN

NGẮM TRĂNG
(Vọng nguyệt)

Phiên âm

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà ?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Dịch nghĩa

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào ?
Người hướng ra trước song ngắm trăng sáng,
Từ ngoài khe cửa, trăng ngắm nhà thơ.

(*Vọng* : ngắm, *nguyệt* : trăng, *ngục* : nhà tù, *trung* : trong, *vô* : không, *tửu* : rượu, *diệc* : cũng, *hoa* : hoa, *đối* : đứng trước, đối với, hướng về, *thử* : này, *lương* : tốt lành, ở đây có nghĩa là đẹp, *tiêu* : đêm, *nại nhược hà* : biết làm thế nào, *nhân* : người, *hướng* : hướng về phía, *song* : cửa sổ, *tiền* : trước, trước khi, *khán* : xem, nhìn, *minh* : sáng, *tòng* : từ, theo, *khích* : khe, chỗ hở, *thi gia* : nhà thơ.)

Dịch thơ (bản dịch của Nam Trân)

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(Hồ Chí Minh, *Nhật kí trong tù* (★),
Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3,
NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000)

Chú thích

(★) Tháng 8 – 1942, Hồ Chí Minh từ Pác Bó (Cao Bằng) bí mật lên đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ quốc tế cho cách mạng Việt Nam. Khi đến

thị trấn Túc Vinh thì Người bị chính quyền địa phương bắt giữ, rồi bị giải tới giải lui gần 30 nhà giam của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, bị đày đoạ cực khổ hơn một năm trời. Trong những ngày đó, Người đã viết *Nhật kí trong tù* bằng thơ chữ Hán, gồm 133 bài, phần lớn là thơ tứ tuyệt. Ngoài bìa tập thơ, Người viết mấy câu đề từ (bản dịch của Nam Trân) :

Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao ;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.

Tuy Bác Hồ viết *Nhật kí trong tù* chỉ để "ngâm ngợi cho khuây" trong khi đợi tự do, tập thơ vẫn cho thấy rõ tâm hồn cao đẹp, ý chí cách mạng phi thường và tài năng thơ xuất sắc của Người. Có thể nói *Nhật kí trong tù* là một viên ngọc quý trong kho tàng văn học dân tộc.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Đọc kĩ phần phiên âm, phần dịch nghĩa và phần giải nghĩa chữ Hán để hiểu chính xác từng câu trong bài thơ. Học thuộc bản dịch thơ và nhận xét về các câu thơ dịch.

2. Ở bài thơ này, Bác Hồ ngắm trăng trong hoàn cảnh như thế nào ? Vì sao Bác lại nói đến cảnh "Trong tù không rượu cũng không hoa" ? Qua hai câu đầu, em thấy Bác có tâm trạng ra sao trước cảnh trăng đẹp ngoài trời ?

3. Trong hai câu thơ cuối của bài thơ chữ Hán, sự sắp xếp vị trí các từ *nhân* (và *thi gia*), *song*, *nguyệt* (và *minh nguyệt*) có gì đáng chú ý ? Sự sắp xếp như vậy và việc đặt hai câu dưới dạng đối nhau có hiệu quả nghệ thuật như thế nào ?

4. Qua bài thơ, em thấy hình ảnh Bác Hồ hiện ra như thế nào ?

5*. Nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét : "Thơ Bác đầy trăng". Hãy chép lại những bài thơ Bác Hồ viết về trăng mà em biết (chú ý ghi rõ thời điểm sáng tác mỗi bài). Cuộc "ngắm trăng" trong bài *Vọng nguyệt* và hình ảnh trăng được thể hiện trong các bài thơ khác của Bác có gì đáng chú ý ?

Ghi nhớ

Ngắm trăng *là bài thơ tứ tuyệt giản dị mà hàm súc, cho thấy tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù cực khổ tối tăm.*

VĂN BẢN (Tự học có hướng dẫn)

ĐI ĐƯỜNG
(Tẩu lộ)

Phiên âm

Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan,
Trùng san chi ngoại hựu trùng san ;
Trùng san đăng đáo cao phong hậu,
Vạn lí dư đồ cố miện gian.

Dịch nghĩa

Có đi đường mới biết đường đi khó,
Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác ;
Khi đã vượt các lớp núi lên đến đỉnh cao chót,
Thì muôn dặm nước non thu cả vào trong tầm mắt.

(*Tẩu* : đi, chạy, *lộ* : đường, *tài* : mới, *tri* : biết, *nan* : khó, *trùng* : nhiều lớp chồng lên nhau, *san (sơn)* : núi, *chi* : quan hệ từ nối các phần trong một cụm từ, thường chỉ sự sở hữu, *ngoại* : ngoài, *hựu* : lại, lại lần nữa, *đăng* : lên, *đáo* : đến, *cao* : cao, *phong* : đỉnh núi, chỏm núi, *hậu* : sau, sau khi, *vạn* : vạn, *lí* : dặm, *dư đồ* : bản địa đồ, lãnh thổ, *cố miện gian* (*cố* : quay đầu nhìn, *miện* : đưa mắt nhìn, *gian* : khoảng giữa, trong khoảng) : trong tầm mắt, trong tầm nhìn.)

Dịch thơ (bản dịch của Nam Trân)

Đi đường mới biết gian lao(1),
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng(2) ;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng(3) *nước non.*

(Hồ Chí Minh, *Nhật kí trong tù*,
Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd)

Chú thích

(1) *Gian lao* : gian khổ, vất vả.

(2) *Trập trùng* : có hình thế lớp lớp nối tiếp nhau thành dãy dài và cao thấp không đều.

(3) *Trùng* : ở đây có nghĩa là tầng, lớp giống nhau nối tiếp nhau.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Đọc kĩ các phần phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ, chú thích để hiểu rõ nghĩa các câu thơ.

2. Tìm hiểu kết cấu bài thơ. (*Gợi ý* : dựa vào mô hình kết cấu bài tứ tuyệt Đường luật – *khai, thừa, chuyển, hợp* – đã được biết ở lớp dưới ; chú ý mối liên hệ lô-gíc giữa các câu thơ và vị trí của câu thứ ba.)

3. Việc sử dụng các điệp ngữ trong bài thơ (cả ở bản chữ Hán và bản dịch thơ) có hiệu quả nghệ thuật như thế nào ?

4. Phân tích câu 2 và câu 4 để làm rõ nỗi gian lao của người đi đường núi và niềm vui sướng của người đứng trên cao ngắm cảnh. Hai câu thơ này, ngoài ý nghĩa miêu tả, còn ngụ ý gì nữa không ?

5. Theo em, đây có phải là bài thơ tả cảnh, kể chuyện không ? Vì sao ? Hãy nêu vắn tắt nội dung ý nghĩa bài thơ.

Ghi nhớ

Đi đường *là bài thơ tứ tuyệt giản dị mà hàm súc, mang ý nghĩa tư tưởng sâu sắc ; từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời : vượt qua gian lao chồng chất sẽ tới thắng lợi vẻ vang.*

ĐỌC THÊM

"NHẬT KÍ TRONG TÙ" VÀ THƠ HỒ CHÍ MINH Ở PÁC BÓ

Ngay từ sau khi về nước (tháng 2 – 1941) đến ngày Tổng khởi nghĩa, sống rất gian khổ ở trong Pác Bó (Cao Bằng), vị lãnh tụ tối cao của dân tộc đã chăm chỉ lặng lẽ làm rất nhiều bài ca kêu gọi các tầng lớp đồng bào tham gia Mặt trận Việt Minh đánh giặc cứu nước, tuyên truyền cho đường lối đoàn kết bằng những hình ảnh ngụ ngôn giản dị *(Hòn đá, Con cáo và tổ ong, Bài ca sợi chỉ)*, tuyên truyền cho chiến tranh du kích *(Bài ca du kích)*, phổ biến "lịch sử nước ta", "địa lí nước ta"... như một cán bộ tuyên truyền vô danh. Những sáng tác đó có khi chỉ là

những câu bẻ vần để dễ nhớ, dễ truyền miệng nhưng đã làm lay động lòng người mạnh mẽ. Dù thế nào, thứ văn chương quên mình là văn chương, được viết bởi một bậc đại bút nhưng đã vượt lên trên mọi quyền lực của văn chương đó vẫn làm ta xúc động và mang đầy ý nghĩa.

Bên cạnh thơ ca tuyên truyền được sáng tác một cách bền bỉ, dồi dào, thời kì này, Hồ Chí Minh còn có mảng thơ trữ tình nghệ thuật đặc sắc.

Đó là mấy bài thơ tứ tuyệt làm rải rác trong những ngày ở rừng Pác Bó : *Pác Bó hùng vĩ, Tức cảnh Pác Bó, Suối Lê-nin, Thướng sơn* (Lên núi),... Ở chùm thơ này, gây ấn tượng đậm nhất là hình ảnh vị lãnh tụ cách mạng trong cuộc sống bí mật đầy gian khổ vào một thời kì bão táp của lịch sử, lại đồng thời, thật sự là một "khách lâm tuyền", sống hoà hợp nhịp nhàng với suối rừng hang động, mang dáng dấp ung dung như một ẩn sĩ[a], đạo sĩ[b] và chứa chan tâm hồn thi sĩ...

Đó là tập *Nhật kí trong tù*, như cách nói hóm hỉnh của Đặng Thai Mai, một thi phẩm có được do sự "lỡ tay đánh rơi vào kho tàng văn học, như một cử chỉ đùa, một hành động ngẫu nhiên..."[c] của Hồ Chí Minh. Người chiến sĩ vĩ đại mà đấu tranh trở thành lẽ sống, thành nhịp sống hằng ngày ấy đã khổ tâm vô hạn vì cứ sống *nhàn, nhàn quá đỗi* trong tù, giữa lúc *Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận – Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh*, đành phải *ngâm ngợi cho khuây* phần nào nỗi sốt ruột mong sớm trở về vị trí chiến đấu. Và hơn một trăm bài thơ nhật kí được viết ra chỉ để *cho khuây* ấy lại thật sự là một tác phẩm văn chương vô giá.

Đúng như Xuân Diệu nhận xét : "Cái hay vô song của tập thơ là chất người cộng sản Hồ Chí Minh".

"Chất người cộng sản Hồ Chí Minh" – đó là tấm lòng nhân ái mênh mông mà sâu thẳm, một tình thương quên mình. Người hầu như không bận tâm tới những nông nỗi khổ cực ghê gớm mà bản thân đang phải chịu đựng, nhưng lại hết sức nhạy bén để cảm thông sâu xa với mọi vui buồn sướng khổ của những người tù

(a) *Ẩn sĩ* : người đi ở ẩn, lánh đời.

(b) *Đạo sĩ* : người tu tiên.

(c) Đặng Thai Mai, *Đọc lại tập thơ "Ngục trung nhật kí"*, trong *Tạp chí Văn học*, 5 – 1970. Câu này ý nói *Nhật kí trong tù* ra đời một cách ngẫu nhiên, vì trước đó, Hồ Chí Minh đâu có ý định sáng tác tập thơ !

chung quanh, hay của những người nông dân, người phu đường bắt gặp trên đường chuyển lao.

"Chất người" ấy còn thể hiện ở tinh thần "thép" vĩ đại của người chiến sĩ, một mặt sôi sục khát khao chiến đấu, đêm ngày mong mỏi tự do để tung bay vào bão táp cách mạng, mặt khác, lại ung dung bình tĩnh, có phong thái một triết nhân[a], chẳng những không hề nao núng mà còn vượt lên rất cao trên tất cả mọi thứ cùm xích của nhà tù địa ngục trần gian. Do đó, ta hiểu vì sao trong chuỗi ngày bị tù đày, Hồ Chí Minh vừa cảm thấy đau khổ vô hạn vì mất tự do, đêm ngày mong mỏi tự do tới cháy ruột, lại vừa cảm thấy mình là "người tự do", là "khách tiên" trong tù :

Tự do tiên khách trên trời
Biết chăng trong ngục có người khách tiên ?

"Chất người" ấy còn thể hiện ở tấm lòng yêu nước, thương nước cháy bỏng của con người mang tên Ái Quốc. Qua cuốn nhật kí, có thể thấy hầu như không lúc nào, con người ấy không đau đáu nỗi niềm đất nước. Khi bị nhốt trong ngục hay khi bị giải đi trên đường, khi nghe tiếng sáo hay khi ngắm "cành lá", "vừng hồng", khi khoẻ cũng như khi "ốm nặng", lúc "không ngủ được" cũng như khi "vừa chợp mắt"..., hầu như lúc nào Nguyễn Ái Quốc cũng day dứt nghĩ về "đất Việt cảnh lầm than". Người đã "hoà lệ thành thơ" để nói về nỗi niềm cố quốc tha hương[b] xót xa đó.

Và trong "chất người cộng sản" ấy đồng thời còn có chất người nghệ sĩ thật sự. Hồ Chí Minh đã xốn xang bối rối trước một đêm trăng đẹp và đã để tâm hồn vượt ngục tìm đến giao hoà với vầng trăng – *Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu* –, đã bâng khuâng lắng nghe một tiếng chuông chùa, tiếng sáo trẻ chăn trâu, đã âu yếm dõi theo một cánh chim bay về rừng, một chòm mây lơ lửng lưng trời lúc hoàng hôn... trong khi bản thân đang bị trói giải trên đường.

Từ chất người tuyệt vời đó mà có chất thơ tuyệt vời đó. *Nhật kí trong tù* cho thấy một phong cách[c] thơ vừa rất độc đáo vừa đa dạng, nhiều màu sắc thẩm mĩ,

---

(a) *Triết nhân* : nhà triết học, người nghiên cứu về những quy luật chung nhất của thế giới, thường dùng chỉ người thông thái được quý trọng.

(b) *Cố quốc* : đất nước đã xa cách ; *tha hương* : quê người.

(c) *Phong cách* : những nét riêng độc đáo trong sáng tác của một nghệ sĩ.

đã kết hợp thật hài hoà những yếu tố tưởng như mâu thuẫn : giản dị vô cùng mà cũng hàm súc vô cùng, cổ điển rất mực và hiện đại cũng rất mực, vừa hiện thực tới nghiêm ngặt, trần trụi, vừa lãng mạn bay bổng, rực rỡ, vừa sáng ngời chất thép vừa man mác chất thơ...

(Nguyễn Hoành Khung, *Một mùa thơ rộ nở*,
trong *Thơ Việt Nam 1930 - 1945*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1994)

CÂU CẢM THÁN

I – ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC VÀ CHỨC NĂNG

Đọc những đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

a) *Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy !... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó !... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên luỵ đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư ? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

b) *Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới ?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật ?
– Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu ?

(Thế Lữ, *Nhớ rừng*)

Câu hỏi :

– Trong những đoạn trích trên, câu nào là câu cảm thán ?

– Đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu cảm thán ?

– Câu cảm thán dùng để làm gì ? Khi viết đơn, biên bản, hợp đồng hay trình bày kết quả giải một bài toán,... có thể dùng câu cảm thán không ? Vì sao ?

Ghi nhớ

• *Câu cảm thán là câu có những từ ngữ cảm thán như :* ***ôi, than ôi, hỡi ơi, chao ơi (ôi), trời ơi ; thay, biết bao, xiết bao, biết chừng nào,...*** *dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói (người viết) ; xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hằng ngày hay ngôn ngữ văn chương.*

• *Khi viết, câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than.*

II – LUYỆN TẬP

1. Hãy cho biết các câu trong những đoạn trích sau có phải đều là câu cảm thán không. Vì sao ?

a) *Than ôi ! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời ! Thế đê không sao cự lại được với thế nước ! Lo thay ! Nguy thay ! Khúc đê này hỏng mất.*

(Phạm Duy Tốn, *Sống chết mặc bay*)

b) *Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi !*

(Thế Lữ, *Nhớ rừng*)

c) *Chao ôi, có biết đâu rằng : hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi.*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

2. Phân tích tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong những câu sau đây. Có thể xếp những câu này vào kiểu câu cảm thán được không ? Vì sao ?

a) *Ai làm cho bể kia đầy*
Cho ao kia cạn cho gầy cò con ?

(*Ca dao*)

b) *Xanh kia thăm thẳm từng trên*
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này ?

(*Chinh phụ ngâm khúc*)

c) *Tôi có chờ đâu, có đợi đâu ;*
Đem chi xuân lại gợi thêm sầu.

(Chế Lan Viên, *Xuân*)

d) *Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ ?*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

3. Đặt hai câu cảm thán để bộc lộ cảm xúc :

a) Trước tình cảm của một người thân dành cho mình.

b) Khi nhìn thấy mặt trời mọc.

4. Hãy nhắc lại đặc điểm hình thức và chức năng của câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán.

CÂU TRẦN THUẬT

I – ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC VÀ CHỨC NĂNG

Đọc các đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

a) *Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.*

(Hồ Chí Minh, *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*)

b) *Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào, thở không ra lời :*

– Bẩm... quan lớn... đê vỡ mất rồi !

(Phạm Duy Tốn, *Sống chết mặc bay*)

c) *Cai Tứ là một người đàn ông thấp và gầy, tuổi độ bốn lăm, năm mươi. Mặt lão vuông nhưng hai má hóp lại.*

(Lan Khai, *Lầm than*)

d) *Ôi Tào Khê ! Nước Tào Khê làm đá mòn đấy ! Nhưng dòng nước Tào Khê không bao giờ cạn chính là lòng chung thuỷ của ta !*

(Nguyên Hồng, *Một tuổi thơ văn*)

Câu hỏi :

– Những câu nào trong các đoạn trích trên không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến hoặc câu cảm thán ?

– Những câu này dùng để làm gì ?

– Trong các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán và trần thuật, kiểu câu nào được dùng nhiều nhất ? Vì sao ?

Ghi nhớ

• *Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán ; thường dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả,...*

Ngoài những chức năng chính trên đây, câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc,... (vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác).

• *Khi viết, câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm, nhưng đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.*

• *Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp.*

II – LUYỆN TẬP

1. Hãy xác định kiểu câu và chức năng của những câu sau đây :

a) *Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình.*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

b) *Mã Lương nhìn cây bút bằng vàng sáng lấp lánh, em sung sướng reo lên :*

– Cây bút đẹp quá ! Cháu cảm ơn ông ! Cảm ơn ông !

(*Cây bút thần*)

2. Đọc câu thứ hai trong phần dịch nghĩa bài thơ *Ngắm trăng* của Hồ Chí Minh (*Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào ?*) và câu thứ hai trong phần dịch thơ (*Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ*). Cho nhận xét về kiểu câu và ý nghĩa của hai câu đó.

3. Xác định ba câu sau đây thuộc kiểu câu nào và được sử dụng để làm gì. Hãy nhận xét sự khác biệt về ý nghĩa của những câu này.

a) *Anh tắt thuốc lá đi !*

b) *Anh có thể tắt thuốc lá được không ?*

c) *Xin lỗi, ở đây không được hút thuốc lá.*

4. Những câu sau đây có phải là câu trần thuật không ? Những câu này dùng để làm gì ?

a) *Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì cất dở mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về.*

(*Thạch Sanh*)

b) *Tuy thế, nó vẫn kịp thì thầm vào tai tôi : "Em muốn cả anh cùng đi nhận giải.".*

(Tạ Duy Anh, *Bức tranh của em gái tôi*)

5. Đặt câu trần thuật dùng để hứa hẹn, xin lỗi, cảm ơn, chúc mừng, cam đoan.

6. Viết một đoạn đối thoại ngắn có sử dụng cả bốn kiểu câu đã học.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5 – VĂN THUYẾT MINH (làm tại lớp)

I – ĐỀ BÀI

Một trong các đề bài ở mục II.2, trang 36 – bài *Ôn tập về văn bản thuyết minh.*

II – YÊU CẦU

Làm đúng theo yêu cầu của bài văn thuyết minh, không lạc sang bài văn tự sự, miêu tả hay biểu cảm thuần tuý. Bài viết khoảng 800 chữ, trình bày có bố cục, thứ tự mạch lạc, chuẩn xác, dễ hiểu.

BÀI 22

> ***Kết quả cần đạt***
>
> - *Thấy được **Chiếu dời đô** phản ánh khát vọng về một đất nước độc lập, thống nhất và khí phách của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. Thấy được kết cấu chặt chẽ, cách lập luận giàu sức thuyết phục của tác phẩm. Nắm được đặc điểm chủ yếu và chức năng của thể chiếu.*
> - *Nắm được đặc điểm hình thức và chức năng của câu phủ định.*
> - *Bước đầu biết vận dụng kĩ năng làm văn thuyết minh để giới thiệu một di tích hoặc thắng cảnh của quê hương.*

VĂN BẢN

CHIẾU DỜI ĐÔ
(Thiên đô chiếu)

Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh[1] năm lần dời đô[2] ; nhà Chu đến vua Thành Vương[3] cũng ba lần dời đô[4]. Phải đâu các vua thời Tam đại[5] theo ý riêng mình mà tự tiện chuyển dời ? Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu ; trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi. Cho nên vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh[6]. Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ của Thương, Chu, cứ đóng yên đô thành ở nơi đây[7], khiến



Chùa Một Cột – công trình kiến trúc nổi tiếng
của thủ đô Hà Nội được xây dựng từ thời Lí

cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tốn, muôn vật không được thích nghi. Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi[8].

Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương[9] : Ở vào nơi trung tâm trời đất ; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi[10]. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây ; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng ; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt ; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa[11]. Thật là chốn tụ hội trọng yếu[12] của bốn phương đất nước ; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào ?

(Lí Công Uẩn[*], trong *Thơ văn Lí – Trần*, tập I,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977)

Chú thích

(★) Lí Công Uẩn (974 – 1028) tức Lí Thái Tổ, người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay là xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Ông là người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công. Dưới thời Tiền Lê, ông làm đến chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ. Khi Lê Ngọa Triều mất, ông được triều thần tôn lên làm vua, lấy niên hiệu là Thuận Thiên.

Chiếu là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh. Chiếu có thể viết bằng văn vần, văn biền ngẫu hoặc văn xuôi ; được công bố và đón nhận một cách trang trọng. Một số bài chiếu thể hiện tư tưởng chính trị lớn lao, có ảnh hưởng đến vận mệnh của cả triều đại, đất nước. Năm Canh Tuất niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1010), Lí Công Uẩn viết bài chiếu bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư (nay thuộc tỉnh Ninh Bình) ra thành Đại La (tức Hà Nội ngày nay). Văn bản bài *Chiếu dời đô* ở đây là do Nguyễn Đức Vân dịch.

(1) *Bàn Canh* : vua thứ mười bảy của nhà Thương, một triều đại rất xưa trong lịch sử Trung Quốc.

(2) *Năm lần dời đô* : nhà Thương từ vua đầu tiên là Thành Thang đến Bàn Canh đã năm lần dời đô.

(3) *Thành Vương* : vua thứ ba nhà Chu, triều đại tiếp nối nhà Thương.

(4) *Ba lần dời đô* : nhà Chu từ Chu Văn Vương qua Chu Vũ Vương đến Chu Thành Vương đã ba lần dời đô.

(5) *Tam đại* : tên chung chỉ ba triều đại Hạ, Thương, Chu nối tiếp nhau trong lịch sử cổ đại Trung Quốc.

(6) *Phồn thịnh* : ở trạng thái phát triển tốt đẹp, dồi dào, sung túc.

(7) *Nơi đây* : chỉ Hoa Lư, nơi triều đình nhà Lí còn đóng đô khi ấy.

(8) Thực ra việc hai triều Đinh, Lê vẫn cứ đóng đô ở Hoa Lư chứng tỏ thế và lực chưa đủ mạnh, vẫn còn phải dựa vào địa thế núi rừng hiểm trở. Đến thời Lí, với sự phát triển lớn mạnh của đất nước thì việc đóng đô ở Hoa Lư là không còn phù hợp nữa.

(9) *Cao Vương* : tức Cao Biền, viên quan nhà Đường, từng làm Đô hộ sứ Giao Châu (tức nước ta ngày xưa) từ năm 864 đến năm 875.

(10) *Thế rồng cuộn hổ ngồi* : thế đất giống hình rồng cuộn, hổ ngồi, được coi là thế đất đẹp, sẽ phát triển thịnh vượng.

(11) *Thắng địa* : chỗ đất có phong cảnh và địa thế đẹp.

(12) *Trọng yếu* : hết sức quan trọng, có tính chất cơ bản, mấu chốt.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Mở đầu *Chiếu dời đô*, Lí Công Uẩn viện dẫn sử sách Trung Quốc nói về việc các vua đời xưa bên Trung Quốc cũng từng có những cuộc dời đô. Sự viện dẫn đó nhằm mục đích gì ?

2. Theo Lí Công Uẩn, kinh đô cũ ở vùng núi Hoa Lư (Ninh Bình) của hai triều Đinh, Lê là không còn thích hợp, vì sao ? (Xem lại chú thích (8) ở trên để hiểu lí do khiến hai triều Đinh, Lê vẫn phải dựa vào vùng núi Hoa Lư để đóng đô.)

3. Theo tác giả, địa thế thành Đại La có những thuận lợi gì để có thể chọn làm nơi đóng đô ? (Chú ý vị trí địa lí, hình thế núi sông, sự thuận tiện trong giao lưu, phát triển về mọi mặt.)

4. Chứng minh *Chiếu dời đô* có sức thuyết phục lớn bởi có sự kết hợp giữa lí và tình.

(*Gợi ý :*

– Trình tự lí lẽ mà Lí Công Uẩn đưa ra để khẳng định việc cần thiết phải dời đô.

– Lời ban bố mệnh lệnh mà lại có những đoạn bày tỏ nỗi lòng, có những lời như đối thoại. Ngôn từ mang tính chất đối thoại, tâm tình ở hai câu cuối bài chiếu có tác dụng như thế nào ?)

5*. Vì sao nói việc *Chiếu dời đô* ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt ?

Ghi nhớ

Chiếu dời đô *phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. Bài chiếu có sức thuyết phục mạnh mẽ vì nói đúng được ý nguyện của nhân dân, có sự kết hợp hài hoà giữa lí và tình.*

LUYỆN TẬP

Chứng minh *Chiếu dời đô* có kết cấu chặt chẽ, lập luận giàu sức thuyết phục.

CÂU PHỦ ĐỊNH

I – ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC VÀ CHỨC NĂNG

1. Xét những câu sau và trả lời câu hỏi.

a) *Nam đi Huế.*

b) *Nam không đi Huế.*

c) *Nam chưa đi Huế.*

d) *Nam chẳng đi Huế.*

Câu hỏi :

– Các câu (b), (c), (d) có đặc điểm hình thức gì khác so với câu (a) ?

– Những câu này có gì khác với câu (a) về chức năng ?

2. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Thầy sờ vòi bảo :

– Tưởng con voi như thế nào, hoá ra nó sun sun như con đỉa.

Thầy sờ ngà bảo :

– Không phải, nó chần chẫn như cái đòn càn.

Thầy sờ tai bảo :

– Đâu có ! Nó bè bè như cái quạt thóc.

(*Thầy bói xem voi*)

Câu hỏi :

– Trong đoạn trích trên, những câu nào có từ ngữ phủ định ?

– Mấy ông thầy bói xem voi dùng những câu có từ ngữ phủ định để làm gì ? (Để phản bác một ý kiến, nhận định của người đối thoại hay để thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó ?)

Ghi nhớ

• Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như : ***không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có),...***

• Câu phủ định dùng để :

– Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (câu phủ định miêu tả).

– Phản bác một ý kiến, một nhận định (câu phủ định bác bỏ).

II – LUYỆN TẬP

1. Trong các câu sau đây, câu nào là câu phủ định bác bỏ ? Vì sao ?

a) *Tất cả quan chức nhà nước vào buổi sáng ngày khai trường đều chia nhau đến dự lễ khai giảng ở khắp các trường học lớn nhỏ. Bằng hành động đó, họ muốn cam kết rằng, không có ưu tiên nào lớn hơn ưu tiên giáo dục thế hệ trẻ cho tương lai.*

(Theo Lý Lan, *Cổng trường mở ra*)

b) *Tôi an ủi lão :*

– Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu gì đâu ! Vả lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt ! Ta giết nó chính là hoá kiếp cho nó đấy, hoá kiếp để cho nó làm kiếp khác.

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

c) *Không, chúng con không đói nữa đâu. Hai đứa ăn hết ngần kia củ khoai thì no mòng bụng ra rồi còn đói gì nữa.*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

2. Đọc các đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

a) *Câu chuyện có lẽ chỉ là một câu chuyện hoang đường, song không phải là không có ý nghĩa.*

(Hoài Thanh, *Ý nghĩa văn chương*)

b) *Tháng tám, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng, không ai không từng ăn trong Tết Trung thu, ăn nó như ăn cả mùa thu vào lòng vào dạ.*

(Băng Sơn, *Quả thơm*)

c) *Từng qua thời thơ ấu ở Hà Nội, ai chẳng có một lần nghển cổ nhìn lên tán lá cao vút mà ngắm nghía một cách ước ao chùm sấu non xanh hay thích thú chia nhau nhấm nháp món sấu dầm bán trước cổng trường.*

(Tạ Việt Anh, *Cây sấu Hà Nội*)

Câu hỏi :

– Những câu trên có ý nghĩa phủ định không ? Vì sao ?

– Đặt những câu không có từ ngữ phủ định mà có ý nghĩa tương đương với những câu trên. So sánh những câu mới đặt với những câu trên đây và cho biết có phải ý nghĩa của chúng hoàn toàn giống nhau không.

3. Xét câu văn sau và trả lời câu hỏi.

Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp.

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

Nếu Tô Hoài thay từ phủ định *không* bằng *chưa* thì nhà văn phải viết lại câu này như thế nào ? Nghĩa của câu có thay đổi không ? Câu nào phù hợp với câu chuyện hơn, vì sao ?

4. Các câu sau đây có phải là câu phủ định không ? Những câu này dùng để làm gì ? Đặt những câu có ý nghĩa tương đương.

a) *Đẹp gì mà đẹp !*

b) *Làm gì có chuyện đó !*

c) *Bài thơ này mà hay à ?*

d) *Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng ?* (Nam Cao, *Lão Hạc*)

5. Đọc đoạn trích sau (chú ý các từ in đậm) và cho biết : Có thể thay *quên* bằng *không, chưa* bằng *chẳng* được không ? Vì sao ?

*Ta thường tới bữa **quên** ăn, nửa đêm vỗ gối ; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa ; chỉ căm tức **chưa** xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.*

(Trần Quốc Tuấn, *Hịch tướng sĩ*)

6. Hãy viết một đoạn đối thoại ngắn, trong đó có dùng câu phủ định miêu tả và câu phủ định bác bỏ.

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Tập làm văn)

Giới thiệu di tích, thắng cảnh địa phương. Mỗi học sinh, theo sự phân công của thầy, cô giáo, chọn một di tích, thắng cảnh ở địa phương mình, điều tra, tìm hiểu, nghiên cứu rồi viết một bài văn thuyết minh không quá 1000 chữ. (*Lưu ý* : Có thể tham khảo nhưng không được chép lại bài đã có sẵn.)

BÀI 23

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được tinh thần yêu nước của tác giả **Trần Quốc Tuấn** thể hiện qua lòng căm thù giặc sâu sắc và ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược. Thấy được đặc sắc nghệ thuật văn chính luận của bài **Hịch tướng sĩ.***
- *Nắm được khái niệm hành động nói và một số kiểu hành động nói thường gặp.*
- *Qua giờ trả bài, củng cố toàn bộ kiến thức về văn bản thuyết minh.*

VĂN BẢN

HỊCH TƯỚNG SĨ

Ta thường nghe : Kỉ Tín[1] đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế ; Do Vu[2] chìa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương ; Dự Nhượng[3] nuốt than để báo thù cho chủ ; Thân Khoái[4] chặt tay cứu nạn cho nước ; Kính Đức[5], một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung ; Cảo Khanh[6], một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, đời nào không có ? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được !

Các ngươi con nhà võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi những chuyện xưa, ta không nói đến nữa. Nay ta chỉ kể chuyện Tống, Nguyên mới đây.



Tượng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn ở Nam Định

Vương Công Kiên(7) là người thế nào, tì tướng của ông là Nguyễn Văn Lập lại là người thế nào, mà giữ thành Điếu Ngư(8) nhỏ như cái đấu, đường đường chống với quân Mông Kha(9) đông đến hàng trăm vạn, khiến cho nhân dân đời Tống đến nay còn đội ơn sâu !

Cốt Đãi Ngột Lang(10) là người thế nào, tì tướng của ông là Xích Tu Tư(11) lại là người thế nào, mà xông vào chỗ lam chướng xa xôi nghìn trùng, đánh bại được quân Nam Chiếu(12) trong vài tuần, khiến cho quân trưởng(13) đời Nguyên đến nay còn lưu tiếng tốt !

Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ[14], thác mệnh Hốt Tất Liệt[15] mà đòi ngọc lụa, để thoả lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương[16] mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau !

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối ; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa ; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa[17], ta cũng vui lòng.

Các ngươi ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm ; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng ; đi thuỷ thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa ; lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. Cách đối đãi so với Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang ngày trước cũng chẳng kém gì.

Nay các ngươi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức ; nghe nhạc thái thường[18] để đãi yến[19] nguỵ sứ mà không biết căm. Hoặc lấy việc chọi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển ; hoặc vui thú vườn ruộng, hoặc quyến luyến vợ con ; hoặc lo làm giàu mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh ; hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh ; dẫu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng khôn chuộc, vả lại vợ bìu con díu, việc quân cơ trăm sự ích chi ; tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chó săn tuy khoẻ khôn đuổi được quân thù ; chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các ngươi sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào ! Chẳng những thái ấp[20] của ta không còn, mà bổng lộc các ngươi cũng mất ; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khốn ; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên ; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà đến gia thanh[21] các ngươi cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi muốn vui vẻ phỏng có được không ?

Nay ta bảo thật các ngươi : nên nhớ câu "đặt mồi lửa vào dưới đống củi"[22] là nguy cơ, nên lấy điều "kiềng canh nóng mà thổi rau nguội"[23] làm răn sợ. Huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên ; khiến cho người người giỏi như Bàng Mông,

nhà nhà đều là Hậu Nghệ[24] ; có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết[25], làm rữa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai[26]. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền, mà bổng lộc các ngươi cũng đời đời hưởng thụ ; chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chăn, mà vợ con các ngươi cũng được bách niên giai lão ; chẳng những tông miếu của ta sẽ được muôn đời tế lễ, mà tổ tông các ngươi cũng được thờ cúng quanh năm ; chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà đến các ngươi trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền ; chẳng những danh hiệu ta không bị mai một, mà tên họ các ngươi cũng sử sách lưu thơm. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi không muốn vui vẻ phỏng có được không ?

Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là *Binh thư yếu lược*. Nếu các ngươi biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta, thì mới phải đạo thần chủ[27] ; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.

Vì sao vậy ? Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các ngươi cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây sau khi giặc giã dẹp yên, muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa ? Ta viết ra bài hịch này để các ngươi biết bụng ta.

(Trần Quốc Tuấn(★), theo bản dịch
trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X – thế kỉ XVII*,
in lần thứ hai, NXB Văn học, Hà Nội, 1976)

Chú thích

(★) Trần Quốc Tuấn (1231 ? – 1300), tước Hưng Đạo Vương là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc. Năm 1285 và năm 1287, quân Mông – Nguyên xâm lược nước ta, lần nào ông cũng được Trần Nhân Tông cử làm Tiết chế thống lĩnh các đạo quân, cả hai lần đều thắng lợi vẻ vang. Đời Trần Anh Tông, ông về trí sĩ ở Vạn Kiếp (nay là xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương) rồi mất ở đấy. Nhân dân tôn thờ ông là Đức thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi trên đất nước.

Hịch là thể văn nghị luận thời xưa, thường được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Hịch có kết cấu chặt chẽ, có lí lẽ sắc bén, có dẫn chứng thuyết phục. Đặc điểm nổi bật của hịch là khích lệ tình cảm, tinh thần người nghe. Hịch thường được viết theo thể văn biền ngẫu (từng cặp câu cân xứng với nhau). Kết cấu của bài hịch có thể thay đổi linh hoạt tuỳ theo mục đích và nghệ thuật lập

luận của tác giả. Tuy nhiên, nhìn chung bài hịch kêu gọi đánh giặc thường gồm các phần : phần mở đầu có tính chất nêu vấn đề ; phần thứ hai nêu truyền thống vẻ vang trong sử sách để gây lòng tin tưởng ; phần thứ ba nhận định tình hình, phân tích phải trái để gây lòng căm thù giặc ; phần kết thúc nêu chủ trương cụ thể và kêu gọi đấu tranh. *Hịch tướng sĩ* do Trần Quốc Tuấn viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên lần thứ hai (1285). Ở bài *Hịch tướng sĩ*, tác giả không nêu phần đặt vấn đề riêng vì toàn bộ bài hịch là nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. Bài hịch này được làm để khích lệ tướng sĩ học tập cuốn *Binh thư yếu lược* (Sách tóm tắt những điều cốt yếu về binh pháp) do chính Trần Quốc Tuấn soạn.

(1) *Kỉ Tín* : tướng của Hán Cao Tổ (Lưu Bang). Khi Lưu Bang bị Hạng Vũ vây rất ngặt, thế khó thoát, Kỉ Tín giả làm Lưu Bang ra hàng, bị Hạng Vũ giết, nhờ thế Lưu Bang thoát nạn.

(2) *Do Vu* : tướng của Sở Chiêu Vương (thời Xuân Thu). Lúc Chiêu Vương lánh nạn, ở trọ, bị kẻ cướp đâm, Do Vu đã chìa lưng che chở cho Chiêu Vương.

(3) *Dự Nhượng* : gia thần của Trí Bá (thời Chiến Quốc). Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết chết, Dự Nhượng nuốt than cho khác giọng, giả làm hành khất, mưu giết Tương Tử báo thù cho chủ.

(4) *Thân Khoái* : viên quan giữ ao cá của Tề Trang Công (thời Xuân Thu). Khi Trang Công bị Thôi Trữ giết, Thân Khoái chặt tay tỏ lòng trung thành rồi chết theo chủ.

(5) *Kính Đức* : tức Uất Trì Cung thời Đường. Khi Đường Thái Tông (lúc bấy giờ còn là Tần Vương) bị Vương Thế Sung vây, Kính Đức đã lấy thân mình che chở, hộ vệ cho Đường Thái Tông thoát nạn.

(6) *Cảo Khanh* : tức Nhan Cảo Khanh. Khi An Lộc Sơn khởi loạn đánh Đường Minh Hoàng, Cảo Khanh chửi mắng An Lộc Sơn, bị giặc cắt lưỡi mà vẫn không sợ.

(7) *Vương Công Kiên* : tướng nhà Tống, khi giữ Hợp Châu đã huy động quân dân chiến đấu ở núi Điếu Ngư, cầm cự với đạo quân Mông Cổ suốt bốn tháng trời, quân Mông Cổ đành phải rút lui.

(8) *Điếu Ngư* : một trái núi rất hiểm trở ở Tứ Xuyên, Trung Quốc. Thời Tống, Dư Giới có đắp thành ở đó.

(9) *Mông Kha* : anh của Hốt Tất Liệt (vua Mông Cổ), từng trực tiếp chỉ huy cuộc viễn chinh sang Trung Quốc và các nước ở phía đông, bị tử trận ở thành Điếu Ngư trong cuộc vây hãm đội quân nhà Tống do Vương Công Kiên chỉ huy.

(10) *Cốt Đãi Ngột Lang* : một tướng giỏi của Mông Cổ, từng đem quân đi đánh Nam Chiếu.

(11) *Xích Tu Tư* : tướng Mông Cổ.

(12) *Nam Chiếu* : một nước nhỏ ở vào khoảng giữa hai tỉnh Tứ Xuyên và Vân Nam, Trung Quốc.

(13) *Quân trưởng* : chức quan trên ở trong quân đội.

(14) *Tể phụ* : bậc quan đầu triều, giúp vua trị nước.

(15) *Hốt Tất Liệt* : tức vua Thế Tổ nhà Nguyên.

(16) *Vân Nam Vương* : tức Thoát Hoan, con thứ chín của Hốt Tất Liệt, được phong vương ở đất Vân Nam, trực tiếp cầm đầu quân Mông – Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai.

(17) *Nghìn xác này gói trong da ngựa* : lấy từ câu của Mã Viện đời Hán : Bậc trượng phu nên chết ở giữa chiến trường, lấy da ngựa mà bọc thây ; ý nói làm trai phải đánh đông dẹp bắc, xả thân nơi chiến trường vì nghĩa lớn.

(18) *Nhạc thái thường* : nhạc của triều đình trong những tế lễ quan trọng ở tông miếu. Bấy giờ, trong những yến tiệc tiếp sứ giặc, triều đình nhà Trần phải dùng đến nhạc thái thường để giúp vui, Trần Quốc Tuấn coi đó là một điều nhục nhã.

(19) *Yến* : yến tiệc.

(20) *Thái ấp* : phần đất vua phong cho quý tộc.

(21) *Gia thanh* : tiếng tăm của ông cha để lại.

(22) *Đặt mồi lửa vào dưới đống củi* : lấy từ một câu văn của *Hán thư* : Ôm mồi lửa đặt dưới đống củi rồi nằm lên trên, lửa chưa kịp cháy vẫn cho là yên ; ý nói phải cảnh giác như nằm trên đống củi mà có mồi lửa ở dưới.

(23) *Kiềng canh nóng mà thổi rau nguội* : theo một câu ở *Sở từ*, đại ý : Người bị bỏng vì canh nóng, trong lòng e sợ, dù gặp rau nguội đi nữa cũng lấy miệng thổi.

(24) *Bàng Mông, Hậu Nghệ* : hai nhân vật bắn cung rất giỏi trong thần thoại Trung Quốc.

(25) *Cửa khuyết* : cửa lớn ở kinh thành.

(26) *Cảo Nhai* : nơi trú ngụ của các vua chư hầu khi vào chầu vua Hán ở Trường An, Trung Quốc. Ở đây mượn để chỉ nơi tiếp sứ nước ngoài của ta.

(27) *Đạo thần chủ* : đạo giữa gia tướng, gia nô *(thần)* với lãnh chúa *(chủ)*.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài hịch có thể chia làm mấy đoạn ? Nêu ý chính của từng đoạn.

2. Sự ngang ngược và tội ác của giặc được lột tả như thế nào ? Đoạn văn tố cáo tội ác giặc đã khơi gợi được điều gì ở tướng sĩ ?

3. Phân tích lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn qua đoạn văn tác giả tự nói lên nỗi lòng mình.

4. Sau khi nêu mối ân tình giữa chủ soái và tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn phê phán những hành động sai của tướng sĩ, đồng thời khẳng định những hành động đúng nên làm là có dụng ý gì ? Khi phê phán hay khẳng định, tác giả tập trung vào vấn đề gì ? Tại sao phải như vậy ?

5. Giọng văn là lời vị chủ soái nói với tướng sĩ dưới quyền hay là lời người cùng cảnh ngộ ? Là lời khuyên răn bày tỏ thiệt hơn hay là lời nghiêm khắc cảnh cáo ? Cách viết của tác giả có tác động tới tướng sĩ như thế nào ?

6. Hãy nêu một số đặc sắc nghệ thuật đã tạo nên sức thuyết phục người đọc bằng cả nhận thức và tình cảm ở bài *Hịch tướng sĩ.*

7*. Khích lệ nhiều mặt để tập trung vào một hướng, đó là cách triển khai lập luận của bài *Hịch tướng sĩ.* Hãy làm sáng tỏ điều này bằng một lược đồ về kết cấu của bài hịch.

Ghi nhớ

*Bài **Hịch tướng sĩ** của Trần Quốc Tuấn phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thể hiện qua lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược. Đây là một áng văn chính luận xuất sắc, có sự kết hợp giữa lập luận chặt chẽ, sắc bén với lời văn thống thiết, có sức lôi cuốn mạnh mẽ.*

LUYỆN TẬP

1. Phát biểu cảm nhận về lòng yêu nước của Trần Quốc Tuấn được thể hiện qua bài hịch.

2*. Chứng minh bài *Hịch tướng sĩ* vừa có lập luận chặt chẽ, sắc bén vừa giàu hình tượng, cảm xúc, do đó có sức thuyết phục cao.

HÀNH ĐỘNG NÓI

I – HÀNH ĐỘNG NÓI LÀ GÌ ?

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi.

Mẹ con Lí Thông đang ngủ, bỗng nghe tiếng gọi cửa. Ngỡ là hồn oan của Thạch Sanh hiện về, mẹ con hắn hoảng sợ, van lạy rối rít. Khi Thạch Sanh vào nhà kể cho nghe chuyện giết chằn tinh, chúng mới hoàn hồn. Nhưng Lí Thông bỗng nảy ra kế khác. Hắn nói :

– Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi. Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu.

Thạch Sanh lại thật thà tin ngay. Chàng vội vã từ giã mẹ con Lí Thông, trở về túp lều cũ dưới gốc đa, kiếm củi nuôi thân.

(*Thạch Sanh*)

1. Lí Thông nói với Thạch Sanh nhằm mục đích chính là gì ? Câu nào thể hiện rõ nhất mục đích ấy ?

2. Lí Thông có đạt được mục đích của mình không ? Chi tiết nào nói lên điều đó ?

3. Lí Thông đã thực hiện mục đích của mình bằng phương tiện gì ?

4. Nếu hiểu hành động là "việc làm cụ thể của con người nhằm một mục đích nhất định"[a] thì việc làm của Lí Thông có phải là một hành động không ? Vì sao ?

Ghi nhớ

Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.

II – MỘT SỐ KIỂU HÀNH ĐỘNG NÓI THƯỜNG GẶP

1. Trong đoạn trích ở mục I, ngoài câu đã phân tích, mỗi câu còn lại trong lời nói của Lí Thông đều nhằm một mục đích nhất định. Những mục đích ấy là gì ?

(a) Viện Ngôn ngữ học (Hoàng Phê chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, Hà Nội – Đà Nẵng, 2002, tr. 422.

2. Chỉ ra các hành động nói trong đoạn trích sau và cho biết mục đích của mỗi hành động.

Cái Tí chưa hiểu hết ý câu nói của mẹ, nó xám mặt lại và hỏi bằng giọng luống cuống :

– Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu ?

Điểm thêm một "giây" nức nở, chị Dậu ngó con bằng cách xót xa :

– Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài.

Cái Tí nghe nói giãy nảy, giống như sét đánh bên tai, nó liệng củ khoai vào rổ và oà lên khóc.

[...] *Chừng như lúc nãy thấy bắt cả chó lớn, chó con, cái Tí vẫn tưởng những con vật ấy sẽ đi thế mạng cho mình, cho nên nó đã vững dạ ngồi im. Bây giờ nghe mẹ giục nó phải đi, nó lại nhếch nhác, mếu khóc :*

– U nhất định bán con đấy ư ? U không cho con ở nhà nữa ư ? Khốn nạn thân con thế này ! Trời ơi !...

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

3. Liệt kê các kiểu hành động nói mà em đã biết qua phân tích hai đoạn trích ở mục I và mục II.

Ghi nhớ

Người ta dựa theo mục đích của hành động nói mà đặt tên cho nó. Những kiểu hành động nói thường gặp là hỏi, trình bày (báo tin, kể, tả, nêu ý kiến, dự đoán,...), điều khiển (cầu khiến, đe doạ, thách thức,...), hứa hẹn, bộc lộ cảm xúc.

III – LUYỆN TẬP

1. Trần Quốc Tuấn viết *Hịch tướng sĩ* nhằm mục đích gì ? Hãy xác định mục đích của hành động nói thể hiện ở một câu trong bài hịch và vai trò của câu ấy đối với việc thực hiện mục đích chung.

2. Chỉ ra các hành động nói và mục đích của mỗi hành động nói trong những đoạn trích sau :

a) *Tiếng chó sủa vang các xóm.*

Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang :

– Bác trai đã khá rồi chứ ?

– Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hãy còn lề bề lệt bệt chừng như vẫn mỏi mệt lắm.

– Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm rề rề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn.

– Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp cái đã. Nhịn suông từ sáng hôm qua tới giờ còn gì.

– Thế thì phải giục anh ấy ăn mau lên đi, kẻo nữa người ta sắp sửa kéo vào rồi đấy !

Rồi bà lão lật đật trở về với vẻ mặt băn khoăn.

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

b) *Lê Thận nâng gươm lên ngang đầu nói với Lê Lợi :*

– Đây là Trời có ý phó thác cho minh công làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo minh công, cùng với thanh gươm thần này để báo đền Tổ quốc !

(*Sự tích Hồ Gươm*)

c) *Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay :*

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !

– Cụ bán rồi ?

– Bán rồi ! Họ vừa bắt xong. [...]

– Thế nó cho bắt à ?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

– Khốn nạn... Ông giáo ơi !... Nó có biết gì đâu ! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên.

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

3. Đoạn trích dưới đây có ba câu chứa từ *hứa*. Hãy xác định kiểu hành động nói được thực hiện trong mỗi câu ấy.

Em đi nhanh về chiếc giường, đặt con Em Nhỏ quàng tay vào con Vệ Sĩ.

– Em để nó ở lại – Giọng em ráo hoảnh – Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng ngồi cách xa nhau. Anh nhớ chưa ? Anh hứa đi.

– Anh xin hứa.

Tôi mếu máo trả lời và đứng như chôn chân xuống đất, nhìn theo cái bóng bé nhỏ liêu xiêu của em tôi trèo lên xe.

(Khánh Hoài, *Cuộc chia tay của những con búp bê*)

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5

Gợi ý đánh giá bài làm :

1. Bài văn có làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh không ? Nội dung bài viết có tính chất khách quan, đáng tin cậy không ?

2. Để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng, bài làm đã chú ý vận dụng phương pháp thuyết minh nào ?

3. Bài làm có theo bố cục, thứ tự hợp lí không ?

4. Lời văn thuyết minh có chuẩn xác, ngắn gọn và sinh động không ?

BÀI 24

Kết quả cần đạt

- *Thấy được ý thức dân tộc đã phát triển tới trình độ cao và phần nào hiểu được một vài nét đặc sắc nghệ thuật của áng thiên cổ hùng văn **Bình Ngô đại cáo** qua đoạn trích **Nước Đại Việt ta**.*
- *Nắm được cách dùng các kiểu câu để thực hiện hành động nói.*
- *Nắm vững khái niệm luận điểm, quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết và quan hệ giữa các luận điểm trong một bài văn nghị luận.*

VĂN BẢN

NƯỚC ĐẠI VIỆT TA
(Trích *Bình Ngô đại cáo*)

Từng nghe :

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân[1],
Quân điếu phạt[2] trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt[3] ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến[4] đã lâu,



Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam[5] cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần[6] bao đời gây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên[7], mỗi bên xưng đế một phương,
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt[8] đời nào cũng có.

Vậy nên :

Lưu Cung[9] tham công nên thất bại,
Triệu Tiết[10] thích lớn phải tiêu vong,
Cửa Hàm Tử[11] bắt sống Toa Đô,
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã[12].
Việc xưa xem xét
Chứng cớ còn ghi.

(Nguyễn Trãi[★], *Bình Ngô đại cáo*,
trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 4,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995)

Chú thích

(★) Về tác giả Nguyễn Trãi : xem chú thích (★) ở sách *Ngữ văn 7*, tập một, tr. 79.

Cáo là thể văn nghị luận cổ, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương hay công bố kết quả một sự nghiệp để mọi người cùng biết. Cáo phần nhiều được viết bằng văn biền ngẫu (không có vần hoặc có vần, thường có đối, câu dài ngắn không gò bó, mỗi cặp hai vế đối nhau). Cũng như hịch, cáo là thể văn có tính chất hùng biện, do đó lời lẽ phải đanh thép, lí luận phải sắc bén, kết cấu phải chặt chẽ, mạch lạc.

Bình Ngô đại cáo do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Thái Tổ (Lê Lợi) soạn thảo là bài cáo có ý nghĩa trọng đại của một bản tuyên ngôn độc lập, được công bố ngày 17 tháng chạp năm Đinh Mùi (tức đầu năm 1428), sau khi quân ta đại thắng, diệt và làm tan rã 15 vạn viện binh của quân Minh xâm lược, buộc Vương Thông phải giảng hoà, chấp nhận rút quân về nước. Bài đại cáo này được viết theo lối văn

biền ngẫu, có vận dụng thể tứ lục (từng cặp câu, mỗi câu mười chữ ngắt theo nhịp 4/6), kết cấu cũng gồm bốn phần như thể cáo nói chung. Đoạn trích từ *Bình Ngô đại cáo* ở đây là do Bùi Văn Nguyên dịch dựa theo bản dịch của Bùi Kỉ. Nhan đề đoạn trích do người biên soạn SGK đặt.

(1) *Nhân nghĩa* : vốn là khái niệm đạo đức của Nho giáo, nói về đạo lí, cách ứng xử và tình thương giữa con người với nhau. Ở đây tác giả đã tiếp thu tư tưởng nhân nghĩa của Nho giáo theo hướng lấy lợi ích của nhân dân, dân tộc làm gốc. *Yên dân* : đem lại cuộc sống yên ổn cho dân.

(2) *Điếu phạt* : rút ý từ câu "điếu dân phạt tội" (thương dân, đánh kẻ có tội) trong *Kinh Thư* nói về việc Thang, Vũ đánh kẻ có tội là Kiệt, Trụ (*điếu* : thương xót ; *phạt* : đánh, dẹp).

(3) *Đại Việt* : tên nước ta từ đời vua Lí Thánh Tông.

(4) *Văn hiến* : truyền thống văn hoá lâu đời và tốt đẹp (*văn* : văn chương, chữ nghĩa, văn hoá nói chung ; *hiến* : người hiền tài).

(5) *Bắc Nam* : ở đây Bắc chỉ Trung Quốc, Nam chỉ nước ta.

(6) *Đinh, Lí, Trần* là những triều đại xây dựng nền độc lập của đất nước ta. Còn *Triệu* là chỉ triều đại của Triệu Đà, kẻ đã cướp nước Âu Lạc, nhưng sử sách trước đây có tài liệu coi đó là một triều đại của nước nhà.

(7) *Hán, Đường, Tống, Nguyên* : các triều đại Trung Quốc.

(8) *Hào kiệt* : người có tài cao, chí lớn hơn người.

(9) *Lưu Cung* : vua Nam Hán (nam Trung Quốc) đã sai con là Hoằng Thao (có tài liệu ghi là Hoằng Tháo) đem quân xâm lược nước ta, bị Ngô Quyền đánh bại năm 938.

(10) *Triệu Tiết* : tướng nhà Tống, đem quân sang đánh nước ta thời Lí, bị Lí Thường Kiệt đánh đuổi.

(11) *Hàm Tử* : bến Hàm Tử, một địa điểm ở tả ngạn sông Hồng (nay thuộc huyện Khoái Châu, Hưng Yên), là nơi Trần Nhật Duật phá quân Toa Đô trong cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên lần thứ hai.

(12) *Toa Đô, Ô Mã* (tức Ô Mã Nhi) : hai tướng nhà Nguyên. Theo sử, Toa Đô bị giết chết ở trận Hàm Tử (không phải bị bắt sống).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Đoạn trích là phần mở đầu bài *Bình Ngô đại cáo*. Đoạn này có ý nghĩa nêu tiền đề cho toàn bài, tất cả nội dung được phát triển về sau đều xoay quanh tiền đề đó. Theo em, khi nêu tiền đề, tác giả đã khẳng định những chân lí nào ?

2. Qua hai câu "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân – Quân điếu phạt trước lo trừ bạo", có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là gì ? Người dân mà tác giả nói tới là ai ? Kẻ bạo ngược mà tác giả nói tới là kẻ nào ?

3. Để khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc, tác giả đã dựa vào những yếu tố nào ?

Nhiều ý kiến cho rằng ý thức dân tộc ở đoạn trích *Nước Đại Việt ta* là sự tiếp nối và phát triển ý thức dân tộc ở bài thơ *Sông núi nước Nam* (đã học ở lớp 7), vì sao ? Để trả lời câu hỏi này, hãy tìm hiểu xem những yếu tố nào đã được nói tới trong *Sông núi nước Nam* và những yếu tố nào mới được bổ sung trong *Nước Đại Việt ta*.

4. Hãy chỉ ra những nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích và phân tích tác dụng của chúng.

(*Gợi ý* : cách dùng từ, cách sử dụng câu văn biền ngẫu, biện pháp liệt kê, so sánh đối lập,... có hiệu quả.)

5*. Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi là ở chỗ kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn. Qua đoạn trích trên, hãy chứng minh.

6*. Thử khái quát trình tự lập luận của đoạn trích *Nước Đại Việt ta* bằng một sơ đồ.

Ghi nhớ

*Với cách lập luận chặt chẽ và chứng cứ hùng hồn, đoạn trích **Nước Đại Việt ta** có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập : Nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử ; kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa, nhất định thất bại.*

LUYỆN TẬP

Trên cơ sở so sánh với bài thơ *Sông núi nước Nam*, hãy chỉ ra sự tiếp nối và phát triển của ý thức dân tộc trong đoạn trích *Nước Đại Việt ta*.

HÀNH ĐỘNG NÓI (tiếp theo)

I – CÁCH THỰC HIỆN HÀNH ĐỘNG NÓI

1. Đánh số thứ tự trước mỗi câu trần thuật trong đoạn trích sau đây. Xác định mục đích nói của những câu ấy bằng cách đánh dấu (+) vào ô thích hợp và dấu (–) vào ô không thích hợp theo bảng tổng hợp kết quả bên dưới.

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

(Hồ Chí Minh, *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*)

Câu / Mục đích	1	2	3	4	5
Hỏi					
Trình bày					
Điều khiển					
Hứa hẹn					
Bộc lộ cảm xúc					

2. Dựa theo cách tổng hợp kết quả ở bài tập trên, hãy lập bảng trình bày quan hệ giữa các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật với những kiểu hành động nói mà em đã biết. Cho ví dụ minh hoạ.

Ghi nhớ

Mỗi hành động nói có thể được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó (cách dùng trực tiếp) hoặc bằng kiểu câu khác (cách dùng gián tiếp).

II – LUYỆN TẬP

1. Tìm các câu nghi vấn trong bài *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn. Cho biết những câu ấy được dùng làm gì. Vị trí của mỗi câu nghi vấn trong từng đoạn văn có liên quan như thế nào đến mục đích nói của nó ?

2. Nhiều người có nhận xét là trong các bài nói, bài viết của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường kêu gọi chiến sĩ, đồng bào bằng những câu trần thuật. Hãy tìm những câu trần thuật có mục đích cầu khiến trong các đoạn trích dưới đây của Người và cho biết hình thức diễn đạt ấy có tác dụng như thế nào trong việc động viên quần chúng.

a) *Vì vậy, nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc.*

Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi.

Đồng bào và chiến sĩ miền Nam anh hùng, dưới ngọn cờ vẻ vang của Mặt trận Dân tộc Giải phóng, liên tục tiến công, liên tục nổi dậy, kiên quyết tiến lên, giành lấy thắng lợi hoàn toàn.

Quân và dân miền Bắc quyết ra sức thi đua yêu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm tròn nghĩa vụ của mình đối với đồng bào miền Nam ruột thịt [...].

(*Lời kêu gọi cả nước tiến lên đánh thắng giặc Mĩ xâm lược*)

b) *Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.*

[...] Điều mong muốn cuối cùng của tôi là : Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

(*Di chúc*)

3. Tìm các câu có mục đích cầu khiến trong đoạn trích sau. Mỗi câu ấy thể hiện quan hệ giữa các nhân vật và tính cách nhân vật như thế nào ?

Dế Choắt trả lời tôi bằng một giọng rất buồn rầu :

– Thưa anh, em cũng muốn khôn nhưng khôn không được. Đụng đến việc là em thở rồi, không còn hơi sức đâu mà đào bới nữa [...]. Hay là bây giờ em nghĩ thế này... Song anh có cho phép em mới dám nói...

Rồi Dế Choắt loanh quanh, băn khoăn. Tôi phải bảo :

– Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.

Dế Choắt nhìn tôi mà rằng :

– Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh, phòng khi tắt lửa tối đèn có đứa nào đến bắt nạt thì em chạy sang...

Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi, với bộ điệu khinh khỉnh, tôi mắng :

– Hức ! Thông ngách sang nhà ta ? Dễ nghe nhỉ ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết !

Tôi về, không một chút bận tâm.

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

4. Trong các cách hỏi đường dưới đây, em nên dùng những cách nào để hỏi người lớn ?

a) *Bác có biết bưu điện ở đâu không ạ ?*

b) *Bác làm ơn chỉ giùm cháu bưu điện ở đâu ạ.*

c) *Bưu điện ở đâu, hả bác ?*

d) *Chỉ giùm cháu bưu điện ở đâu với !*

e) *Bác có thể chỉ giúp cháu bưu điện ở đâu không ạ ?*

5. Trong quán ăn, một người nói với người bên cạnh : "*Anh có thể chuyển giúp tôi lọ gia vị không ạ ?*". Theo em, trong những hành động dưới đây, người nghe nên chọn hành động nào ?

a) Lẳng lặng đưa lọ gia vị cho người kia.

b) Trả lời người kia : "*Có chứ ạ. Cái lọ ấy không nặng đâu mà !*".

c) Đưa lọ gia vị cho người kia và nói : "*Mời anh.*" (hoặc "*Mời chị.*", "*Mời bác.*",...).

ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM

I – KHÁI NIỆM LUẬN ĐIỂM

1. Xem lại *Ngữ văn 7*, tập hai và cho biết : Luận điểm là gì ? Lựa chọn câu trả lời đúng trong các câu sau :

a) Luận điểm là vấn đề được đưa ra giải quyết trong bài văn nghị luận.

b) Luận điểm là một phần của vấn đề được đưa ra giải quyết trong bài văn nghị luận.

c) Luận điểm là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương cơ bản mà người viết (nói) nêu ra trong bài văn nghị luận.

2. a) Bài *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (*Ngữ văn 7*, tập hai, tr. 24 – 25) có những luận điểm nào ? Chú ý phân biệt luận điểm xuất phát dùng làm cơ sở và luận điểm chính dùng làm kết luận của bài.

b) Một bạn cho rằng bài *Chiếu dời đô* của Lí Công Uẩn gồm hai luận điểm :

– *Luận điểm 1* : Lí do cần phải dời đô.

– *Luận điểm 2* : Lí do có thể coi thành Đại La là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Xác định luận điểm như vậy có đúng không ? Vì sao ?

II – MỐI QUAN HỆ GIỮA LUẬN ĐIỂM VỚI VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

1. a) Vấn đề được đặt ra trong bài *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* là gì ? Có thể làm sáng tỏ vấn đề đó được không, nếu trong bài văn, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đưa ra luận điểm : "Đồng bào ta ngày nay có lòng yêu nước nồng nàn" ?

b) Trong *Chiếu dời đô*, nếu Lí Công Uẩn chỉ đưa ra luận điểm : "Các triều đại trước đây đã nhiều lần thay đổi kinh đô" thì mục đích của nhà vua khi ban chiếu có thể đạt được không ? Tại sao ?

2. Từ sự tìm hiểu trên, em rút ra được những kết luận gì về mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận ?

III – MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC LUẬN ĐIỂM TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

1. Để viết bài tập làm văn theo đề bài : "Hãy trình bày rõ vì sao chúng ta cần phải đổi mới phương pháp học tập", em sẽ chọn hệ thống luận điểm nào trong hai hệ thống sau :

Hệ thống (1)	Hệ thống (2)
(a) Phương pháp học tập có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng học tập. (b) Cần thay đổi phương pháp học tập cũ (thụ động, máy móc, xa thực tế) vì nó không phù hợp với yêu cầu của học tập, không đưa lại kết quả tốt. (c) Cần theo phương pháp học tập mới (chủ động, sáng tạo, kết hợp học với hành) vì nó phù hợp với yêu cầu của học tập, đưa lại kết quả tốt.	(a) Chỉ cần đổi mới phương pháp học tập là kết quả học tập sẽ được nâng cao nhanh chóng. (b) Do đó, người học sinh cần phải thường xuyên thay đổi cách học tập. (c) Chúng ta còn chưa chăm học, còn hay nói chuyện riêng. (d) Nếu chúng ta học tập theo phương pháp mới thì kết quả sẽ tốt hơn.

(*Gợi ý* : Xét xem hệ thống luận điểm nào đạt được các yêu cầu :

– Hoàn toàn chính xác.

– Thật sự liên kết với nhau.

– Phân biệt rành mạch các ý với nhau, bảo đảm cho chúng không bị trùng lặp, chồng chéo.

– Được sắp xếp theo một trình tự hợp lí : Luận điểm trước đặt cơ sở cho luận điểm sau, còn luận điểm sau phát huy được kết quả của luận điểm trước.)

2. Từ sự tìm hiểu trên, em rút ra được kết luận gì về luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận ?

Ghi nhớ

- *Luận điểm trong bài văn nghị luận là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết (nói) nêu ra ở trong bài.*
- *Trong bài văn nghị luận, luận điểm là một hệ thống : có luận điểm chính (dùng làm kết luận của bài, là cái đích của bài viết) và luận điểm phụ (dùng làm luận điểm xuất phát hay luận điểm mở rộng).*
- *Luận điểm cần phải chính xác, rõ ràng, phù hợp với yêu cầu giải quyết vấn đề và đủ để làm sáng tỏ vấn đề được đặt ra.*
- *Các luận điểm trong một bài văn vừa cần liên kết chặt chẽ, lại vừa cần có sự phân biệt với nhau. Các luận điểm phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí : Luận điểm nêu trước chuẩn bị cơ sở cho luận điểm nêu sau, còn luận điểm nêu sau dẫn đến luận điểm kết luận.*

IV – LUYỆN TẬP

1. Đoạn văn sau đây nêu lên luận điểm "Nguyễn Trãi là người anh hùng dân tộc" hay luận điểm "Nguyễn Trãi như một ông tiên ở trong toà ngọc" ? Hãy giải thích sự lựa chọn của em.

Nguyễn Mộng Tuân, một người bạn của Nguyễn Trãi, đã ca ngợi Nguyễn Trãi như sau : "Gió thanh hây hẩy gác vàng, người như một ông tiên ở trong toà ngọc, cái tài làm hay, làm đẹp cho nước, từ xưa chưa có bao giờ...". Nguyễn Trãi không phải là một ông tiên. Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lộng gió của thời đại lúc bấy giờ, thông cảm sâu xa với nỗi lòng dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tuy cho một lí tưởng cao quý. Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tinh hoa của dân tộc. Sự nghiệp và tác phẩm của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc. Nguyễn Trãi rất xứng đáng với lòng khâm phục và quý trọng của chúng ta. Ca ngợi người anh hùng dân tộc, chúng ta đã rửa mối "hận nghìn năm" của Nguyễn Trãi !

(Phạm Văn Đồng, *Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc*)

2. Nếu phải viết một bài tập làm văn để giải thích vì sao có thể nói rằng giáo dục là chìa khoá của tương lai thì :

a) Em sẽ chọn những luận điểm nào trong số các luận điểm dưới đây :

– Giáo dục có tác dụng điều chỉnh độ gia tăng dân số.

– Giáo dục tạo cơ sở cho sự tăng trưởng kinh tế.

– Giáo dục giải phóng con người, giúp con người thoát khỏi áp bức và sự lệ thuộc vào quyền lực của người khác để đạt được sự phát triển chính trị và tiến bộ xã hội.

– Giáo dục đào tạo thế hệ người sẽ xây dựng xã hội tương lai.

– Nước ta là một nước văn hiến có truyền thống giáo dục lâu đời.

– Giáo dục góp phần bảo vệ môi trường sống.

– Trẻ em hôm nay là thế giới ngày mai.

b) Em sẽ sắp xếp các luận điểm đã lựa chọn (và đã sửa lại, nếu cần) theo trình tự nào ? Vì sao ?

BÀI 25

Kết quả cần đạt

- *Thấy được quan niệm của Nguyễn Thiếp về mục đích và tác dụng của việc học. Qua bài văn, học tập cách lập luận của tác giả.*
- *Biết cách trình bày luận điểm trong đoạn văn diễn dịch và quy nạp, biết sắp xếp và có kĩ năng trình bày luận điểm trong bài văn nghị luận.*

VĂN BẢN

BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC
(Luận học pháp)

"Ngọc không mài, không thành đồ vật ; người không học, không biết rõ đạo". Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền(1). Người ta đua nhau

lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương[2], ngũ thường[3]. Chúa tầm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy.

Cúi xin từ nay ban chiếu thư cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cựu triều[4], đều tuỳ đâu tiện đấy mà đi học.

Phép dạy, nhất định theo Chu Tử[5]. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư[6], ngũ kinh[7], chư sử[8]. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Hoạ may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.

Đạo học thành thì người tốt nhiều ; người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắn mà thiên hạ thịnh trị.

Đó là mấy điều, thành thật xin dâng. Chẳng quản lời nói vu vơ, cúi mong Hoàng thượng soi xét.

Kẻ hèn thần cung kính tấu trình.

(La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp[★], theo *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998)

Chú thích

(★) Nguyễn Thiếp (1723 – 1804) tự là Khải Xuyên, hiệu là Lạp Phong Cư Sĩ, người đương thời kính trọng thường gọi là La Sơn Phu Tử, quê ở làng Mật Thôn, xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn (nay thuộc huyện Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh. Nguyễn Thiếp là người "thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu", từng đỗ đạt, làm quan dưới triều Lê nhưng sau đó từ quan về dạy học. Quang Trung mấy lần viết thư mời ông cộng tác với thái độ rất chân tình nên cuối cùng Nguyễn Thiếp ra giúp triều Tây Sơn, góp phần xây dựng đất nước về mặt chính trị. Khi Quang Trung mất, ông lại về ở ẩn cho đến cuối đời mà không hợp tác với nhà Nguyễn.

Bàn luận về phép học là phần trích từ bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung vào tháng 8 – 1791. *Tấu* là một loại văn thư của bề tôi, thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị (khác với *tấu* trong nghệ thuật

hiện đại là một loại hình kể chuyện, biểu diễn trước công chúng, thường mang yếu tố hài). Tấu có thể được viết bằng văn xuôi hay văn vần, văn biền ngẫu. Bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung bàn về ba điều mà theo ông bậc đế vương nên biết : *quân đức* (đức của vua), *dân tâm* (lòng dân), *học pháp* (phép học).

(1) *Thất truyền* : bị mất đi, không được truyền lại cho đời sau.

(2) *Tam cương* : ba mối quan hệ gốc trong xã hội phong kiến là *quân thần* (vua tôi), *phụ tử* (cha con), *phu phụ* (chồng vợ).

(3) *Ngũ thường* : năm đức tính của con người là *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.*

(4) *Cựu triều* : triều vua cũ, ở đây chỉ nhà Lê.

(5) *Chu Tử* : Chu Hi (1130 – 1200), nhà nho nổi tiếng đồng thời là nhà triết học, nhà giáo dục học thời Nam Tống.

(6) *Tứ thư* : bốn quyển sách tiêu biểu của Nho giáo : *Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học, Trung dung.*

(7) *Ngũ kinh* : năm bộ sách kinh điển của Nho giáo : *Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu.*

(8) *Chư sử* : các cuốn sách sử có tiếng đời xưa (*chư* : từ chỉ số nhiều như trong *chư vị, chư khách,...*).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phần đầu tác giả nêu khái quát mục đích chân chính của việc học. Mục đích đó là gì ?

2. Tác giả đã phê phán những lối học lệch lạc, sai trái nào ? Tác hại của lối học ấy là gì ?

3. Để khuyến khích việc học, Nguyễn Thiếp khuyên vua Quang Trung thực hiện những chính sách gì ?

4. Bài tấu có đoạn bàn về "phép học", đó là những "phép học" nào ? Tác dụng và ý nghĩa của những phép học ấy ? Từ thực tế việc học của bản thân, em thấy phương pháp học tập nào là tốt nhất ? Vì sao ?

5*. Xác định trình tự lập luận của đoạn văn bằng một sơ đồ.

Ghi nhớ

*Với cách lập luận chặt chẽ, bài **Bàn luận về phép học** giúp ta hiểu mục đích của việc học là để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải để cầu danh lợi. Muốn học tốt phải có phương pháp, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn, đặc biệt, học phải đi đôi với hành.*

LUYỆN TẬP

Phân tích sự cần thiết và tác dụng của phương pháp "học đi đôi với hành".

VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM

I – TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM THÀNH MỘT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN

1. Đọc các đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

a) *Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương : Ở vào nơi trung tâm trời đất ; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây ; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng ; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt ; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước ; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.*

(Lí Công Uẩn, *Chiếu dời đô*)

b) *Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ*

săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ,... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

(Hồ Chí Minh, *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*)

Câu hỏi :

– Xác định câu chủ đề (câu nêu luận điểm) trong mỗi đoạn văn.

– Câu chủ đề trong từng đoạn được đặt ở vị trí nào (đầu hay cuối đoạn) ?

– Trong hai đoạn văn trên, đoạn nào được viết theo cách diễn dịch và đoạn nào được viết theo cách quy nạp ? Phân tích cách diễn dịch và quy nạp trong mỗi đoạn văn.

2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Ở màn đầu chương XIII, cảnh nhà vợ chồng địa chủ Nghị Quế, Ngô Tất Tố cho bưng vào đấy một cái rổ nhún nhín bốn chó con. [...] Quái thay là Ngô Tất Tố. Mới xem, ai cũng thấy vợ chồng địa chủ cũng chỉ là như mọi người khác thích chó, yêu gia súc, tưởng người lành hoặc kẻ bất lương cũng không khác nhau gì lắm trong việc nuôi chó con. Thằng chồng le te cho chó ăn cơm, ôn tồn hỏi về chó, rồi xem tướng chó. Hắn sung sướng. Vợ hắn và hắn bù khú [...] với nhau trên câu chuyện chó con. Ấy thế rồi là đùng đùng giở giọng chó má ngay với mẹ con chị Dậu đứng đấy. Đoạn này, khá lắm, bác Tố ạ ! Cho thằng nhà giàu rước chó vào nhà, nó mới càng hiện chất chó đểu của giai cấp nó ra.

(Nguyễn Tuân, *Truyện "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố*)

Câu hỏi :

a) Hãy xem lại *Ngữ văn 7*, tập hai và cho biết : Lập luận là gì ? Tìm luận điểm và cách lập luận trong đoạn văn trên. (*Gợi ý* : Có phải nhà văn dùng phép tương phản hay không ?)

b) Cách lập luận trong đoạn văn trên có làm cho luận điểm trở nên sáng tỏ, chính xác và có sức thuyết phục mạnh mẽ không ?

c) Em có nhận xét gì về việc sắp xếp các ý trong đoạn văn vừa dẫn ? Nếu tác giả xếp nhận xét Nghị Quế "đùng đùng giở giọng chó má ngay với mẹ con chị

Dậu" lên trên và đưa nhận xét "vợ chồng địa chủ cũng... thích chó, yêu gia súc" xuống dưới thì hiệu quả lập luận của đoạn văn sẽ bị ảnh hưởng thế nào ?

d) Trong đoạn văn, những cụm từ *chuyện chó con, giọng chó má, thằng nhà giàu rước chó vào nhà, chất chó đểu của giai cấp nó* được xếp cạnh nhau. Cách viết ấy có làm cho sự trình bày luận điểm thêm chặt chẽ và hấp dẫn không ? Vì sao ?

Ghi nhớ

Khi trình bày luận điểm trong đoạn văn nghị luận, cần chú ý :

– Thể hiện rõ ràng, chính xác nội dung của luận điểm trong câu chủ đề. Trong đoạn văn trình bày luận điểm, câu chủ đề thường được đặt ở vị trí đầu tiên (đối với đoạn diễn dịch) hoặc cuối cùng (đối với đoạn quy nạp).

– Tìm đủ các luận cứ cần thiết, tổ chức lập luận theo một trình tự hợp lí để làm nổi bật luận điểm.

– Diễn đạt trong sáng, hấp dẫn để sự trình bày luận điểm có sức thuyết phục.

II – LUYỆN TẬP

1. Đọc hai câu văn sau và diễn đạt ý mỗi câu thành một luận điểm ngắn gọn, rõ.

a) *Trước hết là cần phải tránh cái lối viết "rau muống" nghĩa là lằng nhằng "trường giang đại hải"* [(a)]*, làm cho người xem như là "chắt chắt vào rừng xanh".*

(Hồ Chí Minh, *Cách viết*)

b) *Ngoài việc đam mê viết, cái thích thứ hai của Nguyên Hồng là được truyền nghề cho bạn trẻ.*

(Nguyễn Tuân)

(a) *Trường giang đại hải* : chỉ cách nói (viết) quá dài dòng, lan man (ví như sông dài biển lớn) (*trường* : dài, *giang* : sông, *đại* : to, lớn, *hải* : biển).

2. Đoạn văn sau đây trình bày luận điểm gì và sử dụng các luận cứ nào ? Hãy nhận xét về cách sắp xếp luận cứ và cách diễn đạt của đoạn văn.

Tôi thấy Tế Hanh là một người tinh lắm. Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm như "mảnh hồn làng" trên "cánh buồm giương", như tiếng hát của hương đồng quyến rũ con đường quê nho nhỏ. Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh vật : sự mỏi mệt say sưa của con thuyền lúc trở về bến, nỗi khổ đau chất chứa trên toa tàu nặng trĩu, những vui buồn sầu tủi của một con đường.

(Hoài Thanh, *Thi nhân Việt Nam*)

3. Viết các đoạn văn ngắn triển khai ý các luận điểm sau :

a) Học phải kết hợp làm bài tập thì mới hiểu bài.

b) Học vẹt không phát triển được năng lực suy nghĩ.

4. Để làm sáng tỏ luận điểm "Văn giải thích cần phải viết cho dễ hiểu", em sẽ đưa ra những luận cứ nào ? Những luận cứ ấy cần được sắp xếp theo một trình tự như thế nào để tăng hiệu quả thuyết phục của đoạn văn ?

Có thể tham khảo trình tự sắp xếp luận cứ trong đoạn văn sau :

*Mình viết ra cốt là để giáo dục, cổ động ; nếu người xem mà không **nhớ** được, không **hiểu** được, là viết không đúng, nhằm không đúng mục đích. Mà muốn cho người xem **hiểu** được, **nhớ** được, **làm** được, thì phải viết cho đúng trình độ của người xem, viết rõ ràng, gọn gàng, chớ dùng chữ* [(a)] *nhiều.*

(Hồ Chí Minh, *Cách viết*)

LUYỆN TẬP XÂY DỰNG VÀ TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Cho đề bài : "Hãy viết một bài báo tường để khuyên một số bạn trong lớp cần phải học tập chăm chỉ hơn". Lập dàn bài các luận điểm, luận cứ và dự kiến cách trình bày.

(a) *Chữ* : ở đây chỉ những từ ngữ Hán Việt khó hiểu, xa lạ với nhiều người.

II – LUYỆN TẬP TRÊN LỚP

1. Xây dựng hệ thống luận điểm

Một bạn dự định đưa vào bài viết của mình những luận điểm dưới đây :

a) Lớp ta có nhiều bạn học giỏi, lao động tốt, làm vui lòng thầy cô, cha mẹ, xứng đáng là tấm gương sáng cho mọi người noi theo.

b) Các thầy, cô giáo và nhiều bậc phụ huynh của lớp ta đang rất lo buồn.

c) Thế mà một số bạn trong lớp còn tỏ ra chểnh mảng trong học tập.

d) Vậy thì ngay từ lúc này, các bạn ấy hãy chuyên cần học tập hơn.

e) Các bạn ấy chưa thấy rằng, bây giờ càng ham vui chơi, không chịu học hành thì sau này càng khó có được niềm vui trong cuộc sống.

Hệ thống luận điểm này có chỗ nào chưa chính xác ? Nếu có, thì theo em, bạn ấy cần phải điều chỉnh, sắp xếp lại như thế nào ?

2. Trình bày luận điểm

Em phải giúp bạn trình bày luận điểm (e) thành một đoạn văn nghị luận. Hãy cho biết :

a) Trong các câu sau, có thể dùng những câu nào để giới thiệu luận điểm (e) ? Trong số đó, em thích câu nào nhất ?

(1) *Tuy nhiên, các bạn ấy chưa thấy rằng, bây giờ càng ham vui chơi, không chịu học hành thì sau này càng khó có được niềm vui trong cuộc sống.*

(2) *Do đó, các bạn ấy chưa thấy rằng, bây giờ càng ham vui chơi, không chịu học hành thì sau này càng khó có được niềm vui trong cuộc sống.*

(3) *Nhưng các bạn có nên cứ chểnh mảng trong học tập như thế hay không ? Xin hãy nhớ rằng, bây giờ càng ham vui chơi, không chịu học hành thì sau này càng khó có được niềm vui trong cuộc sống.*

Hãy nghĩ thêm một vài câu giới thiệu luận điểm khác.

b) Nên sắp xếp những luận cứ dưới đây theo trình tự nào để sự trình bày luận điểm trên được rành mạch, chặt chẽ ?

(1) *Sau này, khi lớn lên, bạn sẽ sống trong thời đại mà trình độ khoa học – kĩ thuật và văn hoá – nghệ thuật ngày một nâng cao.*

(2) *Trong xã hội ấy, làm việc gì cũng cần phải có tri thức.*

(3) *Muốn có tri thức thì phải chăm chỉ học tập, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.*

(4) *Do đó, người học sinh hôm nay càng ham chơi, không chăm học thì ngày mai càng khó có thể làm được việc gì có ý nghĩa, và do đó, càng khó có được niềm vui trong cuộc sống.*

c) Bạn em muốn kết thúc đoạn văn bằng một câu hỏi giống câu kết đoạn trong văn bản *Hịch tướng sĩ*: "Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi muốn vui vẻ phỏng có được không ?". Theo em, nên viết câu kết đoạn như thế nào cho phù hợp với yêu cầu của bạn ? Ngoài cách vừa nêu, em còn có thể kết thúc đoạn văn ấy theo cách nào khác nữa ?

d) Đoạn văn viết theo cách trên đây là đoạn văn diễn dịch hay quy nạp ? Vì sao ?

Em có thể biến đổi đoạn văn ấy từ diễn dịch thành quy nạp (hoặc từ quy nạp thành diễn dịch) được không ?

3. Hãy phát biểu (đọc) luận điểm mà em vừa chuẩn bị (viết) trước tổ (trước lớp) ; sau đó, lắng nghe sự góp ý của các bạn và của thầy, cô giáo để rút ra những kinh nghiệm bổ ích cho bản thân.

4. Theo trình tự luyện tập trên lớp, hãy tập viết ở nhà một đoạn văn để trình bày luận điểm "Đọc sách là công việc vô cùng bổ ích, vì nó giúp ta hiểu biết thêm về đời sống".

ĐỌC THÊM

Tôi càng đọc nhiều thì sách càng làm cho tôi gắn bó với thế giới, cuộc đời càng trở nên rực rỡ, có ý nghĩa đối với tôi. Tôi thấy rằng có những người sống khổ cực hơn, khó khăn hơn tôi, điều đó an ủi tôi phần nào [...]. Tôi cũng thấy rằng có những người biết sống một cách vui thú và sung sướng mà không một người nào xung quanh tôi biết sống như thế. [...] Sách làm cho khắp trái đất, khắp thế giới tràn ngập nỗi buồn nhớ cái tốt đẹp hơn, và mỗi cuốn sách dường như đều là tâm hồn được ghi lại trên giấy bằng những dấu hiệu và những từ [...].

Nhiều lần tôi khóc khi đọc sách : sách kể chuyện hay biết bao về con người, họ trở nên đáng yêu và gần gụi biết bao. [...]

Như những con chim kì diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về việc cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người táo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái. Tôi trở nên điềm tĩnh hơn, tin ở mình hơn, làm việc hợp lí hơn và ngày càng ít để ý đến vô số những chuyện bực bội trong cuộc sống.

Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất và về sự thèm khát cuộc sống ấy.

(Mác-xim Go-rơ-ki, *Tôi đã học tập như thế nào*,
trong *Tuyển tập truyện ngắn*, tập II,
NXB Văn học, Hà Nội, 1984)

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6 – VĂN NGHỊ LUẬN (làm tại lớp)

I – ĐỀ BÀI THAM KHẢO

Đề 1. Dựa vào các văn bản *Chiếu dời đô* và *Hịch tướng sĩ*, hãy nêu suy nghĩ của em về vai trò của những người lãnh đạo anh minh như Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn đối với vận mệnh đất nước.

Đề 2. Từ bài *Bàn luận về phép học* của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa "học" và "hành".

Đề 3. Câu nói của M. Go-rơ-ki : "Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống" gợi cho em những suy nghĩ gì ?

II – YÊU CẦU

Ôn luyện kĩ về :

1. Các phép lập luận chứng minh và giải thích đã học ở lớp 7.

2. Luận điểm và cách trình bày luận điểm trong bài văn nghị luận.

3. Các kĩ năng dùng từ, đặt câu, nhất là kĩ năng sử dụng kiểu câu phủ định.

BÀI 26

Kết quả cần đạt

- *Thấy được bộ mặt giả nhân giả nghĩa, thủ đoạn tàn bạo của chính quyền thực dân Pháp trong việc sử dụng người dân thuộc địa làm bia đỡ đạn trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa. Cảm nhận được tính chiến đấu mạnh mẽ cùng nghệ thuật trào phúng sắc sảo của văn chính luận Nguyễn Ái Quốc.*
- *Biết phân biệt vai xã hội trong hội thoại và xác định thái độ đúng đắn trong quan hệ giao tiếp.*
- *Sơ bộ nắm được vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận và cách đưa các yếu tố đó vào trong bài văn nghị luận.*

VĂN BẢN

THUẾ MÁU
(Trích *Bản án chế độ thực dân Pháp*)

I – CHIẾN TRANH VÀ "NGƯỜI BẢN XỨ"(1)

Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bẩn thỉu, những tên "An-nam-mít"(2) bẩn thỉu, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người "bạn hiền" của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do". Nhưng họ đã phải trả bằng một cái giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy, vì để bảo vệ cho cái công lí và tự do mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên các bãi chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, nhiều người bản xứ, sau khi được mời chứng kiến cảnh kì diệu của

trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi[3], đã được xuống tận đáy biển để bảo vệ tổ quốc của các loài thuỷ quái. Một số khác đã bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Ban-căng[4], lúc chết còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ, – chả thế sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy ? Một số khác nữa thì anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mác-nơ, hoặc trong bãi lầy miền Săm-pa-nhơ[5], để lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế [6] của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế[7].





Tranh của Nguyễn Ái Quốc

Cuối cùng, ở hậu phương, những người làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, tuy không phải hít hơi ngạt của bọn "bô-sơ"[8], nhưng lại nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp ; đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khạc ra từng miếng phổi, chẳng khác gì hít phải hơi ngạt vậy.

Tổng cộng có bảy mươi vạn người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp ; và trong số ấy, tám vạn người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa.

II – CHẾ ĐỘ LÍNH TÌNH NGUYỆN

Một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi : Dân lao khổ bản xứ ở Đông Dương từ bao đời nay bị bóp nặn bằng đủ mọi thứ thuế khoá, sưu sai, tạp dịch[9], bằng

cưỡng bức phải mua rượu và thuốc phiện theo lệnh quan trên, từ 1915 – 1916 tới nay, lại còn phải chịu thêm cái vạ mộ lính nữa.

Những biến cố trong mấy năm gần đây là cái cớ để người ta tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương. Những người bị bắt đều bị nhốt vào trại lính với đủ thứ tên : lính khố đỏ[10], lính thợ chuyên nghiệp, lính thợ không chuyên nghiệp, v.v...

Theo ý kiến của tất cả các cơ quan có thẩm quyền không thiên vị được giao cho sử dụng ở châu Âu *"vật liệu biết nói"* châu Á, thì vật liệu này đã không đưa lại kết quả tương xứng với chi phí rất lớn về chuyên chở và bảo quản.

Sau nữa, việc săn bắt thứ *"vật liệu biết nói"* đó, mà lúc bấy giờ người ta gọi là "chế độ lính tình nguyện" (danh từ mỉa mai một cách ghê tởm) đã gây ra những vụ nhũng lạm[11] hết sức trắng trợn.

Đây ! Chế độ lính tình nguyện ấy được tiến hành như thế này : Vị "chúa tỉnh" – mỗi viên công sứ[12] ở Đông Dương quả là một vị "chúa tỉnh" – ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền, trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan cứ liệu mà xoay xở. Mà cái ngón xoay xở kiểu Đ[13] thì các ông tướng ấy thạo hết chỗ nói, nhất là xoay xở làm tiền.

Thoạt tiên, chúng tóm những người khoẻ mạnh, nghèo khổ, những người này chỉ chịu chết thôi không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó, chúng mới đòi đến con cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra dịp để sinh chuyện với họ hoặc với gia đình họ, và nếu cần, thì giam cổ họ lại cho đến khi họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường : "đi lính tình nguyện, hoặc xì tiền ra".

Những người bị tóm đi như thế còn hào hứng gì nữa với cái nghề cột vào cổ họ. Cho nên, bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát.

Còn những người nào thấy không thể thoát khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất, mà thông thường hơn cả là bệnh đau mắt toét chảy mủ, gây ra bằng cách xát vào mắt nhiều thứ chất độc, từ vôi sống đến mủ bệnh lậu.



Ấy thế mà trong một bản bố cáo với những người bị bắt lính, phủ toàn quyền Đông Dương, sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ còn sống sót và truy tặng những người sẽ hi sinh "cho Tổ quốc", đã trịnh trọng tuyên bố rằng :

"Các bạn đã *tấp nập* đầu quân, các bạn đã *không ngần ngại* rời bỏ quê hương xiết bao trìu mến để người thì hiến xương máu của mình như lính khố đỏ, kẻ thì hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ".

Nếu quả thật người An Nam phấn khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lị, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn ? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hoà và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sốt sắng đầu quân "tấp nập" và "không ngần ngại" ?

[...]

III – KẾT QUẢ CỦA SỰ HI SINH

Khi đại bác đã ngấy thịt đen, thịt vàng rồi, thì những lời tuyên bố tình tứ của các ngài cầm quyền nhà ta bỗng dưng im bặt như có phép lạ, và cả người "Nê-gơ-rô"[14] lẫn người "An-nam-mít" mặc nhiên trở lại "giống người bẩn thỉu".

Để ghi nhớ công lao người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỉ niệm đủ thứ, v.v... trước khi đưa họ đến Mác-xây xuống tàu về nước đó sao ? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao ? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao ? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào nồng nhiệt bằng một bài diễn văn yêu nước : "Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi !" đó sao ?

Thế là những "cựu binh" – đúng hơn là cái xác còn lại – sau khi đã dũng cảm bảo vệ chính nghĩa và công lí nay tay không trở về với chế độ bản xứ của họ, một chế độ không biết gì đến chính nghĩa và công lí cả.

Theo báo chí Đông Dương thì thương binh người Pháp bị mất một phần thân thể và vợ con của tử sĩ người Pháp đều được cấp môn bài[15] bán lẻ thuốc phiện.

Như thế là trong một việc mà chính quyền thuộc địa đã phạm tới hai tội ác đối với nhân loại. Một mặt, họ vẫn chưa thoả khi tự tay làm cái việc bỉ ổi của người đầu độc, mà còn muốn lôi kéo vào đây cả những nạn nhân đáng thương hại của cuộc huynh đệ tương tàn[16] nữa. Mặt khác, họ coi rẻ tính mạng và xương máu của những kẻ đã bị họ lừa bịp, đến nỗi tưởng rằng chỉ cần quẳng cho những

người này khúc xương thối ấy là đủ để đền bù được một cánh tay bị mất hoặc mạng của một người chồng.

Chúng tôi chắc rằng thương binh và quả phụ chiến tranh sẽ đá văng món quà nhơ nhớp ấy và nhổ vào mặt kẻ tặng quà. Chúng tôi cũng tin chắc rằng thế giới văn minh và người Pháp lương thiện sẽ đứng về phía chúng tôi lên án bọn cá mập thực dân đang không ngần ngại đầu độc cả một dân tộc để vơ vét cho đầy túi.

(Nguyễn Ái Quốc(★), *Bản án chế độ thực dân Pháp*,
trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 2,
NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995)

Chú thích

(★) Nguyễn Ái Quốc là một trong những tên gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kì hoạt động cách mạng trước năm 1945.

Bản án chế độ thực dân Pháp của Nguyễn Ái Quốc được viết bằng tiếng Pháp, xuất bản lần đầu tiên tại Pa-ri năm 1925, xuất bản lần đầu tiên ở Việt Nam năm 1946. Tác phẩm gồm 12 chương và phần phụ lục *Gửi thanh niên Việt Nam*. Với tư liệu phong phú, chính xác, với nghệ thuật châm biếm sắc sảo, tác phẩm đã tố cáo và kết án những tội ác tày trời của chủ nghĩa thực dân Pháp trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội,... Tác phẩm cũng nói lên tình cảnh khốn cùng, tủi nhục của người dân nô lệ ở các xứ thuộc địa trên thế giới, từ đó bước đầu vạch ra đường lối đấu tranh cách mạng đúng đắn để tự giải phóng, giành quyền độc lập. Sự ra đời của *Bản án chế độ thực dân Pháp* đã giáng một đòn tiến công quyết liệt vào chủ nghĩa thực dân, vạch ra con đường cách mạng và tương lai tươi sáng cho các dân tộc bị áp bức. Đoạn trích trên đây nằm trong chương 1 *(Thuế máu)* của *Bản án chế độ thực dân Pháp.*

(1) *Bản xứ* : bản thân đất nước (thuộc địa) được nói đến. Từ này thường dùng sau danh từ *(dân bản xứ, người bản xứ)* với hàm ý khinh miệt theo quan điểm của chủ nghĩa thực dân.

(2) *An-nam-mít* : cách gọi người Việt Nam với thái độ khinh miệt của thực dân Pháp. Ở đây Nguyễn Ái Quốc dùng trong ngoặc kép với dụng ý nhại lại cách gọi ấy.

(3) *Ngư lôi* : vũ khí phóng ở dưới nước để đánh phá tàu, thuyền.

(4) *Ban-căng* : bán đảo Nam Âu, thuộc Địa Trung Hải. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918), nơi đây đã có những cuộc giao tranh giữa quân Pháp, Anh và quân Thổ, Đức.

(5) *Mác-nơ, Săm-pa-nhơ* : hai chiến trường ác liệt ở miền Bắc nước Pháp.

(6) *Vòng nguyệt quế* : theo tục cổ Hi Lạp, những người chiến thắng được đội một vòng lá nguyệt quế lên đầu. Hình ảnh này dùng để chỉ danh vọng, vinh quang.

(7) *Chiếc gậy của các ngài thống chế* : một phần của trang phục và cũng là biểu tượng cho quyền lực của các vị chỉ huy cao cấp trong quân đội.

(8) *Bô-sơ* : cách gọi người Đức – kẻ thù của Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

(9) *Tạp dịch* : việc lao động mà người dân phải làm không công dưới thời thực dân, phong kiến.

(10) *Lính khố đỏ* : một trong các loại lính người Việt Nam phục vụ trong quân đội Pháp ở thuộc địa, thời thực dân Pháp còn cai trị nước ta. *Lính khố đỏ* quấn xà cạp (mảnh vải quấn quanh ống chân) màu đỏ, để phân biệt với *lính khố xanh* (chuyên canh gác ở các tỉnh) quấn xà cạp màu xanh, hay *lính khố vàng* (chuyên canh gác cung điện nhà vua) quấn xà cạp màu vàng.

(11) *Nhũng lạm* : lạm dụng quyền hành, gây phiền hà và lấy tiền của.

(12) *Công sứ* : viên chức người Pháp đứng đầu bộ máy cai trị của thực dân ở một tỉnh thuộc Bắc Kì và Trung Kì thời thực dân Pháp còn cai trị nước ta.

(13) *Xoay xở kiểu Đ* : D (đê) là chữ đầu của từ *débrouillard* (đê-bờ-rui-i-la) có nghĩa là năng động, tháo vát.

(14) *Nê-gơ-rô (Négro)* : chỉ người da đen.

(15) *Môn bài* : giấy cho phép mở cửa hàng buôn bán.

(16) *Huynh đệ tương tàn* : anh em hãm hại, chém giết lẫn nhau (*tương* : lẫn nhau ; *tàn* : làm thương tổn, tổn hại).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Nhận xét về cách đặt tên chương, tên các phần trong văn bản.

2. So sánh thái độ của các quan cai trị thực dân đối với người dân thuộc địa ở hai thời điểm : trước khi có chiến tranh và khi chiến tranh đã xảy ra. Số phận thảm thương của người dân thuộc địa trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa được miêu tả như thế nào ?

3. Nêu rõ các thủ đoạn, mánh khoé bắt lính của bọn thực dân. Người dân thuộc địa có thực "tình nguyện" hiến dâng xương máu như lời lẽ bịp bợm của bọn cầm quyền không ?

4. Kết quả sự hi sinh của người dân thuộc địa trong các cuộc chiến tranh như thế nào ? Nhận xét về cách đối xử của chính quyền thực dân đối với họ sau khi đã bóc lột hết "thuế máu" của họ.

5. Nhận xét về trình tự bố cục các phần trong chương. Phân tích nghệ thuật châm biếm, đả kích sắc sảo, tài tình của tác giả thể hiện qua cách xây dựng hình ảnh, qua giọng điệu.

6. Nhận xét về yếu tố biểu cảm trong đoạn trích được học.

> ***Ghi nhớ***
>
> *Chính quyền thực dân đã biến người dân nghèo khổ ở các xứ thuộc địa thành vật hi sinh để phục vụ cho lợi ích của mình trong các cuộc chiến tranh tàn khốc. Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần sự thực ấy bằng những tư liệu phong phú, xác thực, bằng ngòi bút trào phúng sắc sảo. Đoạn trích* ***Thuế máu*** *có nhiều hình ảnh giàu giá trị biểu cảm, có giọng điệu vừa đanh thép vừa mỉa mai, chua chát.*

LUYỆN TẬP

Đọc văn bản chính xác, có sắc thái biểu cảm phù hợp với bút pháp trào phúng của tác giả.

HỘI THOẠI

I – VAI XÃ HỘI TRONG HỘI THOẠI

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi :

– Hồng ! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không ?

[...] *Nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là goá chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến.* [...]

Tôi cũng cười đáp lại cô tôi :

– Không ! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.

Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt :

– Sao lại không vào ? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu !

Rồi hai con mắt long lanh của cô tôi chằm chặp đưa nhìn tôi. Tôi lại im lặng cúi đầu xuống đất : lòng tôi càng thắt lại, khoé mắt tôi đã cay cay. Cô tôi liền vỗ vai tôi cười mà nói rằng :

– Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ.

[...] *Tôi cười dài trong tiếng khóc, hỏi cô tôi :*

– Sao cô biết mợ con có con ?

Cô tôi vẫn cứ tươi cười kể các chuyện cho tôi nghe. Có một bà họ nội xa vào trong ấy cân gạo về bán. Bà ta một hôm đi qua chợ thấy mẹ tôi ngồi cho con bú ở bên rổ bóng đèn. [...]

Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.

Cô tôi bỗng đổi giọng, lại vỗ vai, nhìn vào mặt tôi, nghiêm nghị :

– Vậy mày hỏi cô Thông – tên người đàn bà họ nội xa kia – chỗ ở của mợ mày, rồi đánh giấy cho mợ mày, bảo dù sao cũng phải về. Trước sau cũng một lần xấu, chả nhẽ bán xới mãi được sao ?

Tỏ sự ngậm ngùi thương xót thầy tôi, cô tôi chập chừng nói tiếp :

– Mấy lại rằm tháng tám này là giỗ đầu cậu mày, mợ mày về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mày, và mày cũng còn phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ ?

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

Câu hỏi :

1. Quan hệ giữa các nhân vật tham gia hội thoại trong đoạn trích trên là quan hệ gì ? Ai ở vai trên, ai là vai dưới ?

2. Cách xử sự của người cô có gì đáng chê trách ?

3. Tìm những chi tiết cho thấy nhân vật chú bé Hồng đã cố gắng kìm nén sự bất bình của mình để giữ được thái độ lễ phép. Giải thích vì sao Hồng phải làm như vậy.

Ghi nhớ

- *Vai xã hội là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại. Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội :*

  – Quan hệ trên – dưới hay ngang hàng (theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội) ;

  – Quan hệ thân – sơ (theo mức độ quen biết, thân tình).

- *Vì quan hệ xã hội vốn rất đa dạng nên vai xã hội của mỗi người cũng đa dạng, nhiều chiều. Khi tham gia hội thoại, mỗi người cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp.*

II – LUYỆN TẬP

1. Hãy tìm những chi tiết trong bài *Hịch tướng sĩ* thể hiện thái độ vừa nghiêm khắc vừa khoan dung của Trần Quốc Tuấn đối với binh sĩ dưới quyền.

2. Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi.

Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo :

– Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng : bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc ; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sung sướng.

– Vâng ! Ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo :

– Thế là được, chứ gì ? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

– Nói đùa thế, chứ ông giáo cho để khi khác.

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

a) Dựa vào đoạn trích và những điều em đã biết về truyện *Lão Hạc*, hãy xác định vai xã hội của hai nhân vật tham gia cuộc thoại trên.

b) Tìm những chi tiết trong lời thoại của nhân vật và lời miêu tả của nhà văn cho thấy thái độ vừa kính trọng, vừa thân tình của nhân vật ông giáo đối với lão Hạc.

c) Những chi tiết nào trong lời thoại của lão Hạc và lời miêu tả của nhà văn nói lên thái độ vừa quý trọng vừa thân tình của lão đối với ông giáo ? Những chi tiết nào thể hiện tâm trạng không vui và sự giữ ý của lão Hạc ?

3. Hãy thuật lại một cuộc trò chuyện mà em đã được đọc, đã chứng kiến hoặc tham gia. Phân tích vai xã hội của những người tham gia cuộc thoại, cách đối xử của họ với nhau thể hiện qua lời thoại và qua những cử chỉ, thái độ kèm theo lời.

TÌM HIỂU YẾU TỐ BIỂU CẢM TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

I – YẾU TỐ BIỂU CẢM TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi.

LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Hỡi đồng bào toàn quốc !

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa !

Không ! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào !

Chúng ta phải đứng lên !

Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân !

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hi sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hi sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta !

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm !

Kháng chiến thắng lợi muôn năm !

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946

Hồ Chí Minh

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Sđd)

Câu hỏi :

a) Hãy tìm những từ ngữ biểu lộ tình cảm mãnh liệt của tác giả và những câu cảm thán trong văn bản trên. Về mặt sử dụng từ ngữ và đặt câu có tính chất biểu cảm, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh có giống với *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn không ?

b) Tuy nhiên, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* và *Hịch tướng sĩ* vẫn được coi là những văn bản nghị luận chứ không phải là văn bản biểu cảm. Vì sao ?

c) Hãy theo dõi bảng đối chiếu dưới đây :

(1)	(2)
Thấy sứ giặc đi lại ngoài đường, sỉ mắng triều đình, bắt nạt tể phụ.	*Ngó* thấy sứ giặc đi lại *nghênh ngang* ngoài đường, *uốn lưỡi cú diều mà* sỉ mắng triều đình, *đem thân dê chó mà* bắt nạt tể phụ.
Lúc bấy giờ ta cùng các ngươi sẽ bị bắt.	Lúc bấy giờ, ta cùng các ngươi sẽ bị bắt, *đau xót biết chừng nào !*
Chúng ta sẵn sàng hi sinh tất cả, chứ không thể mất nước, không thể làm nô lệ.	*Không !* Chúng ta *thà* hi sinh tất cả, chứ *nhất định không chịu* mất nước, *nhất định không chịu* làm nô lệ.
Chúng ta cần phải đứng lên.	*Hỡi đồng bào !* Chúng ta phải đứng lên !

Có thể thấy những câu ở cột (2) hay hơn những câu ở cột (1). Vì sao như thế ? Từ đó, hãy cho biết tác dụng của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.

2. Thông qua việc tìm hiểu các văn bản như *Hịch tướng sĩ* và *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, em hãy cho biết : Làm thế nào để phát huy hết tác dụng của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận ?

a) Người làm văn chỉ cần *suy nghĩ* về luận điểm và lập luận hay còn phải thật sự *xúc động* trước từng điều mình đang nói tới ?

b) Chỉ có rung cảm không thôi đã đủ chưa ? Phải chăng chỉ cần có lòng yêu nước và căm thù giặc nồng cháy là có thể dễ dàng tìm ra những cách nói như : "*Không* ! Chúng ta *thà* hi sinh tất cả..." hay *"uốn lưỡi cú diều..."* ? Để viết được những câu như thế, người viết cần phải có phẩm chất gì khác nữa ?

c) Có bạn cho rằng : Càng dùng nhiều từ ngữ biểu cảm, càng đặt nhiều câu cảm thán thì giá trị biểu cảm trong văn nghị luận càng tăng.

Ý kiến ấy có đúng không ? Vì sao ?

Ghi nhớ

- *Văn nghị luận rất cần yếu tố biểu cảm. Yếu tố biểu cảm giúp cho văn nghị luận có hiệu quả thuyết phục lớn hơn, vì nó tác động mạnh mẽ tới tình cảm của người đọc (người nghe).*
- *Để bài văn nghị luận có sức biểu cảm cao, người làm văn phải thật sự có cảm xúc trước những điều mình viết (nói) và phải biết diễn tả cảm xúc đó bằng những từ ngữ, những câu văn có sức truyền cảm. Sự diễn tả cảm xúc cần phải chân thực và không được phá vỡ mạch lạc nghị luận của bài văn.*

II – LUYỆN TẬP

1. Hãy chỉ ra các yếu tố biểu cảm trong phần I – Chiến tranh và "người bản xứ" (ở văn bản *Thuế máu*) và cho biết tác giả đã sử dụng những biện pháp gì để biểu cảm. Tác dụng biểu cảm đó là gì ?

2. Đọc đoạn nghị luận sau đây và cho biết : Những cảm xúc gì đã được biểu hiện qua đoạn văn ? Tác giả đã làm thế nào để những đoạn văn đó không chỉ có sức thuyết phục lí trí mà còn gợi cảm ?

Tôi muốn nói với các bạn câu chuyện làm Việt luận[a] và học Việt văn[b], luôn thể giãi bày hết nỗi khổ tâm của người anh các bạn đã đeo một cái "nghiệp" vào người : "nghiệp" dạy tiếng mẹ đẻ.

(a) *Làm Việt luận* : tập làm văn bằng tiếng Việt.

(b) *Học Việt văn* : học văn học Việt Nam.

Nỗi buồn thứ nhất là thấy các bạn có quan niệm học "tủ". Ông thầy dạy giỏi đối với các bạn là ông thầy giảng và soạn sách đúng "tủ".

Nói làm sao cho các bạn hiểu rằng trong 7, 8 năm trời, nào nhận xét, đọc sách, xem truyện, giảng văn..., nào tập dùng chữ, đặt câu, dàn ý, làm bài, tôi thiết tưởng một học sinh, với khiếu thông minh, trí nhớ trung bình, không có lí do gì phải nhấm bút trước một đề văn trong kì thi viết.

Sự học mà đã hạ xuống là học "tủ" thì chúng tôi cũng không còn cần làm việc cùng các bạn nữa. Sao không có một "hãng" nào đó in ra độ 500 bài làm sẵn để học sinh cứ việc mang về học thuộc như con vẹt, rồi đem nguyên văn chép lại cho hội đồng chấm thi duyệt xem chép sai hay đúng, việc gì còn phải lôi thôi bày đặt ra chương trình học tập để bắt trẻ em ngày ngày phải đến trường ?

(*Theo* Nghiêm Toản, *Luận văn thị phạm*)

3. Viết một đoạn văn nghị luận để trình bày luận điểm "Chúng ta không nên học *vẹt* và học *tủ* " sao cho đoạn văn ấy vừa có lí lẽ chặt chẽ, lại vừa có sức truyền cảm.

BÀI 27

Kết quả cần đạt

- *Hiểu rõ cách lập luận chặt chẽ, sinh động, mang đậm sắc thái cá nhân của nhà văn Pháp Ru-xô trong bài* ***Đi bộ ngao du****.*
- *Hiểu biết về lượt lời và cách dùng lượt lời.*
- *Thông qua việc luyện tập, nắm chắc hơn cách đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận.*

VĂN BẢN

ĐI BỘ NGAO DU
(Trích *Ê-min hay Về giáo dục*)

Tôi chỉ quan niệm được một cách đi ngao du[(1)] thú vị hơn đi ngựa : đó là đi bộ. Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động

nhiều ít thế nào là tuỳ. Ta quan sát khắp nơi ; ta quay sang phải, sang trái ; ta xem xét tất cả những gì thấy hay hay ; ta dừng lại ở tất cả mọi khía cạnh. Tôi nhìn thấy một dòng sông ư, tôi đi men theo sông ; một khu rừng rậm ư, tôi đi vào dưới bóng cây ; một hang động ư, tôi đến tham quan[2] ; một mỏ đá ư, tôi xem xét các khoáng sản[3]. Bất cứ đâu tôi ưa thích, tôi lưu lại đấy. Hễ lúc nào tôi thấy chán, tôi bỏ đi luôn. Tôi chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm[4]. Tôi chẳng cần chọn những lối đi có sẵn hay những con đường thuận tiện ; tôi đi qua bất cứ nơi nào con người có thể đi qua ; tôi xem tất cả những gì mà con người có thể xem ; và, chỉ phụ thuộc vào bản thân tôi, tôi hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ. Nếu do thời tiết xấu không đi bộ được và thấy chán rồi, lúc đó tôi đi ngựa. Nếu tôi mệt... nhưng Ê-min có mệt gì lắm đâu ; em to khoẻ ; và sao em lại mệt được cơ chứ, em chẳng hề vội vã. Nếu em dừng lại, làm sao em có thể chán được, ở chốn nào em cũng có những thứ để giải trí. Em vào nhà một người thợ, em làm việc ; em vận động hai cánh tay để cho đôi bàn chân nghỉ ngơi.



Đi bộ ngao du là đi như Ta-lét, Pla-tông và Pi-ta-go[5]. Tôi khó lòng hiểu nổi một triết gia[6] có thể quyết định ngao du cách khác mà không xem xét những tài nguyên[7] mình giẫm chân lên và trái đất phô bày phong phú ra trước mắt. Ai là người yêu mến nông nghiệp chút ít mà lại không muốn biết các sản vật[8] đặc trưng[9] cho khí hậu những nơi mình đi qua và cách thức trồng trọt những đặc sản[10] ấy ? Ai là người có chút ít hứng thú với tự nhiên học[11] mà lại có thể quyết định đi ngang một khoảnh đất mà không xem xét nó, một lèn đá[12] mà không

ghè[13] vài mẩu, những quả núi mà không sưu tập hoa lá, những hòn sỏi mà không tìm các hoá thạch[14] ! Những triết gia phòng khách[15] của các ngài nghiên cứu tự nhiên học trong các phòng sưu tập ; họ có các thứ linh tinh[16] ; họ biết gọi tên nhưng chẳng có một ý niệm gì về tự nhiên cả. Nhưng phòng sưu tập của Ê-min thì phong phú hơn các phòng sưu tập của vua chúa ; phòng sưu tập ấy là cả trái đất. Nơi đây, mỗi vật đều ở đúng chỗ của nó ; nhà tự nhiên học làm công việc chăm sóc đã sắp xếp mọi thứ đâu ra đấy. Đô-băng-tông[17] chắc cũng không thể làm tốt hơn.

Biết bao hứng thú khác nhau ta tập hợp được nhờ cách ngao du thú vị ấy, không kể sức khoẻ được tăng cường, tính khí trở nên vui vẻ. Tôi thường thấy những kẻ ngồi trong các cỗ xe tốt chạy rất êm nhưng mơ màng, buồn bã, cáu kỉnh hoặc đau khổ ; còn những người đi bộ lại luôn luôn vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả. Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà ! Một bữa cơm đạm bạc[18] mà sao có vẻ ngon lành thế ! Ta thích thú biết bao khi lại ngồi vào bàn ăn ! Ta ngủ ngon giấc biết bao trong một cái giường tồi tàn ! Khi ta chỉ muốn đến một nơi nào, ta có thể phóng bằng xe ngựa trạm ; nhưng khi ta muốn ngao du, thì cần phải đi bộ.

(Ru-xô[★], *Ê-min hay Về giáo dục*, Pa-ri, 1958)

Chú thích

(★) Ru-xô (1712 – 1778) là nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động xã hội Pháp. Ông là tác giả của những tiểu thuyết nổi tiếng *Giuy-li hay Nàng Hê-lô-i-dơ mới*, *Ê-min hay Về giáo dục*.

Bài này trích trong quyển V – quyển cuối cùng của tác phẩm *Ê-min hay Về giáo dục* (ra đời năm 1762). Trong tác phẩm, nhà văn bàn về chuyện giáo dục một em bé – ông đặt cho cái tên là Ê-min – từ lúc sơ sinh cho đến tuổi trưởng thành. Ê-min trong bài *Đi bộ ngao du* đã lớn. Văn bản ở đây là do người biên soạn SGK dịch và đặt nhan đề.

(1) *Ngao du* : đi dạo chơi đó đây (*ngao* : rong chơi ; *du* : đi chơi).

(2) *Tham quan* : đi đến nơi nào đó để xem xét, mở mang hiểu biết.

(3) *Khoáng sản* : sản vật khai thác từ các mỏ ở dưới lòng đất.

(4) *Phu trạm* : ở đây là người điều khiển xe ngựa chạy từng trạm đường, phương tiện đi lại phổ biến ở Pháp nói riêng và ở nhiều nước châu Âu nói chung hồi thế kỉ XVIII.

(5) Pla-tông (429 – 347 tr. CN) là nhà triết học Hi Lạp ; Ta-lét (640 – 548 tr. CN) và Pi-ta-go (khoảng 570 – 496 tr. CN) là các nhà triết học và toán học Hi Lạp.

Các nhà triết học và toán học Hi Lạp ấy luôn luôn quan sát, nghiền ngẫm trong lúc đi dạo chơi.

(6) *Triết gia* : nhà triết học ; ở đây đồng thời cũng là nhà khoa học.

(7) *Tài nguyên* : nguồn của cải trong thiên nhiên chưa khai thác hoặc đang được khai thác (*tài* : của cải, *nguyên* : nguồn).

(8) *Sản vật* : vật được làm ra hoặc lấy được từ trong thiên nhiên.

(9) *Đặc trưng* : có tính chất riêng và tiêu biểu (*đặc* : riêng, khác thường ; *trưng* : tiêu biểu).

(10) *Đặc sản* : sản vật quý, riêng có ở một địa phương.

(11) *Tự nhiên học* : khoa học quan sát, nghiên cứu các sinh vật, vật thể trong tự nhiên.

(12) *Lèn đá* : núi đá có vách cao dựng đứng.

(13) *Ghè* : đập vào mép hay cạnh của vật rắn để làm vật đó vỡ hoặc mẻ dần.

(14) *Hoá thạch* : di tích hoá đá của thực vật, động vật cổ xưa còn lưu lại ở các tầng đất đá.

(15) *Triết gia phòng khách* : ý muốn nói đến các nhà triết học, khoa học hời hợt thường có mặt để trò chuyện trong những buổi tiếp khách của các phu nhân quý tộc ở Pháp thế kỉ XVIII.

(16) *Các thứ linh tinh* : ý muốn nói đến các mẫu vật nhằm thoả mãn tính hiếu kì của mọi người hơn là có ý nghĩa khoa học.

(17) *Đô-băng-tông* (1716 – 1800) : nhà tự nhiên học nổi tiếng của Pháp.

(18) *Đạm bạc* : (nói về ăn uống) đơn sơ, bình thường, không có các món ăn ngon, đắt tiền.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Tóm tắt ngắn gọn ba luận điểm chính mà Ru-xô đã trình bày thành ba đoạn trong văn bản để thuyết phục mọi người nếu muốn ngao du thì nên đi bộ.

2. Trình tự sắp xếp ba luận điểm chính có hợp lí không ? Vì sao ?

3. Theo dõi các đại từ nhân xưng khi thì "ta", khi thì "tôi" trong bài để chứng minh rằng thực tiễn cuộc sống từng trải của bản thân Ru-xô luôn bổ sung sinh động cho các lí lẽ của ông khi ông lập luận.

4. Ta hiểu gì về con người và tư tưởng, tình cảm của Ru-xô qua bài này ?

Ghi nhớ

*Để chứng minh muốn ngao du cần phải đi bộ, bài **Đi bộ ngao du** lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, lại rất sinh động do các lí lẽ và thực tiễn cuộc sống tác giả từng trải qua luôn bổ sung cho nhau. Bài này còn thể hiện rõ Ru-xô là một con người giản dị, quý trọng tự do và yêu thiên nhiên.*

HỘI THOẠI (tiếp theo)

I – LƯỢT LỜI TRONG HỘI THOẠI

Đọc lại đoạn miêu tả cuộc trò chuyện giữa nhân vật chú bé Hồng với người cô (đã dẫn ở tr. 92 – 93 về hội thoại). Trả lời các câu hỏi sau đây :

1. Trong cuộc thoại đó, mỗi nhân vật nói bao nhiêu lượt ?

2. Bao nhiêu lần lẽ ra Hồng được nói nhưng Hồng không nói ? Sự im lặng thể hiện thái độ của Hồng đối với những lời nói của người cô như thế nào ?

3. Vì sao Hồng không cắt lời người cô khi bà nói những điều Hồng không muốn nghe ?

Ghi nhớ

- *Trong hội thoại, ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời.*
- *Để giữ lịch sự, cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc chêm vào lời người khác.*
- *Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ.*

II – LUYỆN TẬP

1. Qua cách miêu tả cuộc thoại giữa các nhân vật cai lệ, người nhà lí trưởng, chị Dậu và anh Dậu trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* (*Ngữ văn 8*, tập một, tr. 28), em thấy tính cách của mỗi nhân vật được thể hiện như thế nào ?

2. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới.

Thoáng thấy mẹ về đến cổng, thằng Dần mừng nhảy chân sáo :

– U đi đâu từ lúc non trưa đến giờ ? Có mua được gạo hay không ? Sao u lại về không thế ?

Cái Tí ở trong bếp sa sả mắng ra :

– Đã bảo u không có tiền, lại cứ lằng nhằng nói mãi ! Mày tưởng người ta dám bán chịu cho nhà mày sao ? Thôi ! Khoai chín rồi đây, để tôi đổ ra ông xơi, ông đừng làm tội u nữa.

Rồi nó tất tả bồng em chạy ra trước thềm đon đả chào mẹ :

– U đã về ạ ! Ông lí cởi trói cho thầy con chưa, hử u ? Cái nón của u làm sao bị rách tan thế ấy ? Tay u làm sao lại phải buộc giẻ thế kia ?

Chị Dậu không trả lời. Thơ thẩn, chị đón lấy con bé và ngồi ghé vào bên mép chõng.

Cái Tí xoa đầu cái Tỉu kể lể bằng giọng hú hí :

– Cô ả hôm nay quấy lắm u ạ ! U đi khỏi nhà, cô ta cứ ra rả khóc không dứt miệng. Dỗ thế nào cô ta cũng không nín cho. Đặt ngồi xuống phản, cô ta lại níu lấy con và cố đứng lên. Con vừa lẽo đẽo cắp cô ta ở sườn, lại vừa hì hục rửa khoai, tra nồi, xin lửa dóm bếp. Củi thì ướt chảy ướt chả ; lì lụi mãi vẫn không cháy cho. Thế mà con cũng luộc được chín nồi khoai rồi đấy ! U bảo con có ngoan không ?

Chị Dậu vẫn không nói gì.

[...]

Cạnh chõng, nghi ngút một đám khói bay.

Cái Tí lễ mễ bưng rổ khoai luộc ghếch vào chân cột, và dặn thằng Dần :

– Hãy còn nóng lắm đấy nhé ! Em đừng mó vào mà bỏng thì khốn.

Vừa nói, nó vừa tung tăng chạy đến rổ bát, lục lấy hai cái to và một đôi đũa, đem lại. Bới từ trôn rổ bới lên, nó gắp những mẩu khoai to xếp đầy hai bát. Bằng cái dáng bộ vui vẻ, nhẹ nhàng, nó đặt một bát lên chõng :

– Mời u xơi khoai đi ạ !

Rồi nhanh nhẩu, nó bưng một bát, bước qua tấm phản cập kênh ngửa cổ để lên bàn thờ, và quay xuống, nó bảo thằng Dần :

– Bát này chị để phần thầy đấy nhé ! Chốc nữa thầy về thầy ăn. Đứa nào ăn "vèn" của thầy thì chị không cho đi chơi với chị.

[...]

Những sự hiếu thảo, ngoan ngoãn của hai đứa trẻ ngây thơ vô tình lộ ra từ nãy đến giờ, hình như đều là những lưỡi dao găm cắt từng khúc ruột chị Dậu. Càng nhìn chúng nó, chị càng nước mắt ngắn dài.

Ngạc nhiên, cái Tí thỏ thẻ giục mẹ :

– U ăn khoai đi, để lấy sữa cho em nó bú. Từ sáng đến giờ, u chưa ăn gì, đói quá chịu làm sao được ?

Chị Dậu vẫn cứ rầu rĩ nét mặt, những giọt nước mắt rơi xuống càng mau.

Với vẻ mặt băn khoăn, cái Tí lại bưng bát khoai chìa tận mặt mẹ :

– Này u ăn đi ! Để mãi ! U có ăn thì con mới ăn. U không ăn con cũng không muốn ăn nữa.

Nể con, chị Dậu cầm lấy một củ, rồi chị lại đặt xuống chõng.

Vẻ nghi ngại hiện ra sắc mặt, con bé hóm hỉnh hỏi mẹ một cách thiết tha :

– Sáng ngày người ta đấm u có đau lắm không ?

Chị Dậu khẽ gạt nước mắt :

– Không đau con ạ !

– Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai ? Hay là u thương chúng con đói quá ? Không, chúng con không đói nữa đâu. Hai đứa ăn hết ngần kia củ khoai thì no mòng bụng ra rồi còn đói gì nữa. U cứ ăn đi, u cứ ăn hết bát khoai ấy đi ! Nếu u không ăn, lấy đâu ra sữa cho em nó bú ?

Chị Dậu vừa nói vừa mếu :

– Thôi u không ăn, để phần cho con. Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi. U không muốn ăn tranh của con. Con cứ ăn thật no, không phải nhường nhịn cho u.

Cái Tí chưa hiểu hết ý câu nói của mẹ, nó xám mặt lại và hỏi bằng giọng luống cuống :

– Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu ?

Điểm thêm một "giây" nức nở, chị Dậu ngó con bằng cách xót xa :

– Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài.

Cái Tí nghe nói giãy nảy, giống như sét đánh bên tai, nó liệng củ khoai vào rổ và oà lên khóc :

– U bán con thật đấy ư ? Con van u, con lạy u, con còn bé bỏng, u đừng đem bán con đi, tội nghiệp. U để cho con ở nhà chơi với em con.

Thằng Dần cũng khóc tru tréo, bỏ luôn rổ khoai đứng dậy, ngoay ngoảy lắc cái mông đít, nó nhắc lại câu nói sáng ngày :

– Em không ! Nào ! Em không cho bán chị Tí ! Nào ! Nào ! Có bán thì bán cái Tỉu này này !

Chị Dậu chỉ thổn thổn, thức thức, không nói thêm được câu gì. Bộ mặt sầu thảm dần ngả xuống, đối thẳng với mặt con bé đang bú.

[...]

Chị Dậu lại càng rũ rượi. Chống tay lên trán, chị như nghĩ ngợi phân vân. Một lúc sau, chị đứng phắt dậy với cái dáng điệu quả quyết :

– Thôi, phải tội với trời, mẹ chịu ! Cảnh nhà đã thế, mẹ đành dứt tình với con !

Tức thì, chị chùi nước mắt và đi làm những việc mà chị cho là đau đớn.

Cái Tỉu lại bậu bên sườn cái Tí.

Con chó cái chúi đầu vào sợi xích sắt để cho bà chủ buộc vào cột nhà.

Đàn chó con phải bắt vào trong rổ thưa, trên có cái mẹt đậy và có lạt chằng chắc chắn.

Các việc xong hết, chị lại đón lấy cái Tỉu, cho nó bú thêm lúc nữa. Sau khi đã kéo chiếc chiếu thủng rách trên phản trải xuống giữa nhà, chị đặt con nhỏ vào chiếu và sai thằng Dần ngồi đó trông em. Chị lục tất cả quần áo cái Tí và gói chung làm một gói. Rồi, một tay nâng rổ chó con lên đầu, một tay cầm sợi xích định dắt luôn con chó cái ra cửa, sụt sịt chị bảo cái Tí :

– Con hãy đội cái mê nón cho đỡ nắng và con cắp lấy gói quần áo rồi sang bên cụ Quế với u.

Chừng như lúc nãy thấy bắt cả chó lớn, chó con, cái Tí vẫn tưởng những con vật ấy sẽ đi thế mạng cho mình, cho nên nó đã vững dạ ngồi im. Bây giờ nghe mẹ giục nó phải đi, nó lại nhếch nhác, mếu khóc :

– U nhất định bán con đấy ư ? U không cho con ở nhà nữa ư ? Khốn nạn thân con thế này ! Trời ơi !... Ngày mai con chơi với ai ? Con ngủ với ai ?

Chị Dậu lã chã hai hàng nước mắt :

– U van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con cứ đi với u, đừng khóc lóc nữa, đau ruột u lắm. Công u nuôi con sáu, bảy năm trời, tốn kém bao nhiêu tiền của ! Bây giờ phải đem con đi bán, u đã chết từng khúc ruột rồi đấy, con ạ. Nhưng mà tiền sưu không có, thầy con đau ốm là thế, vẫn bị người ta đánh trói, sưng cả hai tay lên kia... Nếu không bán con thì lấy tiền đâu nộp sưu ? Để cho thầy con khổ sở đến nước nào nữa ? Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u thì con cứ đi với u !

Cái Tí vẫn khóc rưng rức. Chị Dậu cũng vừa đội rổ chó con vừa khóc nức nở, nhưng vẫn cố kiếm những lời thấm thía xót xa để khuyên con.

[...]

Thằng Dần níu lấy áo chị và khóc rầm rĩ :

– Chị phải ở nhà với em ! Em không cho chị sang nhà cụ Nghị. Nếu chị sang nhà cụ Nghị rồi thì em chơi với ai ?

Cái Tí khóc hu hu. Nó cứ quấn quýt thằng Dần, không muốn rời ra. Ngoảnh lại nhìn chị Dậu, nó nói bằng giọng năn nỉ :

– Con nhớ em quá ! Hay là u hãy cho con ở nhà một đêm nay nữa, để con ngủ thêm với em, để con nói chuyện với em. Sáng mai con xin đi sớm.

Chị Dậu càng tỏ ra bộ đau đớn :

– Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u. Nếu con chưa đi, cụ Nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được. Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u.

Và chị cố kiếm cho được cái giọng ngon ngọt để dỗ thằng Dần :

– Dần buông chị ra, đi con ! Dần ngoan lắm nhỉ ! U van Dần, u lạy Dần ! Dần hãy để cho chị đi với u, đừng giữ chị nữa. Chị con có đi, u mới có tiền nộp sưu, thầy Dần mới được về với Dần chứ ! Sáng ngày người ta đánh trói thầy Dần như thế, Dần có thương không. Nếu Dần không buông chị ra, chốc nữa ông lí vào đây, ông ấy trói nốt cả u, trói nốt cả Dần nữa đấy.

Thằng Dần vẫn sợ ông lí, như đứa trẻ khác sợ ông ngoáo ộp, nghe nói đến tên ông ấy nó đã mất vía đi rồi. Lập tức nó rời vạt áo cái Tí và ỏn ẻn dặn mẹ :

– Em chỉ cho chị Tí đi một lúc thôi. Lấy được tiền rồi, u lại phải đem chị ấy về đây với em.

Chị Dậu buột miệng :

– Ừ...

Rồi hình như có ý hối vì mình đã nói dối trẻ con, tức thì chị lại nói chữa :

– Ừ, hễ cụ Nghị bằng lòng để cho chị con về nhà vài hôm, thì u đem nó về với con.

Cái Tí với hai hàng nước mắt ròng ròng, hôn hít các em một lượt nữa, rồi lủi thủi nó đội mê nón lên đầu và cắp gói áo vào nách.

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

Câu hỏi :

a) Sự chủ động tham gia cuộc thoại của chị Dậu với cái Tí phát triển ngược chiều nhau như thế nào ?

b) Tác giả miêu tả diễn biến cuộc thoại như vậy có hợp với tâm lí nhân vật không ? Vì sao ?

c) Việc tác giả tô đậm sự hồn nhiên và hiếu thảo của cái Tí qua phần đầu cuộc thoại làm tăng kịch tính của câu chuyện như thế nào ?

3. Dựa vào những điều đã biết về truyện *Bức tranh của em gái tôi* (*Ngữ văn 6*, tập hai, tr. 30) và vào đoạn trích dưới đây, hãy cho biết sự im lặng của nhân vật "tôi" biểu thị điều gì.

Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như toả ra một thứ ánh sáng rất lạ [...]. Mẹ hồi hộp thì thầm vào tai tôi :

– Con có nhận ra con không ?

Tôi giật sững người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư ? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh : "Anh trai tôi". Vậy mà dưới mắt tôi thì...

– Con đã nhận ra con chưa ? – Mẹ vẫn hồi hộp.

Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng : "Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy.".

(Tạ Duy Anh, *Bức tranh của em gái tôi*)

4*. Tục ngữ phương Tây có câu : *Im lặng là vàng*. Nhưng nhà thơ Tố Hữu lại viết :

Khóc là nhục. Rên, hèn. Van, yếu đuối
Và dại khờ là những lũ người câm
Trên đường đi như những bóng âm thầm
Nhận đau khổ mà gởi vào im lặng.

(*Liên hiệp lại*)

Theo em, mỗi nhận xét trên đúng trong những trường hợp nào ?

LUYỆN TẬP ĐƯA YẾU TỐ BIỂU CẢM VÀO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Cho đề bài : "Sự bổ ích của những chuyến tham quan, du lịch đối với học sinh". Lập dàn ý các luận điểm và luận cứ cần thiết.

II – LUYỆN TẬP TRÊN LỚP

1. Để làm sáng tỏ vấn đề trên, cách sắp xếp các luận điểm theo trình tự dưới đây có hợp lí không ? Vì sao ? Nên sửa như thế nào ?

a) Những chuyến tham quan, du lịch giúp ta hiểu biết nhiều hơn và yêu mến hơn vẻ đẹp của thiên nhiên, của quê hương đất nước.

b) Những chuyến tham quan, du lịch mang lại cho ta nhiều bài học có thể chưa có trong sách vở.

c) Những chuyến tham quan, du lịch khiến ta hiểu cụ thể hơn, sâu hơn những điều được học trong nhà trường.

d) Những chuyến tham quan, du lịch đem đến cho ta thật nhiều niềm vui.

e) Những chuyến tham quan, du lịch giúp ta tăng cường sức khoẻ.

2. Hãy trình bày các luận điểm đó cho có sức truyền cảm bằng việc thực hiện các bài tập sau :

a) Tham khảo đoạn văn sau và tìm những gợi ý cho em về việc đưa yếu tố biểu cảm vào trong bài văn nghị luận.

Biết bao hứng thú khác nhau ta tập hợp được nhờ cách ngao du thú vị ấy, không kể sức khoẻ được tăng cường, tính khí trở nên vui vẻ. Tôi thường thấy những kẻ ngồi trong các cỗ xe tốt chạy rất êm nhưng mơ màng, buồn bã, cáu kỉnh hoặc đau khổ ; còn những người đi bộ lại luôn luôn vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả. Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà ! Một bữa cơm đạm bạc mà sao có vẻ ngon lành thế ! Ta thích thú biết bao khi lại ngồi vào bàn ăn ! Ta ngủ ngon giấc biết bao trong một cái giường tồi tàn !

(Ru-xô, *Đi bộ ngao du*)

b) Nếu phải trình bày luận điểm "Những chuyến tham quan, du lịch đem đến cho ta thật nhiều niềm vui", hãy cho biết :

– Luận điểm ấy gợi cho em cảm xúc gì ?

– Theo em, đoạn nghị luận dưới đây đã thể hiện được hết cảm xúc ấy chưa ?

Không chỉ tăng cường sức mạnh thể chất, những chuyến tham quan, du lịch còn đem lại cho ta rất nhiều niềm vui sướng trong tâm hồn. Chắc các bạn vẫn chưa quên lần cả lớp đến tham quan vịnh Hạ Long. Hôm ấy không ai trong chúng ta kìm nổi một tiếng reo, khi sau một chặng đường dài, chợt thấy trải ra trước mắt cả một cảnh trời biển, núi non mênh mông, kì thú. Tôi nhớ hôm trước bạn Lệ Quyên còn đang âu sầu vì bị cô giáo phê bình. Tôi để ý thấy Lệ Quyên lúc đầu vẫn lặng lẽ, nhưng nét mặt bạn cứ rạng rỡ dần lên trước cảnh nước biếc non xanh. Nỗi buồn kia đã tan đi hẳn, như có một phép màu. Niềm sung sướng ấy không thể có khi chúng ta suốt năm chỉ quanh quẩn trong căn nhà, nơi góc phố hay trên con đường mòn quen thuộc.

– Cần tăng cường yếu tố biểu cảm như thế nào để đoạn văn biểu hiện đúng những cảm xúc chân thật của em ? Có nên đưa vào đoạn văn các từ ngữ biểu cảm (ví dụ : *biết bao nhiêu, diệu kì thay, có ai... lại, làm sao có được,...*) không, và nếu có thì đưa vào chỗ nào trong đoạn ? Em có định thay đổi một số câu văn để đoạn văn thêm sức truyền cảm không ? (Ví dụ : *Bạn có nhớ cái lần cả lớp chúng mình cùng đến thăm vịnh Hạ Long không ?)*

– Hãy viết lại đoạn văn trên rồi trình bày trước tổ (trước lớp). Sau đó, cần lắng nghe sự góp ý của thầy, cô giáo và của các bạn để rút ra những kinh nghiệm thiết thực và bổ ích cho bản thân.

3. Theo trình tự luyện tập trên lớp, hãy tiếp tục tập đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn được viết theo đề bài : "Chứng minh rằng nhiều bài thơ em đã học như *Cảnh khuya* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Khi con tu hú* của Tố Hữu, *Quê hương* của Tế Hanh,... đều biểu hiện rõ tình cảm thiết tha của các nhà thơ đối với thiên nhiên, đất nước".

ĐỌC THÊM

Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn con người chăng ? Ta nói trời xanh hôm nay nên thơ nhưng chính ra là lòng chúng ta mang một nỗi niềm vui buồn nào mà muốn làm thơ hoặc đọc thơ về trời xanh. Mưa phùn buổi chiều

gợi những câu thơ nào nhớ nhung, nhưng chính nỗi nhớ nhung gặp buổi chiều mưa mà muốn thì thầm những câu thơ chưa thành hình rõ.

[...] Bài thơ là những câu, những lời diễn lên, làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc. Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.

(Nguyễn Đình Thi, *Mấy ý nghĩ về thơ*,
trong *Nguyễn Đình Thi toàn tập*,
tập III, NXB Văn học, Hà Nội, 1997)

BÀI 28

Kết quả cần đạt

- *Nắm vững nội dung chủ yếu và đặc điểm nghệ thuật của các văn bản đã học để làm tốt bài kiểm tra Văn.*
- *Nắm được tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ trong câu, từ đó có ý thức lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp.*
- *Đánh giá đúng những ưu, nhược điểm của bài tập làm văn số 6, sửa chữa được các lỗi trong bài làm theo yêu cầu của bài văn nghị luận.*
- *Sơ bộ nắm được vai trò của các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận và cách đưa các yếu tố đó vào bài văn nghị luận.*

KIỂM TRA VĂN

LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU

I – NHẬN XÉT CHUNG

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngỏng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kề vào đến miệng, cai lệ và

người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.

Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ :

– Thằng kia ! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à ? Nộp tiền sưu ! Mau !

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

1. Có thể thay đổi trật tự từ trong câu in đậm theo những cách nào mà không làm thay đổi nghĩa cơ bản của câu ?

2. Vì sao tác giả chọn trật tự từ như trong đoạn trích ?

3. Hãy thử chọn một trật tự từ khác và nhận xét về tác dụng của sự thay đổi ấy.

Ghi nhớ

Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ, mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng. Người nói (người viết) cần biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp.

II – MỘT SỐ TÁC DỤNG CỦA SỰ SẮP XẾP TRẬT TỰ TỪ

1. Trật tự từ trong những bộ phận câu in đậm dưới đây thể hiện điều gì ?

a) *Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, cai lệ **giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu**.*

*Chị Dậu **xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn**.*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

b) *Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngỏng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kề vào đến miệng, **cai lệ và người nhà lí trưởng** đã sầm sập tiến vào với những **roi song, tay thước và dây thừng**.*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

2. So sánh tác dụng của những cách sắp xếp trật tự từ trong các bộ phận câu in đậm dưới đây :

a) *Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre* ***giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín****. Tre hi sinh để bảo vệ con người.*

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*)

b) *Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre* ***giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín, giữ làng, giữ nước****. Tre hi sinh để bảo vệ con người.*

c) *Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre* ***giữ làng, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín, giữ nước****. Tre hi sinh để bảo vệ con người.*

3. Từ những điều đã phân tích ở các mục I và II, hãy rút ra nhận xét về tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ trong câu.

Ghi nhớ

Trật tự từ trong câu có thể :

– Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm (như thứ bậc quan trọng của sự vật, thứ tự trước sau của hoạt động, trình tự quan sát của người nói,...).

– Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.

– Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.

– Đảm bảo sự hài hoà về ngữ âm của lời nói.

III – LUYỆN TẬP

Giải thích lí do sắp xếp trật tự từ trong những bộ phận câu và câu in đậm dưới đây :

a) *Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại* ***Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,...*** *Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.*

(Hồ Chí Minh, *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*)

b) ***Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi !***
Rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt
Nắng chói sông Lô, ***hò ô tiếng hát***
Chuyến phà dào dạt bến nước Bình Ca...

(Tố Hữu, *Ta đi tới*)

c) – *Ấy cũng may cho cô, vơ vẩn mãi ở ngoài phố thế này mà gặp mật thám hay đội con gái thì khốn.*

– Mật thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần.

(Nguyễn Công Hoan, *Ngựa người, người ngựa*)

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6

Gợi ý đánh giá bài làm :

1. Bài làm cần phải đạt những yêu cầu gì về nội dung kiến thức, về hình thức diễn đạt và nhất là về cách tổ chức hệ thống luận điểm và trình bày luận điểm ?

2. So với những yêu cầu ấy của đề bài, bài làm của em có những ưu, nhược điểm gì ?

3. Sửa các lỗi diễn đạt và chính tả trong bài làm (nếu có).

TÌM HIỂU CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

I – YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. Đọc các đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

a) *Sau nữa, việc săn bắt thú "****vật liệu biết nói****" đó, mà lúc bấy giờ người ta gọi là "chế độ lính tình nguyện" (danh từ mỉa mai một cách ghê tởm) đã gây ra những vụ nhũng lạm hết sức trắng trợn.*

Đây ! Chế độ lính tình nguyện ấy được tiến hành như thế này : Vị "chúa tỉnh" – mỗi viên công sứ ở Đông Dương quả là một vị "chúa tỉnh" – ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền, trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan cứ liệu mà xoay xở.

Mà cái ngón xoay xở [...] thì các ông tướng ấy thạo hết chỗ nói, nhất là xoay xở làm tiền.

Thoạt tiên, chúng tóm những người khoẻ mạnh, nghèo khổ, những người này chỉ chịu chết thôi không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó, chúng mới đòi đến con cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra dịp để sinh chuyện với họ hoặc với gia đình họ, và nếu cần, thì giam cổ họ lại cho đến khi họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường : "đi lính tình nguyện, hoặc xì tiền ra".

(Nguyễn Ái Quốc, *Thuế máu*)

b) *Ấy thế mà trong một bản bố cáo với những người bị bắt lính, phủ toàn quyền Đông Dương, sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ còn sống sót và truy tặng những người sẽ hi sinh "cho Tổ quốc", đã trịnh trọng tuyên bố rằng :*

"Các bạn đã ***tấp nập*** *đầu quân, các bạn đã* ***không ngần ngại*** *rời bỏ quê hương xiết bao trìu mến để người thì hiến xương máu của mình như lính khố đỏ, kẻ thì hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ".*

Nếu quả thật người An Nam phấn khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lị, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn ? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hoà và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sốt sắng đầu quân "tấp nập" và "không ngần ngại" ?

(Nguyễn Ái Quốc, *Thuế máu*)

Câu hỏi :

– Vì sao đoạn trích (a) có yếu tố tự sự nhưng không phải là văn bản tự sự, còn đoạn trích (b) có yếu tố miêu tả nhưng không phải là văn bản miêu tả ?

– Giả sử đoạn trích (a) không có những chi tiết cụ thể kể lại một kiểu bắt lính kì quặc và tàn ác, liệu ta có thể lường hết được việc mộ lính "tình nguyện" đã gây ra sự những lạm trắng trợn đến mức nào không ? Còn ở đoạn trích (b) nếu thiếu những dòng miêu tả sinh động về những người lính Việt Nam bị xích tay, hay bị nhốt trong trường học, "có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn" thì ta có hình dung rõ sự giả dối, lừa gạt trong lời rêu rao về "lòng sốt sắng đầu quân *tấp nập* và *không ngần ngại*" được không ?

– Từ việc tìm hiểu trên, em có nhận xét gì về vai trò của các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận ?

2. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi.

*Các dân tộc anh em trên đất nước chúng ta đã sáng tạo ra muôn vàn truyện anh hùng đẹp. Có truyện đã trở thành trường ca lớn, như **Đam Săn, Xinh Nhã** v.v... Riêng **Chàng Trăng** của dân tộc Mơ-nông và **Nàng Han** của dân tộc Thái là hai truyện có nhiều nét rất giống với truyện **Thánh Gióng** ở miền xuôi.*

Mẹ chàng Trăng đã nằm mơ thấy một con thỏ trắng nhảy qua ngực mà thụ thai và đẻ ra chàng. Sợ tù trưởng phạt vạ, mẹ chàng bỏ chàng trên rừng, phó mặc cho trời đất. Suốt ngày chàng không nói, không cười, chỉ thích chơi khiên[(a)] đao. Sau đó, chàng cưỡi ngựa đá khổng lồ do trời đất cho, đi giết một tên bạo chúa đến chiếm đất rồi cuối cùng biến vào mặt trăng để đêm đêm soi xuống dòng thác Pông-gơ-nhi những vầng sáng bạc.

Còn nàng Han là một cô gái thông minh dũng cảm, lớn lên đi đánh giặc ngoại xâm. Quân nàng liên kết với người Kinh, theo cờ lệnh bằng chăn dệt chỉ ngũ sắc[(b)] của nàng mà đánh tan được giặc. Mường bản đang vui thắng trận thì nàng hoá thành tiên lên trời, sau khi tắm ở sông Nậm Bờ, để lại trên bờ thanh gươm nàng đã dùng diệt giặc. Từ đấy, hằng năm đến ngày nàng lên trời, dân bản mường lại mở hội rước cờ nàng Han, vui chơi rồi kéo ra sông Nậm Bờ tắm. Và trên dãy núi Pu-keo vẫn còn đền thờ nàng Han ở chân rừng, gần đấy có những vũng, những ao chi chít nối tiếp nhau là vết chân voi ngựa của quân nàng Han và quân đội của người Kinh.

*So sánh với những truyện nói trên, chúng ta thấy truyện **Thánh Gióng** thực sự là một bản anh hùng ca và là anh hùng ca của người Việt cổ.*

(*Theo* Cao Huy Đỉnh, *Người anh hùng làng Gióng*)

Câu hỏi :

a) Tìm những yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản trên và cho biết tác dụng của chúng.

b) Vì sao tác giả văn bản trên đã không kể lại đầy đủ và cặn kẽ toàn bộ hai truyện *Chàng Trăng* và *Nàng Han*, mà chỉ tả cụ thể một số hình ảnh và kể kĩ một số chi tiết trong những câu chuyện ấy ?

3. Từ việc tìm hiểu trên, hãy cho biết : Khi đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận, cần chú ý những gì ?

(a) *Khiên* : vật dùng để che, đỡ cho tên, gươm, giáo khỏi trúng người trong chiến trận thời xưa.

(b) *Chỉ ngũ sắc* : chỉ năm màu (*ngũ* : năm ; *sắc* : màu).

Ghi nhớ

- *Bài văn nghị luận thường vẫn cần phải có các yếu tố tự sự và miêu tả. Hai yếu tố này giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài văn được rõ ràng, cụ thể, sinh động hơn, và do đó, có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn.*
- *Các yếu tố tự sự và miêu tả được dùng làm luận cứ phải phục vụ cho việc làm rõ luận điểm và không phá vỡ mạch lạc nghị luận của bài văn.*

II – LUYỆN TẬP

1. Chỉ ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong đoạn văn nghị luận dưới đây và cho biết tác dụng của chúng.

Sắp Trung thu. Trời xứ Bắc hẳn trong, trăng hẳn tròn và sáng. Đêm trước rằm đầu tiên từ ngày bị giam giữ. Mười mấy ngày qua, trừ cái bực mình ban đầu khi bị bắt giữ vô cớ, cái khẳng định mình vẫn là khách tự do, chỉ là một xâu những sự vật lỉnh kỉnh, lích kích đáng lạ, đáng cười, đáng ghét của bộ mặt nhà giam. Bỗng đêm nay trăng sáng quá chừng. Trong suốt, bao la, huyền ảo, vỗ về. Ngay bên cửa sổ, lồng trong bóng cây. Đêm nay rất đẹp. Trong lòng rạo rực bao nỗi niềm. Cầm lòng không đậu, người tù phải thốt lên :

"Đối thử lương tiêu nại nhược hà"

(Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ)

[...] *Vậy trước cảnh đẹp đêm nay, trước cái đẹp đêm lành này (đối thử lương tiêu), biết làm sao bây giờ (nại nhược hà) ? Một câu hỏi hay một câu than đều có nghĩa. Nó là dấu hiệu của một tâm trạng dạt dào nên sinh băn khoăn. Hơn nữa, bối rối, xao xuyến. Nó ăm ắp tình tứ, nó rạo rực, nó muốn yêu, muốn thưởng thức, muốn chan hoà, muốn giãi bày, bộc lộ. Phải đi ra với đêm, phải tắm mình trong nguyệt, phải vui, phải làm thơ. Tâm trạng người tù như vậy nhưng người tù đành như phải làm lơ. Như đành để mặc cho đêm đẹp đêm lành, cho trăng mời trăng giục. Nghĩa là bao nhiêu dạt dào trước trăng trước đêm, trước cái đẹp cái lành, phải ẩn vào bên trong, vùi vào im lặng.*

(Lê Trí Viễn, *Một số bài giảng thơ văn Chủ tịch Hồ Chí Minh*)

2. Nếu viết bài tập làm văn theo đề bài "Nêu ý kiến của em về vẻ đẹp của bài ca dao *Trong đầm gì đẹp bằng sen*" thì em có cần vận dụng các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài làm không ? Vì sao ?

ĐỌC THÊM

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

Hầu như bạn và tôi không bao giờ để ý rằng bài ca dao đã đổi vần một cách đột ngột... Đổi vần có khác nào như dòng nước đang chảy xuôi, ta dựng lên một cái đập, hoặc buộc dòng nước đổi chiều ; đổi vần để bắt ta phải chú ý chỗ dòng thơ cuộn lên, buộc ta phải chứng kiến, phải quan sát một sự kiện gì đây... Nhịp thơ dồn dập, khẩn trương :

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh

Tưởng có gì mới ! Té ra tác giả lại nhắc lại câu thứ hai trong bài ca dao ấy : *Lá xanh, bông trắng, lại chen nhị vàng*, chỉ có điều là đã lật ngược lại thứ tự các hình ảnh : nhị vàng ở cuối câu trước thì nay lại để lên đầu câu sau v.v...

Nhưng chính cái mới lại nằm trong chi tiết ấy : *Nhị vàng, bông trắng, lá xanh*... Chính nhờ sự đảo ngược hình ảnh ấy mà chúng ta như thấy hiện lên bàn tay của ai đó đang *lật từng lá sen xanh, chỉ từng bông sen trắng, đếm từng nhị sen vàng* như để phân vua cùng chúng ta : "Đấy, bạn thấy rõ đấy nhé... nào *nhị vàng*, nào *bông trắng*, nào *lá xanh* (tôi đã lật đi lật lại từng cái một cho bạn xem kĩ) ; và : *Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

Bây giờ thì bạn đã được thuyết phục hoàn toàn ; cái chân lí "hoa sen trong sạch giữa bùn nhơ" (cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng) đã nhập tâm bạn, không cưỡng được.

(*Theo* Huy Cận, báo *Văn nghệ*, số 327, 1970)

BÀI 29

Kết quả cần đạt

- *Hiểu rõ tài năng của Mô-li-e trong việc xây dựng một lớp kịch sinh động và khắc hoạ một tính cách nực cười.*
- *Phân tích được tác dụng của một số cách sắp xếp trật tự từ ; viết được một đoạn văn với trật tự từ hợp lí.*
- *Thông qua việc luyện tập, nắm chắc hơn cách đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.*

VĂN BẢN

ÔNG GIUỐC-ĐANH MẶC LỄ PHỤC

(Trích *Trưởng giả học làm sang*)

Phó may[1]***, Thợ phụ** mang bộ lễ phục*[2] *của ông Giuốc-đanh.*
Ông Giuốc-đanh, Gia nhân[3]

ÔNG GIUỐC-ĐANH – A ! Bác đã tới đấy à ? Tôi sắp phát khùng lên vì bác đây.

PHÓ MAY – Tôi không làm sao đến sớm hơn được, ấy là tôi đã cho hai chục chú thợ phụ xúm lại bộ lễ phục của ngài đấy.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Đôi bít tất lụa bác gửi đến cho tôi chật quá, tôi khổ sở vô cùng mới xỏ chân vào được và đã đứt mất hai mắt rồi.

PHÓ MAY – Rồi nó dãn ra thì lại rộng quá ấy chứ.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Phải, nếu tôi cứ làm đứt mãi các mắt thì sẽ rộng thật. Lại đôi giày bác bảo đóng cho tôi làm tôi đau chân ghê gớm.

PHÓ MAY – Thưa ngài, đâu có.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Đâu có là thế nào !

PHÓ MAY – Không, đôi giày không làm ngài đau đâu mà.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Tôi, tôi bảo là nó làm tôi đau.

PHÓ MAY – Ngài cứ tưởng tượng ra thế.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Tôi tưởng tượng ra thế vì tôi thấy thế. Bác này lí luận hay nhỉ !

PHÓ MAY – Thưa, đây là bộ lễ phục đẹp nhất triều đình và may vừa mắt nhất. Sáng chế ra được một bộ lễ phục trang nghiêm mà không phải màu đen[4] thật là tuyệt tác. Tôi thách các thợ giỏi nhất mà làm nổi đấy.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Thế này là thế nào ? Bác may hoa ngược mất rồi ![5]

PHÓ MAY – Nào ngài có bảo là ngài muốn may xuôi hoa đâu !

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Lại cần phải bảo may hoa xuôi ư ?

PHÓ MAY – Vâng, phải bảo chứ. Vì những người quý phái[6] đều mặc như thế này cả.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Những người quý phái mặc áo ngược hoa ư ?

PHÓ MAY – Thưa ngài, vâng.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Ồ ! Thế thì bộ áo này may được đấy.

PHÓ MAY – Nếu ngài muốn thì tôi sẽ xin may hoa xuôi lại thôi mà.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Không, không.

PHÓ MAY – Xin ngài cứ việc bảo.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Tôi đã bảo không mà. Bác may thế này được rồi. Bác cho rằng tôi mặc áo này có vừa vặn không ?

PHÓ MAY – Còn phải nói ! Tôi đố hoạ sĩ nào lấy bút mà vẽ hầu ngài bộ áo vừa khít hơn được. Ở nhà tôi có một chú thợ phụ may quần cộc[7] thì tài nhất thiên hạ ; và một chú khác là anh hùng của thời đại về may áo chẽn[8] đấy.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Bộ tóc giả và lông đính mũ[9] có được chững chạc không ?

PHÓ MAY – Chững chạc tuốt !

ÔNG GIUỐC-ĐANH – *nhìn áo của bác phó may* – Ô kìa, bác phó ! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi.

PHÓ MAY – Chẳng là thứ hàng đẹp quá nên tôi đã gạn lại một áo để mặc.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Đành là đẹp, nhưng đáng lẽ đừng gạn vào áo của tôi mới phải.

PHÓ MAY – Mời ngài mặc thử bộ lễ phục chứ ạ ?

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Ừ, đưa đây tôi.

PHÓ MAY – Khoan đã, không thể mặc như thế được. Thứ áo này phải mặc đúng thể thức[10], tôi có đem người đến để mặc hầu ngài theo nhịp điệu. Ở này ! Vào đây, các chú. Các chú hãy mặc bộ lễ phục này hầu ngài theo cách thức mặc cho các nhà quý phái.

Bốn chú thợ phụ ra, hai chú cởi tuột quần cộc của ông Giuốc-đanh mặc lúc tập kiếm vừa rồi, hai chú thì lột áo ngắn rồi họ mặc bộ lễ phục mới vào cho ông. Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục xong, đi đi lại lại giữa đám thợ, phô áo mới cho họ xem có được không. Cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói, tất cả đều theo nhịp của dàn nhạc.

THỢ PHỤ – Bẩm ông lớn, xin ông lớn ban cho anh em ít tiền uống rượu.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Anh gọi ta là gì ?

THỢ PHỤ – Bẩm, ông lớn ạ.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Ông lớn ư ? Ấy đấy, ăn mặc theo lối quý phái thì thế đấy ! Còn cứ bo bo giữ kiểu áo quần trưởng giả[11] thì đời nào được gọi là "ông lớn". Đây, ta thưởng về tiếng "ông lớn" đây này !

THỢ PHỤ – Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn ! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây.

THỢ PHỤ – Dám bẩm đức ông, anh em chúng tôi sẽ đi uống rượu chúc sức khoẻ đức ông.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – Lại "đức ông" nữa ! Hà hà ! Hà hà ! Các chú hãy đợi tí, đừng đi vội. Ta là đức ông kia mà ! *(nói riêng)* Của đáng tội, nếu nó tôn ta lên bậc tướng công, thì nó sẽ được cả túi tiền mất. Đây nữa này, thưởng cho chú về tiếng "đức ông" đấy nhé.

THỢ PHỤ – Dạ, bẩm đức ông, anh em chúng tôi xin bái tạ ơn người.

ÔNG GIUỐC-ĐANH – *nói riêng* – Nó như thế là phải chăng, nếu không ta đến mất tong cả tiền cho nó thôi.

Bốn người thợ phụ vui mừng nhảy múa.

(Mô-li-e[★], *Trưởng giả học làm sang*,
trong *Tuyển tập kịch Mô-li-e*, NXB Sân khấu, Hà Nội, 1994)

Chú thích

(★) Mô-li-e (1622 – 1673) là nhà soạn kịch nổi tiếng của Pháp, tác giả của những vở hài kịch *Lão hà tiện, Trưởng giả học làm sang, Người bệnh tưởng*,... Ông đồng thời cũng là một diễn viên và thường đóng các vai chính trong một số vở kịch của chính mình.

Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục trích trong vở kịch 5 hồi *Trưởng giả học làm sang* (1670) và là lớp kịch kết thúc hồi II. Văn bản này dựa theo bản dịch của Tuấn Đô ; nhan đề văn bản là do người biên soạn SGK đặt. Nhân vật trung tâm của vở kịch là ông Giuốc-đanh, tuổi ngoài bốn mươi, con một nhà buôn giàu có. Tuy dốt nát, quê kệch, nhưng ông muốn học đòi làm sang. Nhiều kẻ lợi dụng tính cách đó, săn đón, nịnh hót ông để moi tiền. Ông không tán thành tình yêu của con

gái là Luy-xin với chàng Clê-ông chỉ vì chàng chẳng phải là quý tộc. Cuối cùng, nhờ mưu mẹo của Cô-vi-en là đầy tớ của mình, Clê-ông cải trang làm hoàng tử Thổ Nhĩ Kì đến hỏi Luy-xin làm vợ và được ông Giuốc-đanh ưng thuận.

(1) *Phó may* : thợ may.

(2) *Lễ phục* : bộ quần áo may theo kiểu quy định để mặc trong các dịp đặc biệt (*lễ* : nghi thức cử hành để biểu thị lòng tôn kính hoặc sự trang trọng ; *phục* : quần áo).

(3) *Gia nhân* : người giúp việc trong nhà.

(4) Thời bấy giờ ở Pháp, bộ lễ phục trang trọng phải may bằng hàng màu đen.

(5) Khi may áo, hoa phải hướng lên trên.

(6) *Quý phái* : thuộc dòng dõi cao sang trong xã hội cũ.

(7) *Quần cộc* : trang phục của tầng lớp quý tộc ở Pháp thế kỉ XVII, tuy gọi là "quần cộc" nhưng có hai loại : dài đến đầu gối và dài đến mắt cá chân.

(8) *Áo chẽn* : trang phục của tầng lớp quý tộc ở Pháp thời đó, may sát người, che kín từ cổ đến thắt lưng.

(9) *Bộ tóc giả và lông đính mũ* : các thứ gắn với trang phục của tầng lớp quý tộc Pháp thế kỉ XVII. Bác phó may được ông Giuốc-đanh tín nhiệm giao cho việc cung cấp cả các bộ phận trang phục đặt làm ở nơi khác như bít tất, tóc giả, lông đính mũ,...

(10) *Thể thức* : thể lệ và cách thức tiến hành.

(11) *Trưởng giả* : người xuất thân bình dân, nhờ làm ăn buôn bán mà giàu có.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Căn cứ vào các chỉ dẫn (những chữ được in nghiêng trong văn bản), cho biết lớp kịch gồm mấy cảnh. Xem xét số lượng nhân vật tham gia ở mỗi cảnh và các loại động tác, âm thanh trên sân khấu để chứng minh rằng càng về sau kịch càng sôi động.

2. Ở cảnh đầu, tính cách học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh thể hiện như thế nào và bị lợi dụng ra sao ?

3. Tính cách đó của ông thể hiện như thế nào và bị lợi dụng ra sao ở cảnh sau ?

4. Lớp kịch này gây cười cho khán giả ở những khía cạnh nào ?

> *Ghi nhớ*
>
> ***Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục**, một lớp kịch trong vở **Trưởng giả học làm sang** của Mô-li-e, được xây dựng hết sức sinh động, khắc hoạ tài tình tính cách lố lăng của một tay trưởng giả muốn học đòi làm sang, gây nên tiếng cười sảng khoái cho khán giả.*

LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU

(Luyện tập)

1. Trật tự các từ và cụm từ in đậm dưới đây thể hiện mối quan hệ giữa những hoạt động và trạng thái mà chúng biểu thị như thế nào ?

a) *Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức **giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến**.*

(Hồ Chí Minh, *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*)

b) *Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hoá vẫn chưa về. Trong đó nghe đâu mẹ tôi **đi bán bóng đèn và những phiên chợ chính còn bán cả vàng hương nữa**.*

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

2. Vì sao các cụm từ in đậm dưới đây được đặt ở đầu câu ?

a) *Cùng lắm, nó có giở quẻ, hắn cũng chỉ đến đi ở tù. **Ở tù** thì hắn coi là thường.*

(Nam Cao, *Chí Phèo*)

b) *Nguyễn Tuân có một kho từ vựng hết sức phong phú mà ông đã cần cù tích luỹ. **Vốn từ vựng ấy**, trước Cách mạng tháng Tám, ông thường dùng để chơi ngông với đời.*

(*Theo* Nguyễn Đăng Mạnh,
Nhà văn Việt Nam hiện đại – Chân dung và phong cách)

c) *Việc đến tai em bé con nhà thợ cày, em liền bảo cha :*

– Chả mấy khi được lộc vua ban, cha cứ thưa với làng giết thịt hai con trâu và đồ hai thúng gạo nếp để mọi người ăn một bữa cho sướng miệng. **Còn một trâu và một thúng gạo**, ta sẽ xin làng làm phí tổn cho cha con ta trẩy kinh lo liệu việc đó.

(*Em bé thông minh*)

d) *Một thời đại vừa chẵn mười năm.*

***Trong mười năm ấy**, thơ mới đã tranh đấu gắt gao với thơ cũ, một bên giành quyền sống, một bên giữ quyền sống. Cuộc tranh đấu kéo dài cho đến ngày thơ mới toàn thắng.* ***Trong sự thắng lợi ấy**, cũng có công những người tả xung hữu đột nơi chiến trường, nhưng trước hết là công những nhà thơ mới.*

(Hoài Thanh – Hoài Chân, *Một thời đại trong thi ca*)

3. Phân tích hiệu quả diễn đạt của trật tự từ trong những câu in đậm dưới đây :

a) *Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,*
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi, tiều vài chú,
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.
Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.

(Bà Huyện Thanh Quan, *Qua Đèo Ngang*)

b) ***Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều***
Bóng dài lên đỉnh dốc cheo leo
Núi không đè nổi vai vươn tới
Lá nguỵ trang reo với gió đèo...

(Tố Hữu, *Lên Tây Bắc*)

4. Các câu (a) và (b) sau đây có gì khác nhau ? Chọn câu thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn văn bên dưới.

a) *Tôi thấy một anh Bọ Ngựa trịnh trọng tiến vào.*

b) *Tôi thấy trịnh trọng tiến vào một anh Bọ Ngựa.*

Bỗng mấy chú Châu Chấu Ma đang nhảy nhót khoe tài quanh các nàng Cào Cào, vội né giạt về một bên. Rồi trong cửa hàng chợt im tiếng ồn ào. /.../ Người ngợm anh Bọ Ngựa này cũng bình thường thôi, nhưng chưa hiểu sao anh làm ra lối quan dạng đến thế, anh đi cứ chân nhấc từng bước cao ngang đầu gối kiểu bước chân ngỗng, cách thức rất ta đây kẻ giờ và hách dịch.

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

5. Dưới đây là đoạn kết bài *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới (*Ngữ văn 6*, tập hai, tr. 95). Hãy liệt kê các khả năng sắp xếp trật tự từ trong bộ phận câu in đậm. Đối chiếu đoạn kết với dàn ý của bài văn và cho biết vì sao tác giả lựa chọn trật tự từ như ở đây.

Cây tre Việt Nam ! Cây tre ***xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thuỷ chung, can đảm****. Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.*

6. Viết một đoạn văn ngắn về một trong các đề tài sau đây :

a) Lợi ích của đi bộ đối với sức khoẻ.

b) Lợi ích của đi bộ đối với việc mở rộng hiểu biết thực tế.

Giải thích cách sắp xếp trật tự từ ở một câu trong đoạn văn đã viết.

LUYỆN TẬP ĐƯA CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ VÀO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Cho đề bài : "Trang phục và văn hoá". Hãy lập dàn bài chi tiết. Tập hợp những suy nghĩ, những hình ảnh và những câu chuyện mà em đã tích luỹ được xung quanh vấn đề trang phục trong thực tế đời sống ở nhà trường và ngoài xã hội.

II – LUYỆN TẬP TRÊN LỚP

1. Định hướng làm bài

Có thể cụ thể hoá đề bài trên thành tình huống cụ thể sau :

Một số bạn đang đua đòi theo những lối ăn mặc không lành mạnh, không phù hợp với lứa tuổi học sinh, truyền thống văn hoá của dân tộc và hoàn cảnh của gia đình. Em viết một bài nghị luận để thuyết phục các bạn đó thay đổi cách ăn mặc cho đúng đắn hơn.

2. Xác lập luận điểm

Nên đưa vào bài viết những luận điểm nào trong số các luận điểm sau :

a) Gần đây, cách ăn mặc của một số bạn có nhiều thay đổi, không còn giản dị, lành mạnh như trước nữa.

b) Việc chạy theo các "mốt" ăn mặc ấy có nhiều tác hại (làm mất thời gian của các bạn, ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập, gây tốn kém cho cha mẹ).

c) Các bạn lầm tưởng rằng ăn mặc như vậy sẽ làm cho mình trở thành người "văn minh", "sành điệu".

d) Nhà trường đang phát động phong trào chống sử dụng ma tuý và ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai.

e) Việc ăn mặc phải phù hợp với thời đại nhưng cũng phải lành mạnh, phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc, với lứa tuổi và hoàn cảnh sống.

3. Sắp xếp luận điểm

Cần sắp xếp các luận điểm đã chọn lựa (có thể bổ sung, nếu cần) theo một hệ thống như thế nào để bài viết có bố cục rành mạch, hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục được người đọc (người nghe) ?

4. Vận dụng yếu tố tự sự và miêu tả

Em thấy có nên đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào trong quá trình lập luận của mình không ? Vì sao ? Nhận xét về việc đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào trong hai đoạn văn nghị luận dưới đây :

a) *Có bạn trút bỏ chiếc áo sơ mi trắng để mặc vào một chiếc áo phông loè loẹt, trước ngực loằng ngoằng hàng dãy chữ nước ngoài và sau lưng là hình ảnh của một bộ phim đang "ăn khách", một hình ảnh vừa thiếu đúng đắn lại vừa hoàn toàn không phù hợp với lứa tuổi thiếu niên. Có bạn đòi mua bằng được chiếc quần bò đắt tiền để diện đến trường, nhưng đó lại là chiếc quần xé gấu và thủng gối. Lại có bạn quên cả việc học tập, suốt ngày dán mắt vào màn hình máy vi tính để đắm đuối với các trò chơi điện tử. Hôm qua, ở cổng trường, chút nữa là tôi*

không nhận ra một bạn của lớp mình. Bên dưới mái tóc nhuộm một đường đỏ hoe, và bên trên đôi giày to cao quá khổ là chiếc áo đen ngắn ngủn bó chặt lấy thân mình (mặc dù bạn vốn là người gầy nhỏ) và chiếc quần trắng ống rộng lùng thùng. Sự ăn mặc của các bạn sao lại thay đổi nhiều đến thế !

b) *Hình như các bạn vẫn cho rằng ăn mặc như thế mới tỏ ra là người "văn minh", "sành điệu". Và có lẽ các bạn vẫn tưởng rằng sự "sành điệu", "văn minh" ấy sẽ làm cho mình trở thành con người "thức thời" hơn, "hiện đại" hơn. Những bộ quần áo ấy sẽ làm cho các bạn có thể hãnh diện ngẩng cao đầu trước mọi người. Nhưng các bạn có nhớ lớp kịch* ***Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*** *mà chúng ta mới học không ? Cái ông trưởng giả Giuốc-đanh kia hăm hở đặt may lễ phục, vì ông ta tưởng rằng hễ mặc được một bộ lễ phục quý tộc là mình sẽ có ngay cái sang của nhà quý tộc, còn "cứ bo bo giữ kiểu áo quần trưởng giả thì đời nào được gọi là ông lớn". Nhưng do không biết thế nào mới đúng là sang trọng, ông Giuốc-đanh đã biến mình thành trò cười với bộ quần áo may hoa lộn ngược và ngắn cũn cỡn (vì bị ăn bớt vải). Ông ta còn bị đám thợ phụ lột cả cái áo ngắn lẫn chiếc quần cộc mặc khi tập kiếm. Vậy thì sự sang trọng, cả sự "sành điệu", "văn minh" nữa, có phải là được làm nên nhờ vào việc đua theo "mốt" này "mốt" nọ đâu !*

5. Viết đoạn văn nghị luận có yếu tố tự sự và miêu tả, sau đó trình bày trước tổ (trước lớp). Cần lắng nghe sự góp ý của thầy, cô giáo và của các bạn để sửa chữa đoạn văn cho hay hơn.

BÀI 30

Kết quả cần đạt

- *Biết vận dụng kiến thức về các chủ đề văn bản nhật dụng ở lớp 8 để khảo sát, phân tích những vấn đề tương ứng ở địa phương, từ đó biết bày tỏ thái độ, cảm nghĩ của mình trước một số vấn đề của cuộc sống.*
- *Biết nhận diện và sửa chữa một số loại lỗi diễn đạt liên quan đến lô-gíc.*
- *Vận dụng tương đối thành thạo kĩ năng đưa các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.*

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Văn)

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

1. Văn bản nhật dụng ở lớp 8 đề cập những vấn đề gì ?

2. Hãy tìm hiểu vài khía cạnh của một trong những vấn đề trên ở quê hương em hoặc nơi em đang sinh sống (thôn, xã, huyện, tỉnh, phường, quận, thị xã, thành phố,...).

3. Trình bày những điều đã tìm hiểu được bằng một văn bản dài không quá một trang. Có thể dùng bất cứ kiểu văn bản nào và bất cứ phương thức biểu đạt nào.

4. Cá nhân chọn đề tài để viết, song nên kết hợp với sự phân công của tổ để các chủ đề đều được đề cập và có được các văn bản phong phú, đa dạng.

II – HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Tổ trưởng (hoặc đại diện tổ) trình bày về tình hình các bài viết của tổ mình và giới thiệu những bài được tổ nhất trí đánh giá cao.

2. Thầy, cô giáo chỉ định đọc trước lớp khoảng 3 đến 5 bài tiêu biểu.

3. Thầy, cô giáo tổng kết, đánh giá kết quả chung và đề xuất hướng phát huy kết quả của bài học.

4. Dưới sự chỉ đạo của thầy, cô giáo, lớp tập hợp các bài viết tốt để ra một tập nội san hoặc một tờ báo tường của lớp.

CHỮA LỖI DIỄN ĐẠT (lỗi lô-gíc)

1. Những câu dưới đây mắc một số lỗi diễn đạt liên quan đến lô-gíc. Hãy phát hiện và chữa những lỗi đó.

a) *Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng học tập khác.*

b) *Trong thanh niên nói chung và trong bóng đá nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.*

c) *Lão Hạc, Bước đường cùng và Ngô Tất Tố đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945.*

d) *Em muốn trở thành một người trí thức hay một bác sĩ ?*

e) *Bài thơ không chỉ hay về nghệ thuật mà còn sắc sảo về ngôn từ.*

g) *Trên sân ga chỉ còn lại hai người. Một người thì cao gầy, còn một người thì mặc áo ca rô.*

h) *Chị Dậu rất cần cù, chịu khó nên chị rất mực yêu thương chồng con.*

i) *Nếu không phát huy những đức tính tốt đẹp của người xưa thì người phụ nữ Việt Nam ngày nay không thể có được những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề đó.*

k) *Hút thuốc lá vừa có hại cho sức khoẻ, vừa làm giảm tuổi thọ của con người.*

2. Hãy tìm những lỗi diễn đạt tương tự (lỗi lô-gíc) trong bài tập làm văn của mình hoặc của các bạn cùng lớp, trong lời nói hằng ngày hoặc trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7 – VĂN NGHỊ LUẬN (làm tại lớp)

I – ĐỀ BÀI THAM KHẢO

Đề 1. Tuổi trẻ và tương lai đất nước. (*Gợi ý* : Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ thiết tha căn dặn : "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em". Lời dạy của Bác giúp em hiểu đề bài trên như thế nào ?)

Đề 2. Văn học và tình thương. (*Gợi ý* : Chứng minh rằng văn học của dân tộc ta luôn ca ngợi những ai biết "thương người như thể thương thân" và nghiêm khắc phê phán những kẻ thờ ơ, dửng dưng trước người gặp hoạn nạn.)

Đề 3. Hãy nói "không" với các tệ nạn. (*Gợi ý* : Hãy viết một bài nghị luận để nêu rõ tác hại của một trong các tệ nạn xã hội mà chúng ta cần phải kiên quyết và nhanh chóng bài trừ như cờ bạc, tiêm chích ma tuý, hoặc tiếp xúc với văn hoá phẩm không lành mạnh,...)

II – YÊU CẦU

Ôn luyện kĩ về :

1. Các phép lập luận chứng minh và giải thích.

2. Các kĩ năng dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, viết bài mà em đã học, đặc biệt là kĩ năng đưa các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.

ĐỌC THÊM

Ở triều đình, giành nhau về danh ; ở chỗ phố, giành nhau về lợi. Sang thì khoe có lầu mùa đông, có lầu mùa hạ ; giàu thì khoe có nhà để múa, có nhà để hát. Ấy thế, trên đường thấy người chết đói không chịu thí một đồng tiền cứu giúp, ngoài đồng thấy người nằm giữa mương không chịu thí một nắm rạ che đắp. Lòng thiện đã tắt lịm trong những kẻ đó vậy.

(Nguyễn Bỉnh Khiêm, *Văn bia quán Trung Tân*)

BÀI 31

Kết quả cần đạt

- *Nắm được hệ thống văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 8 với những nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại của từng văn bản. Hiểu rõ giá trị tư tưởng và nghệ thuật của một số văn bản tiêu biểu.*
- *Củng cố những kiến thức Tiếng Việt đã học trong học kì II : các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật, phủ định ; hành động nói ; lựa chọn trật tự từ trong câu.*
- *Nắm được đặc điểm của văn bản tường trình : mục đích, yêu cầu, nội dung và cách làm loại văn bản này. Thông qua luyện tập, biết ứng dụng cách làm văn bản tường trình vào các tình huống cụ thể.*

TỔNG KẾT PHẦN VĂN

1. Lập bảng thống kê các văn bản văn học Việt Nam đã học từ bài 15 theo mẫu sau :

Văn bản	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung chủ yếu

(*Gợi ý* :

a) Cột *Thể loại* ghi một trong các thể (thể loại) sau :

– Thơ bát cú Đường luật, thơ tuyệt cú Đường luật, thơ thất ngôn, thơ tám chữ, thơ lục bát, thơ năm chữ, thơ tự do,...

– Nghị luận, nghị luận trung đại (chiếu, hịch, cáo,...)

– Kịch

b) Cột *Giá trị nội dung chủ yếu* chỉ dành ghi đối với các văn bản trong các bài 15, 18, 20, 24, 26, 27. (Có thể dựa vào phần *Kết quả cần đạt* và *Ghi nhớ* trong các bài trên để ghi.)

2*. Nêu lên sự khác biệt nổi bật về hình thức nghệ thuật giữa các văn bản thơ trong các bài 15, 16 và trong các bài 18, 19. Vì sao thơ trong các bài 18, 19 được gọi là "thơ mới" ? Chúng "mới" ở chỗ nào ?

Hãy chép lại những câu thơ em thích nhất, cho là hay nhất trong 4 bài thơ kể trên, chọn mỗi bài từ 2 đến 4 câu.

ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA PHẦN TIẾNG VIỆT

I – KIỂU CÂU : NGHI VẤN, CẦU KHIẾN, CẢM THÁN, TRẦN THUẬT, PHỦ ĐỊNH

1. Đọc những câu sau và cho biết mỗi câu thuộc kiểu câu nào trong số các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật, phủ định. (Các câu được đánh số để tiện theo dõi.)

Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi (1). [...]. *Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất* (2). *Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận* (3).

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

2. Dựa theo nội dung của câu (2) trong bài tập 1, hãy đặt một câu nghi vấn.

3. Hãy đặt câu cảm thán chứa một trong những từ như *vui, buồn, hay, đẹp,...*

4. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Tôi bật cười bảo lão (1) *:*

– Sao cụ lo xa quá thế (2) *? Cụ còn khoẻ lắm, chưa chết đâu mà sợ* (3) *! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay* (4) *! Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại* (5) *?*

– Không, ông giáo ạ (6) *! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu* (7) *?*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

a) Trong những câu trên, câu nào là câu trần thuật, câu nào là câu cầu khiến, câu nào là câu nghi vấn ?

b) Câu nào trong số những câu nghi vấn trên được dùng để hỏi (điều băn khoăn cần được giải đáp) ?

c) Câu nào trong số những câu nghi vấn trên không được dùng để hỏi ? Nó được dùng làm gì ?

II – HÀNH ĐỘNG NÓI

1. Hãy xác định hành động nói của các câu đã cho theo bảng sau đây :

STT	Câu đã cho	Hành động nói
(1)	*Tôi bật cười bảo lão :*	
(2)	*– Sao cụ lo xa quá thế ?*	
(3)	*Cụ còn khoẻ lắm, chưa chết đâu mà sợ !*	
(4)	*Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay !*	
(5)	*Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại ?*	
(6)	*– Không, ông giáo ạ !*	
(7)	*Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu ?*	

2. Hãy xếp các câu nêu ở bài tập 1 vào bảng tổng kết theo mẫu sau :

STT	Kiểu câu	Hành động nói được thực hiện	Cách dùng
(1)			
(2)			
(3)			
(4)			
(5)			
(6)			
(7)			

3. Hãy viết một hoặc vài ba câu theo một trong những yêu cầu nêu dưới đây. Xác định mục đích của hành động nói.

a) Cam kết không tham gia các hoạt động tiêu cực như đua xe trái phép, cờ bạc, nghiện hút,...

b) Hứa tích cực học tập, rèn luyện và đạt kết quả tốt trong năm học tới.

III – LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU

1. Giải thích lí do sắp xếp trật tự của các bộ phận câu in đậm nối tiếp nhau trong đoạn văn sau :

Sứ giả vào, đứa bé bảo : "Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này". Sứ giả ***vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ****, vội vàng* ***về tâu vua****.*

(*Thánh Gióng*)

2. Trong những câu sau, việc sắp xếp các từ ngữ in đậm ở đầu câu có tác dụng gì ?

a) *Các lang ai cũng muốn ngôi báu về mình, nên cố làm vừa ý vua cha. Nhưng* ***ý vua cha*** *như thế nào, không ai đoán được.*

(*Bánh chưng, bánh giầy*)

b) ***Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào****, mọi người chúng ta đều biết : bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống.*

(Phạm Văn Đồng, *Đức tính giản dị của Bác Hồ*)

3. Đọc, đối chiếu hai câu sau (chú ý các cụm từ in đậm) và cho biết câu nào mang tính nhạc rõ ràng hơn.

a) *Nhớ một buổi trưa nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng* ***rung lên man mác khúc nhạc đồng quê****.*

b) *Nhớ một buổi trưa nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng* ***rung lên khúc nhạc đồng quê man mác****.*

VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

I – ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

Đọc các văn bản sau và trả lời câu hỏi.

Văn bản 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 1 năm 2004

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về việc nộp bài chậm

Kính gửi : Cô Nguyễn Thị Hương, giáo viên Ngữ văn lớp 8A

Em là Phạm Việt Dũng, học sinh lớp 8A Trường THCS Bình Minh, xin phép được tường trình với cô một việc như sau :

Vừa qua, cô dặn chúng em viết bài tập làm văn ở nhà và nộp bài cho cô vào ngày 10 tháng 1 năm 2004. Không may, bố em bị ốm phải nằm viện. Em phải giúp mẹ em chăm sóc bố nên không viết kịp bài văn theo đúng yêu cầu của cô.

Em xin cam đoan sự việc trên là có thực và xin cô cho phép em nộp bài vào ngày 15 tháng 1 năm 2004.

Người làm tường trình

Phạm Việt Dũng

Văn bản 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 10 tháng 3 năm 2004

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về việc nhầm lẫn xe đạp

Kính gửi : Thầy Hiệu trưởng Trường THCS Hoà Bình

Em là Vũ Ngọc Kí, học sinh lớp 8B Trường THCS Hoà Bình, xin phép được tường trình với Nhà trường một việc như sau :

Sáng thứ tư ngày 10 tháng 3 năm 2004, em có gửi một chiếc xe đạp mi-ni Nhật màu xanh cẩm thạch tại nhà trông giữ xe của trường. Sau giờ học, vì phải ở lại họp các đội trưởng Sao đỏ nên em về muộn. Tan họp, em đến lấy xe thì xe của em không còn mà chỉ có một chiếc xe mi-ni Trung Quốc cũng màu xanh cẩm thạch. Em tin là bạn nào đó đã vô ý lấy nhầm xe. Vậy em làm bản tường trình này báo cáo để Nhà trường biết và giúp em tìm lại chiếc xe của mình.

Người làm tường trình

Vũ Ngọc Kí

Câu hỏi :

1. Trong các văn bản trên, ai là người phải viết tường trình và viết cho ai ? Lí do và mục đích cần viết văn bản tường trình ?

2. Nội dung và thể thức bản tường trình có gì đáng chú ý ?

3. Người viết bản tường trình cần phải có thái độ như thế nào đối với sự việc tường trình ?

4. Hãy nêu một số trường hợp cần viết bản tường trình trong học tập và sinh hoạt ở trường.

II – CÁCH LÀM VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

1. Tình huống cần phải viết bản tường trình

Trong các tình huống sau, tình huống nào có thể và cần phải viết bản tường trình ? Vì sao ? Ai phải viết ? Viết cho ai ?

a) Lớp em tự ý tổ chức đi tham quan mà không xin phép thầy, cô giáo chủ nhiệm.

b) Em làm hỏng dụng cụ thí nghiệm trong giờ thực hành.

c) Một số học sinh nói chuyện riêng làm mất trật tự trong giờ học.

d) Gia đình em bị kẻ gian đột nhập lấy trộm tài sản.

2. Cách làm văn bản tường trình

Một văn bản tường trình cần có các mục sau đây :

a) *Thể thức mở đầu văn bản tường trình :*

– Quốc hiệu, tiêu ngữ (ghi chính giữa) :

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

– Địa điểm và thời gian làm tường trình (ghi vào góc bên phải).

– Tên văn bản (ghi chính giữa) :

BẢN TƯỜNG TRÌNH
Về ....

– Người (cơ quan) nhận bản tường trình : Kính gửi : ...

b) Nội dung tường trình : Người viết trình bày thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc, nguyên nhân vì đâu, hậu quả thế nào, ai chịu trách nhiệm. Thái độ tường trình nên khách quan, trung thực.

c) Thể thức kết thúc văn bản tường trình : lời đề nghị hoặc cam đoan, chữ kí và họ tên người tường trình.

Ghi nhớ

- *Tường trình là loại văn bản trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét.*
- *Người viết tường trình là người có liên quan đến sự việc, người nhận tường trình là cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét và giải quyết.*
- *Văn bản tường trình phải tuân thủ thể thức và phải trình bày đầy đủ, chính xác thời gian, địa điểm, sự việc, họ tên những người liên quan cùng đề nghị của người viết ; có đầy đủ người gửi, người nhận, ngày tháng, địa điểm thì mới có giá trị.*

3. Lưu ý

a) Tên văn bản nên dùng chữ in hoa cho nổi bật.

b) Chú ý chừa khoảng cách hơn một dòng giữa các phần quốc hiệu và tiêu ngữ, địa điểm và thời gian làm tường trình, tên văn bản và nội dung tường trình để dễ phân biệt.

c) Không viết sát lề giấy bên trái, không để phần trên trang giấy có khoảng trống quá lớn.

LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

I – ÔN TẬP LÍ THUYẾT

1. Mục đích viết tường trình là gì ?

2. Văn bản tường trình và văn bản báo cáo có gì giống nhau và có gì khác nhau ?

3. Nêu bố cục phổ biến của văn bản tường trình. Những mục nào không thể thiếu trong kiểu văn bản này ? Phần nội dung tường trình cần như thế nào ?

II – LUYỆN TẬP

1. Chỉ ra những chỗ sai trong việc sử dụng văn bản ở các tình huống sau :

a) Một học sinh thường đi học muộn. Cô giáo chủ nhiệm muốn bạn ấy nhận rõ khuyết điểm và thành khẩn sửa chữa. Bạn ấy đã làm bản tường trình nộp cho cô giáo.

b) Để chuẩn bị Đại hội chi đội TNTP Hồ Chí Minh, chi đội trưởng đã viết bản tường trình.

c) Cô Tổng phụ trách Đội cần biết những công việc tập thể chi đội đã thực hiện và những kết quả đã đạt được trong đợt thi đua vừa qua, bạn Hoa thay mặt Ban chỉ huy chi đội viết bản tường trình nộp cho cô Tổng phụ trách.

2. Hãy nêu hai tình huống thường gặp trong cuộc sống mà em cho là phải làm văn bản tường trình (không lặp lại tình huống đã có trong sách giáo khoa).

3. Từ một tình huống cụ thể, hãy viết một văn bản tường trình.

BÀI 32

Kết quả cần đạt

- *Qua giờ trả bài kiểm tra Văn, củng cố lại kiến thức về các văn bản văn học.*
- *Tiếp tục củng cố kiến thức về các kiểu câu, các kiểu hành động nói và lựa chọn trật tự từ trong câu.*
- *Đánh giá đúng những ưu, nhược điểm của bài tập làm văn số 7 và sửa chữa được các lỗi trong bài làm.*
- *Nắm được đặc điểm của văn bản thông báo : mục đích, yêu cầu, nội dung và cách làm loại văn bản này.*

TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN

ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA PHẦN TIẾNG VIỆT (tiếp theo)

I – KIỂU CÂU : NGHI VẤN, CẦU KHIẾN, CẢM THÁN, TRẦN THUẬT, PHỦ ĐỊNH

Hãy xác định kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật trong số các câu sau (không xét câu đặt trong ngoặc vuông) :

a) – *U nó không được thế !* (Ngô Tất Tố)

b) *Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù, phải tội.* (Ngô Tất Tố)

c) – *Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả ?* (Tô Hoài)

d) – *Này, em không để chúng nó yên được à ?* (Tạ Duy Anh)

e) – *Các em đừng khóc.* (Thanh Tịnh)

g) – *Ha ha ! [Một lưỡi gươm !]* (*Sự tích Hồ Gươm*)

h) *Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới,*
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông. (Tế Hanh)

II – HÀNH ĐỘNG NÓI

1. Năm câu cho sau đây thể hiện các hành động nói : *phủ định, khẳng định, khuyên, đe doạ, bộc lộ cảm xúc*. Hãy xác định kiểu hành động nói thể hiện ở từng câu (không xét câu đặt trong ngoặc vuông).

a) *Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi !*

(Tố Hữu)

b) – [*Nhà cháu đã túng lại phải đóng cả suất sưu của chú nó nữa, nên mới lôi thôi như thế.*] *Chứ cháu có dám bỏ bễ tiền sưu của nhà nước đâu ?*

(Ngô Tất Tố)

c) *Các em phải gắng học để thầy mẹ được vui lòng và để thầy dạy các em được sung sướng.*

(Thanh Tịnh)

d) – *Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à !*

(Ngô Tất Tố)

e) *Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa.*

(Lí Công Uẩn)

2. Dựa vào hành động nói đã được xác định ở bài tập 1, viết lại các câu (b), (d) dưới một hình thức khác.

III – LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU

1. Hãy viết lại câu sau đây bằng cách chuyển từ in đậm vào những vị trí có thể được (có thể thêm từ *một cách* vào chỗ thật cần thiết).

*Chị Dậu **rón rén** bưng một bát* [cháo] *lớn đến chỗ chồng nằm.*

(Ngô Tất Tố)

2. Hãy viết lại câu sau đây bằng cách đặt cụm từ in đậm vào vị trí khác trong câu này.

Hoảng quá, *anh Dậu vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó, không nói được câu gì.*

(Ngô Tất Tố)

3. Hãy phân tích chỗ khác nhau trong cách diễn đạt ở câu đã cho với câu viết lại ở bài tập 2 trên đây.

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7

Gợi ý đánh giá bài làm :

1. Bài làm đã nêu được các luận điểm đúng và vận dụng được các phép lập luận chưa ?

2. Các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả được sử dụng như thế nào và hiệu quả ra sao ?

3. So với những yêu cầu của đề bài, bài làm của em có những ưu, nhược điểm gì ?

4. Sửa các lỗi diễn đạt và chính tả trong bài làm (nếu có).

VĂN BẢN THÔNG BÁO

I – ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN THÔNG BÁO

Đọc các văn bản sau và trả lời câu hỏi.

Văn bản 1

PHÒNG GD VÀ ĐT HUYỆN HẢI HẬU	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG THCS HẢI NAM	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số : 25/TB	Hải Hậu, ngày 3 tháng 11 năm 2004

THÔNG BÁO

Về kế hoạch duyệt các tiết mục văn nghệ

Kính gửi : Các giáo viên chủ nhiệm và lớp trưởng các lớp trong toàn trường

Để tiến tới Hội diễn văn nghệ toàn trường vào Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, Nhà trường tổ chức duyệt các tiết mục văn nghệ của các khối lớp tại hội trường theo lịch sau :

– Khối 6, 7 : duyệt vào tiết 4, 5 ngày 15 – 11.

– Khối 8 : duyệt vào tiết 4, 5 ngày 16 – 11.

– Khối 9 : duyệt vào tiết 4, 5 ngày 17 – 11.

Vậy thông báo để các giáo viên chủ nhiệm và các lớp trưởng chuẩn bị và thực hiện đúng theo lịch của Nhà trường.

Nơi nhận :	KT. HIỆU TRƯỞNG
– Như trên ;	**Phó Hiệu trưởng**
– Lưu Văn phòng.	
	Nguyễn Văn Bằng

Văn bản 2

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường THCS Kết Đoàn ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH

LIÊN ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH

Số : 12/TB Hà Nội, ngày 1 tháng 10 năm 2004

THÔNG BÁO

Về kế hoạch Đại hội đại biểu liên đội TNTP Hồ Chí Minh

Kính gửi : Các chi đội TNTP Hồ Chí Minh trong toàn trường

Được sự đồng ý của Hiệu trưởng, Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường THCS Kết Đoàn, Ban chỉ huy liên đội TNTP Hồ Chí Minh Nhà trường quyết định triệu tập Đại hội đại biểu liên đội năm học 2004 – 2005. Để đại hội đạt kết quả tốt, Ban chỉ huy liên đội thông báo để các chi đội được biết và thực hiện tốt những nội dung sau :

(1) Các chi đội tiến hành đại hội và cử 05 đại biểu thay mặt cho chi đội mình tham gia đại hội. Các đoàn đại biểu đăng kí tham luận và chuẩn bị các tiết mục văn nghệ. Danh sách đại biểu, tiết mục văn nghệ, người tham luận và nội dung tham luận cần gửi tới Ban chỉ huy liên đội trước ngày 5 tháng 10 năm 2004.

(2) Các chi đội phát động phong trào thi đua phấn đấu tốt, học tập tốt, lấy thành tích chào mừng Đại hội đại biểu liên đội.

(3) Đúng 8 giờ thứ bảy ngày 9 tháng 10 năm 2004, tất cả các đại biểu ăn mặc đẹp, đúng nghi thức có mặt tại hội trường.

Đại hội đại biểu liên đội là sự kiện quan trọng trong toàn trường, Ban chỉ huy liên đội đề nghị các chi đội thực hiện nghiêm túc thông báo này.

Liên đội trưởng

Trần Mai Hoa

Nơi nhận :

– Như trên ;

– Hiệu trưởng (để báo cáo) ;

– BCH Đoàn trường (để báo cáo) ;

– Lưu.

Câu hỏi :

1. Trong các văn bản trên, ai là người thông báo, ai là người nhận thông báo ? Mục đích thông báo là gì ?

2. Nội dung thông báo thường là gì ? Nhận xét về thể thức của văn bản thông báo.

3. Hãy dẫn ra một số trường hợp cần viết thông báo trong học tập và sinh hoạt ở trường.

II – CÁCH LÀM VĂN BẢN THÔNG BÁO

1. Tình huống cần làm văn bản thông báo

Trong các tình huống sau đây, tình huống nào phải viết thông báo, ai thông báo và thông báo cho ai ?

a) Một học sinh bị mất chiếc xe đạp, muốn báo cáo với công an.

b) Sắp tới, nhà trường sẽ tổ chức đợt tổng vệ sinh trong toàn trường để góp phần xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp.

c) Gần cuối năm học, Ban chỉ huy liên đội TNTP Hồ Chí Minh muốn triệu tập các Ban chỉ huy chi đội để bàn về việc tổng kết hoạt động của liên đội trong năm học này.

2. Cách làm văn bản thông báo

Một văn bản thông báo cần có các mục sau đây :

a) Thể thức mở đầu văn bản thông báo :

– Tên cơ quan chủ quản và đơn vị trực thuộc (ghi vào góc trên bên trái).

– Quốc hiệu, tiêu ngữ hoặc tên của đoàn thể (ghi ở phía trên chính giữa trang giấy).

– Địa điểm và thời gian làm thông báo (ghi vào góc bên phải).

– Tên văn bản (ghi chính giữa) :

THÔNG BÁO

Về......

b) Nội dung thông báo.

c) Thể thức kết thúc văn bản thông báo :

– Nơi nhận (ghi phía dưới bên trái).

– Kí tên và ghi đủ họ tên, chức vụ của người có trách nhiệm thông báo (ghi phía dưới bên phải).

Ghi nhớ

• *Thông báo là loại văn bản truyền đạt những thông tin cụ thể từ phía cơ quan, đoàn thể, người tổ chức cho những người dưới quyền, thành viên đoàn thể hoặc những ai quan tâm nội dung thông báo được biết để thực hiện hay tham gia.*

• *Văn bản thông báo phải cho biết rõ ai thông báo, thông báo cho ai, nội dung công việc, quy định, thời gian, địa điểm,... cụ thể, chính xác.*

• *Văn bản thông báo phải tuân thủ thể thức hành chính, có ghi tên cơ quan, số công văn, quốc hiệu và tiêu ngữ, tên văn bản, ngày tháng, người nhận, người thông báo, chức vụ người thông báo thì mới có hiệu lực.*

3. Lưu ý

a) Tên văn bản cần viết chữ in hoa cho nổi bật.

b) Giữa các phần quốc hiệu và tiêu ngữ, địa điểm và thời gian làm thông báo, tên văn bản và nội dung thông báo cần chừa khoảng cách hơn một dòng để dễ phân biệt.

c) Không viết sát lề giấy bên trái, không để phần trên trang giấy có khoảng trống quá lớn.

BÀI 33

Kết quả cần đạt

- *Nắm được hệ thống các văn bản nghị luận đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 8 học kì II với những nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại của văn bản.*
- *Nắm được một số cách xưng hô phổ biến ở địa phương mình và các cách xưng hô độc đáo ở những địa phương khác.*
- *Nắm được những nội dung chính đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 8, đặc biệt là học kì II ; nắm vững cách ôn tập và hình thức của bài kiểm tra tổng hợp cuối năm.*

TỔNG KẾT PHẦN VĂN (tiếp theo)

3*. Qua các văn bản trong bài 22, 23, 24, 25 và 26, hãy cho biết thế nào là văn nghị luận. Em thấy văn nghị luận trung đại (các văn bản trong bài 22, 23, 24, 25) có nét gì khác biệt nổi bật so với văn nghị luận hiện đại (văn bản trong bài 26 và các văn bản nghị luận đã học ở lớp 7) ?

4. Hãy chứng minh các văn bản nghị luận (trong bài 22, 23, 24, 25 và 26) kể trên đều được viết có lí, có tình, có chứng cứ, nên đều có sức thuyết phục cao.

5. Nêu những nét giống nhau và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại của các văn bản trong bài 22, 23 và 24.

6. Qua văn bản *Nước Đại Việt ta* (bài 24), hãy cho biết vì sao tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* được coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc Việt Nam khi đó. So với bài *Sông núi nước Nam* (học ở lớp 7) cũng được coi là một tuyên ngôn độc lập, em thấy ý thức về nền độc lập dân tộc thể hiện trong văn bản *Nước Đại Việt ta* có điểm gì mới ?

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Tiếng Việt)

1. Đọc các đoạn trích sau :

a) *Thoáng thấy mẹ về đến cổng, thằng Dần mừng nhảy chân sáo :*

– U đi đâu từ lúc non trưa đến giờ ? Có mua được gạo hay không ? Sao u lại về không thế ?

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

b) *Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi oà lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo :*

– Con nín đi ! Mợ đã về với các con rồi mà.

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

Xác định từ xưng hô địa phương trong các đoạn trích trên. Trong các đoạn trích trên, những từ xưng hô nào là từ toàn dân, những từ xưng hô nào không phải từ toàn dân nhưng cũng không thuộc lớp từ địa phương ?

2. Tìm những từ xưng hô và cách xưng hô ở địa phương em và ở những địa phương khác mà em biết.

3. Từ xưng hô của địa phương có thể được dùng trong hoàn cảnh giao tiếp nào ?

4. Đối chiếu những phương tiện xưng hô được xác định ở bài tập 2 và những phương tiện chỉ quan hệ thân thuộc trong bài *Chương trình địa phương* (*phần Tiếng Việt*) ở học kì I và cho nhận xét.

KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

I – NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN CHÚ Ý

1. Về phần Đọc – hiểu văn bản (phần Văn)

Trọng tâm chương trình Ngữ văn lớp 8, học kì II là đọc – hiểu tác phẩm trữ tình, văn bản nghị luận. Khi ôn tập, học sinh cần chú ý một số nội dung cơ bản sau đây :

a) Nắm được nội dung cụ thể và vẻ đẹp của các tác phẩm trữ tình đã học trong chương trình : nội dung trữ tình (vẻ đẹp tâm hồn của những nhà thơ cộng sản như Hồ Chí Minh, Tố Hữu... ; tâm tư tình cảm của một số nhà thơ mới lãng mạn...), cách thức trữ tình (cái tôi trữ tình) ; vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca, vai trò và tác dụng của các biện pháp tu từ trong các tác phẩm trữ tình. Qua những bài thơ này, liên hệ và so sánh với những bài thơ truyền thống (thơ Đường luật) để bước đầu nắm được một số đặc điểm của thơ mới, từ đó biết cách phân tích và cảm thụ thơ mới.

b) Nắm được nội dung và đặc điểm của một số văn bản nghị luận. Về nội dung : thấy được tư tưởng yêu nước, tinh thần chống xâm lăng và lòng tự hào dân tộc của cha ông ta qua những áng văn chính luận nổi tiếng, từ những văn bản thời trung đại như *Chiếu dời đô* của Lí Công Uẩn, *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Nước Đại Việt ta* của Nguyễn Trãi,... đến văn bản thời hiện đại như *Thuế máu* của Nguyễn Ái Quốc. Những nội dung ấy lại được thể hiện bằng hình thức lập luận rất chặt chẽ, sắc sảo với giọng văn đanh thép, hùng hồn. Với các thể văn cổ như *hịch, cáo, chiếu*..., cần nắm được đặc điểm về hình thức như bố cục, câu văn biền ngẫu,... đã giúp cho việc lập luận chặt chẽ và sáng tỏ như thế nào.

2. Về phần Tiếng Việt

a) Lí thuyết :

– Các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật, phủ định ;

– Các hành động hỏi, trình bày, điều khiển, hứa hẹn, bộc lộ cảm xúc và cách thể hiện chúng bằng các kiểu câu ;

– Vai xã hội và lượt lời trong hội thoại ; ý nghĩa của việc ứng xử đúng vai, điều chỉnh thái độ trong giao tiếp ;

– Mục đích của việc lựa chọn trật tự từ trong câu.

b) Thực hành :

Biết vận dụng các kiến thức đã học khi viết bài tập làm văn và khi đọc – hiểu các văn bản chung học ở phần Văn cũng như trong giao tiếp hằng ngày.

3. Về phần Tập làm văn

Về phần Tập làm văn ở chương trình Ngữ văn lớp 8, học kì II, cần chú ý các nội dung sau :

a) Nắm được cách làm bài văn thuyết minh một phương pháp (cách làm), một danh lam thắng cảnh (di tích lịch sử).

b) Nhận diện được các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm và tác dụng của chúng trong văn bản nghị luận. Biết cách làm một bài văn nghị luận kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.

c) Biết cách làm văn bản tường trình và thông báo, nhận ra các lỗi và biết cách sửa lỗi thường gặp ở loại văn bản này.

II – HƯỚNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Chương trình Ngữ văn lớp 8 được xây dựng theo tinh thần tích hợp, vì thế khi ôn tập chuẩn bị cho bài kiểm tra tổng hợp cuối năm, cần chú ý :

1. Các kiến thức về Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn thường dựa vào cùng một văn bản chung đã học để khai thác và hình thành. Khi học ôn, cần liên hệ và gắn các kiến thức của mỗi phần với các văn bản chung có trong sách giáo khoa.

2. Do yêu cầu đổi mới đánh giá, bài kiểm tra áp dụng một phần hình thức thi trắc nghiệm kết hợp với tự luận. Phần trắc nghiệm sẽ kiểm tra một cách tổng hợp trên một diện khá rộng các kiến thức đã học. Văn bản dùng để kiểm tra trắc nghiệm có thể là văn bản đã học, cũng có thể là văn bản chưa được học nhưng cùng tính chất và thể loại với các văn bản đã học. Vì thế không nên học tủ, học lệch mà phải học ôn toàn diện, đầy đủ.

3. Cấu trúc một bài kiểm tra thường gồm hai phần : phần trắc nghiệm (từ 12 – 16 câu) chiếm từ 30% đến 40% số điểm, nhằm kiểm tra các kiến thức về đọc – hiểu văn bản, về tiếng Việt ; phần tự luận chiếm từ 60% đến 70% số điểm, nhằm kiểm tra kiến thức và kĩ năng tập làm văn qua một bài văn ngắn.

4. Có thể tham khảo các đề kiểm tra cuối học kì I và học kì II đã nêu trong *Ngữ văn 6, Ngữ văn 7* và *Ngữ văn 8,* tập một để chuẩn bị cho bài kiểm tra tổng hợp cuối năm.

BÀI 34

Kết quả cần đạt

- *Nắm được hệ thống các văn bản văn học nước ngoài và văn bản nhật dụng đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 8 với những nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại của từng văn bản.*
- *Thông qua luyện tập, biết ứng dụng cách làm văn bản thông báo vào các tình huống cụ thể.*
- *Hệ thống được toàn bộ kiến thức và kĩ năng phần Tập làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 8.*

TỔNG KẾT PHẦN VĂN (tiếp theo)

7. Lập bảng thống kê các văn bản văn học nước ngoài đã học ở lớp 8 theo các cột : tên văn bản, tên tác giả, tên nước, thế kỉ, thể loại, nội dung chủ yếu, nét đặc sắc nghệ thuật nổi bật.

Chọn học thuộc lòng hai đoạn ở hai văn bản khác nhau, mỗi đoạn khoảng 10 dòng.

8. Nhắc lại chủ đề của ba văn bản nhật dụng đã học ở lớp 8. Chỉ ra phương thức biểu đạt chủ yếu mà mỗi văn bản sử dụng.

LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN THÔNG BÁO

I – ÔN TẬP LÍ THUYẾT

1. Hãy cho biết tình huống nào cần làm văn bản thông báo, ai thông báo và thông báo cho ai.

2. Nội dung và thể thức của một văn bản thông báo :

a) Nội dung thông báo thường là gì ?

b) Văn bản thông báo có những mục gì ?

3. Văn bản thông báo và văn bản tường trình có những điểm nào giống nhau, những điểm nào khác nhau ?

II – LUYỆN TẬP

1. Lựa chọn loại văn bản thích hợp trong các trường hợp sau :

a) Để cán bộ, giáo viên và học sinh toàn trường nắm được kế hoạch tổ chức Lễ kỉ niệm ngày sinh nhật Bác 19 – 5, Hiệu trưởng cần viết và chuyển đến toàn trường bản :

– Tường trình

– Thông báo

– Đề nghị

– Báo cáo

b) Hằng tháng, Ban chỉ huy liên đội TNTP Hồ Chí Minh Nhà trường cần biết tình hình hoạt động của các chi đội.

Các chi đội cần viết và gửi lên Ban chỉ huy liên đội văn bản :

– Đề nghị

– Thông báo

– Tường trình

– Báo cáo

c) Trước khi tiến hành giải phóng mặt bằng, mở rộng tuyến đường giao thông, để bà con nông dân có đất đai, hoa màu trên diện tích đó biết được chủ trương trên, Ban quản lí dự án công trình cần viết :

– Đề nghị

– Thông báo

– Tường trình

– Báo cáo

2. Chỉ ra những chỗ sai trong văn bản thông báo sau đây và chữa lại cho đúng.

PHÒNG GD VÀ ĐT QUẬN PHÚ NHUẬN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG THCS PHÚ PHONG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO KẾ HOẠCH KIỂM TRA
CÔNG TÁC VỆ SINH HỌC ĐƯỜNG

Ngày 15 tháng 11 năm 2004

Kính gửi các đồng chí cán bộ và học sinh toàn trường

Để góp phần giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, thiết thực chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, Nhà trường hướng dẫn mục đích, yêu cầu và nội dung kiểm tra công tác vệ sinh học đường như sau :

(1) Mục đích và yêu cầu : Kiểm tra vệ sinh ở tất cả các khu vực lớp học, phòng thí nghiệm, thư viện, sân thể thao, nhà vệ sinh ; trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp thực hiện có kết quả kế hoạch vệ sinh học đường trong toàn trường.

(2) Thành phần tham gia Ban kiểm tra của trường :

– Cô Lê Thị Xoan, Phó Hiệu trưởng : Trưởng ban.

– Thầy Phạm Xuân Thành, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh : Phó ban.

– Các thầy cô chủ nhiệm, lớp trưởng và chi đội trưởng các lớp : Uỷ viên.

Đề nghị Ban kiểm tra của trường sắp xếp kế hoạch và tiến hành công việc đạt hiệu quả.

Hiệu trưởng

Lê Xuân Vinh

3. Hãy nêu một số tình huống thường gặp trong nhà trường hoặc ngoài xã hội mà em cho là cần viết văn bản thông báo (không lặp lại tình huống đã học trong sách giáo khoa).

4. Hãy chọn một trong các tình huống cụ thể vừa nêu và viết văn bản thông báo.

ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN

1. Vì sao một văn bản cần có tính thống nhất ? Tính thống nhất của văn bản thể hiện ở những mặt nào ?

2. Viết thành đoạn văn từ mỗi câu chủ đề sau :

– *Em rất thích đọc sách ...*

– *... Mùa hè thật hấp dẫn.*

3. Vì sao cần phải tóm tắt văn bản tự sự ? Muốn tóm tắt một văn bản tự sự thì phải làm như thế nào, dựa vào những yêu cầu nào ?

4. Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm có tác dụng như thế nào ?

5. Viết (nói) đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm cần chú ý những gì ?

6. Văn bản thuyết minh có những tính chất như thế nào và có những lợi ích gì ? Hãy nêu các văn bản thuyết minh thường gặp trong đời sống hằng ngày.

7. Muốn làm văn bản thuyết minh, trước tiên cần phải làm gì ? Vì sao phải làm như vậy ? Hãy cho biết những phương pháp cần dùng để thuyết minh sự vật. Nêu ví dụ về các phương pháp ấy.

8. Hãy cho biết bố cục thường gặp khi làm bài thuyết minh về :

– Một đồ dùng.

– Cách làm một sản phẩm nào đó.

– Một di tích, danh lam thắng cảnh.

– Một loài động vật, thực vật.

– Một hiện tượng tự nhiên,...

9. Thế nào là luận điểm trong bài văn nghị luận ? Hãy nêu ví dụ về một luận điểm và nói các tính chất của nó.

10. Văn bản nghị luận có thể vận dụng kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm như thế nào ? Hãy nêu một ví dụ về sự kết hợp đó.

11. Thế nào là văn bản tường trình, văn bản thông báo ? Hãy phân biệt mục đích và cách viết hai loại văn bản đó.

PHỤ LỤC

BẢNG TRA YẾU TỐ HÁN VIỆT

STT	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	*ái*	4, 21 ĐT	yêu	*ái* hữu, *ái* quốc, nhân *ái* (B.21, ĐT), thân *ái*, tự *ái* (B.4), tương thân tương *ái*,...
2	*bách*	18	trăm ; số lượng nhiều, không xác định	*bách* chiến *bách* thắng, *bách* hoá, *bách* khoa, *bách* thảo, *bách* thú (B.18),...
3	*bần*	4	nghèo	*bần* cùng, *bần* hàn, *bần* khổ, *bần* nông, *bần* tiện (B.4),...
4	*bất*	17	không	*bất* bình (B.17), *bất* công, *bất* đồng, *bất* khuất, *bất* ngờ, *bất* thường,...
5	*can*	2	gan	*can* đảm, *can* trường, tâm *can* (B.2),...
6	*cận*	3, 12	gần	*cận* đại, *cận* thị, hầu *cận* (B.3), thiển *cận*, tiếp *cận* (B.12),...
7	*chung*	11 TLV	cuối, cuối cùng	*chung* kết, *chung* khảo, *chung* thuỷ, thuỷ *chung* (B.11, TLV), thuỷ *chung* như nhất (trước sau như một, không bao giờ thay lòng đổi dạ),...
8	*cựu*	25	cũ	*cựu* thần, *cựu* triều (B.25), cố *cựu*, thủ *cựu*, tống *cựu* nghênh tân (tiễn cái cũ đi, đón rước cái mới đến – thường nói trong dịp năm mới), y *cựu*,...

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
9	*danh*	9, 26	tên ; có tiếng tăm	*danh* ca, *danh* hiệu (B.26), *danh* nhân, *danh* sách, bí *danh*, địa *danh*, vô *danh* (B.9),...
10	*diện*	13	mặt ; bề mặt	*diện* mạo, *diện* tích (B.13), đa *diện*, đại *diện*, phương *diện*,...
11	*diệp*	11 TLV	lá	*diệp* lục (B.11, TLV), *diệp* thạch, bách *diệp*, đơn tử *diệp*, kim chi ngọc *diệp* (cành vàng lá ngọc : con cháu thuộc dòng dõi quý tộc),...
12	*dụng*	8, 10	dùng	*dụng* cụ, *dụng* ý, áp *dụng*, công *dụng*, sử *dụng* (B.10), vô *dụng* (B.8),...
13	*đăng*	9	đèn	ảo *đăng*, hải *đăng* (B.9), hoa *đăng*, toạ *đăng*,...
14	*đệ*	26	em trai ; người đàn ông ít tuổi hơn, học trò	*đệ* tử, đồ *đệ*, huynh *đệ* (B.26), môn *đệ*, sư *đệ*,...
15	*đường*	20 TLV	nhà	bái *đường* (B.20, TLV), giáo *đường*, học *đường*, lễ *đường*, thánh *đường*,...
16	*hành*	12	đi	*hành* khách, *hành* lang (B.12), *hành* lí, *hành* quân, khởi *hành*,...
17	*hắc*	12	đen ; rủi ro	*hắc* ám, *hắc* ín (B.12), *hắc* nô, *hắc* vận,...
18	*hoan*	27	mừng, vui	*hoan* hỉ, *hoan* hô, *hoan* nghênh, hân *hoan* (B.27), liên *hoan*,...
19	*hoàng*	8	vàng	*hoàng* cúc, *hoàng* hôn (B.8), *hoàng* oanh, *hoàng* yến,...
20	*huynh*	26	anh ; bậc đàn anh	*huynh* đệ (B.26), đại *huynh*, phụ *huynh*, sư *huynh*, tôn *huynh*,...

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
21	*hương*	2	làng ; quê	*hương* sư, *hương* ước, cố *hương*, đồng *hương*, hồi *hương*, tha *hương* cầu thực (B.2),...
22	*khẩu*	12	miệng	*khẩu* hiệu (B.12), *khẩu* lệnh, *khẩu* trang, *khẩu* vị, truyền *khẩu*,...
23	*kiến*	2, 26	thấy ; hiểu ; gặp	*kiến* giải, *kiến* hiệu, *kiến* thức, chứng *kiến* (B.26), hội *kiến*, thành *kiến* (B.2), yết *kiến*,...
24	*lâm*	18	rừng	*lâm* nghiệp, *lâm* sản, kiểm *lâm*, sơn *lâm* (B.18), tiểu *lâm*,...
25	*mã*	7	ngựa	*mã* lực, chiến *mã*, đơn thương độc *mã* (đơn độc lẻ loi trước một việc nặng nề, khó khăn, không có sự hỗ trợ của người khác), giám *mã* (B.7), hà *mã*,...
26	*ngũ*	25	năm	*ngũ* kinh (B.25), *ngũ* liên, *ngũ* ngôn, *ngũ* quả, *ngũ* quan,...
27	*nhất*	6	một	*nhất* tâm, *nhất* thời, độc *nhất* (B.6), đồng *nhất*, hợp *nhất* , thống *nhất*,...
28	*niên*	12, 22	năm ; tuổi	*niên* đại, *niên* hiệu (B.22), *niên* khoá, *niên* thiếu, thanh *niên* (B.12), thiên *niên* kỉ,...
29	*pháp*	13 ĐT	cách thức	biện *pháp*, đấu *pháp*, giải *pháp*, liệu *pháp*, phương *pháp* (B.13, ĐT),...
30	*phẩm*	7	đồ, vật	ấn *phẩm*, bưu *phẩm*, chiến lợi *phẩm* (B.7), tặng *phẩm*, thực *phẩm*,...
31	*phế*	12	phổi	*phế* nang, *phế* quản (B.12), *phế* viêm, bổ *phế*,...

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
32	*quan*	27	xem, nhìn	*quan* điểm, *quan* sát, *quan* trắc, bàng *quan*, tham *quan* (B.27),...
33	*quảng*	12	rộng, rộng rãi, rộng lớn	*quảng* canh, *quảng* cáo (B.12), *quảng* đại, *quảng* giao, *quảng* trường,...
34	*sát*	26	giết	*sát* hại, *sát* nhân, *sát* trùng, ám *sát*, tàn *sát* (B.26),...
35	*sinh*	4, 10	sống ; đẻ	*sinh* động, *sinh* hạ, *sinh* hoạt, *sinh* lực, *sinh* nhai (B.4), *sinh* nhật, *sinh* sản, *sinh* thời, *sinh* vật (B.10), hồi *sinh*, song *sinh*,...
36	*thạch*	27	đá	*thạch* nhũ, hoá *thạch* (B.27), ngọc *thạch*, nham *thạch*, phún *thạch*,...
37	*thị*	10	chợ ; thành phố ; nơi tập trung đông người ; trung tâm chính trị, văn hoá, kinh tế,...	*thị* trường, *thị* xã, đô *thị* (B.10), siêu *thị*, thành *thị*,...
38	*thiểu*	10	ít	*thiểu* lực, *thiểu* năng, *thiểu* số, giảm *thiểu* (B.10), tối *thiểu*,...
39	*thuỷ*	11 TLV	đầu, khởi đầu	*thuỷ* chung (B.11, TLV), *thuỷ* tổ, khởi *thuỷ*, nguyên *thuỷ*, sơ *thuỷ*,...
40	*thực*	2, 10	ăn	*thực* phẩm (B.10), *thực* quản, ẩm *thực*, tha hương cầu *thực* (B.2), tuyệt *thực*,...
41	*tốc*	19 TLV	nhanh	*tốc* độ (B.19, TLV), *tốc* hành, cấp *tốc*, hoả *tốc*, thần *tốc*,...
42	*tối*	26	nhất	*tối* cao (B.26), *tối* đa, *tối* hậu thư, *tối* tân, *tối* thiểu,...

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
43	*trọng*	2 TLV	nặng, nặng nề	*trọng* lượng, *trọng* pháo, *trọng* tải, *trọng* trách (B.2, TLV), thể *trọng*,...
44	*từ*	1	tốt bụng, thương người, hiền	*từ* bi, *từ* mẫu, *từ* tâm, *từ* thiện, hiền *từ* (B.1),...
45	*tử*	13, 26	chết	*tử* hình, *tử* nạn, *tử* sĩ (B.26), *tử* vong (B.13), bất *tử*,...
46	*tự*	4	chữ	*tự* dạng, chuyển *tự*, đại *tự*, kim *tự* tháp, văn *tự* (B.4),...
47	*vệ*	10	giữ, giữ gìn	*vệ* quốc, *vệ* sĩ, *vệ* sinh, bảo *vệ* (B.10), hậu *vệ*,...
48	*vi*	12	rất nhỏ	*vi* khuẩn (B.12), *vi* mô, *vi* sinh vật, *vi* trùng, (kính) hiển *vi*,...
49	*vĩ*	18	rất to, rất lớn	*vĩ* đại, *vĩ* mô, *vĩ* nhân, hùng *vĩ* (B.18), kì *vĩ*,...
50	*vong*	13	chết	*vong* hồn, *vong* linh, *vong* nhân, trận *vong*, *tử vong* (B.13),...

MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **NGUYỄN QUÝ THAO**

Biên tập lần đầu : **KIM CHUNG – NGỌC KHANH – HIỀN TRANG**
Biên tập tái bản : **NGUYỄN THỊ LAN**
Biên tập kĩ thuật : **KIỀU NGUYỆT VIÊN**
Trình bày bìa và minh hoạ : **TRẦN TIỂU LÂM**
Sửa bản in : **NGUYỄN THỊ HOA DUNG**
Chế bản : **CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC**

NGỮ VĂN 8 – TẬP HAI

Mã số : 2H812T1

In .... cuốn, khổ 17 × 24 cm.
In tại Công ty cổ phần in ....
Số in : .... Số xuất bản : 01-2011/CXB/79-1235/GD
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm 2011.